

15 THÁNG 9 NĂM 1967

BÁCH KHOA

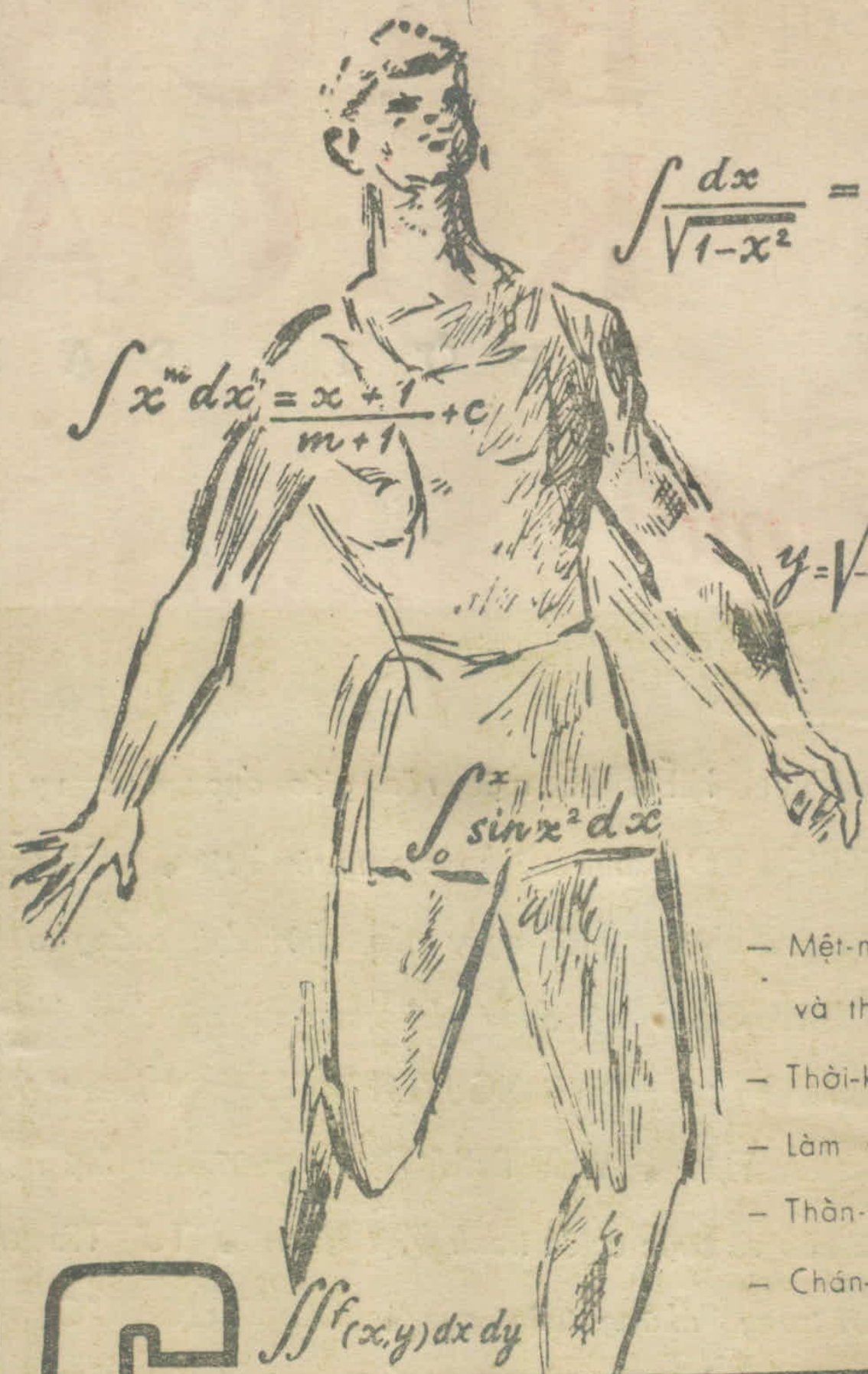
T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN HIẾN LÊ *một nền giáo dục phục vụ **
NGUYỄN TOẠI *bàn về họ của người Việt ** NGUYỄN
HIẾN LÊ *những mối nguy của thời đại chúng ta **
LŨ PHƯƠNG *nội dung chủ quan và nội dung khách
quan trong tác phẩm ** NGUYỄN VĂN XUÂN *hiện tượng
Lục Vân Tiên ** VIỆT PHƯƠNG *người dân Mỹ nghĩ
thế nào về cuộc chiến tranh Việt Nam ** TỪ TRÌ *thế
giới trong những tuần qua ** ĐỖ TIẾN ĐỨC *má
hồng ** ĐÀO TRƯỜNG PHÚC *cát lạnh ** VÕ HỒNG
gió cuốn * MINH QUÂN *lá thư Tây Ban Nha **
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI *đọc sách giúp bạn ** **SINH
HOẠT** *Phát triển nông thôn giáo dục nông nghiệp **
*« Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc » kỷ niệm đệ
nhất chu niên ngày thành
lập ** Ngày Quốc tế chống
nạn mù chữ tại Saigon.

257





$$\int \frac{dx}{\sqrt{1-x^2}} = \arcsin x + c$$

$$\int x^m dx = \frac{x^{m+1}}{m+1} + c$$

$$y = \sqrt{-\frac{9}{2} + \sqrt{\frac{9^2}{9} + \frac{\mu^3}{21}}}$$

$$\int_0^x \sin x^2 dx$$

$$\iint f(x,y) dx dy$$

- Mệt-mỏi thân-thể và thần-kinh.
- Thời-kỳ dưỡng bệnh
- Làm việc trí óc quá sức.
- Thần-kinh yếu-mệt
- Chán-nản.

S CORBO-TONIC

MÙI THƠM - KHÔNG ĐỘC

TỔNG PHÁT HÀNH
 VIỆN BẢO CHẾ O.P.V.
 34 Nguyễn Huệ Sài Gòn



BÁCH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 257 ngày 15-9-1967

NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một nền giáo-dục phục-vụ</i>	3
NGUYỄN TOẠI <i>bàn về họ của người Việt</i>	8
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>những mối nguy của thời đại chúng ta (dịch ANDRÉ MAUROIS : thư ngỏ gửi một người thanh-niên).</i>	13
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>hiện tượng Lục-Vân-Tiên (Văn-ngệ Miền Nam nhìn từ Miền Trung)</i>	19
LỮ PHƯƠNG <i>nội-dung chủ-quan và nội-dung khách-quan trong tác-phẩm</i>	22
MINH QUÂN <i>lá thư Tây-Ban-Nha</i>	27
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	35
TỪ TRÌ <i>thế-giới trong những tuần qua</i>	43
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	47
VIỆT PHƯƠNG <i>người dân Mỹ nghĩ thế nào về cuộc chiến-tranh Việt-Nam</i>	52
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>cát lạnh (truyện ngắn)</i>	59
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn : Kỉ-niệm 100 ngày Pháp chiếm Nam-Kì (20-6-1867 — 20-6-1967) — Một chỗ nào khác (Viên-Linh) Đạo diễn và diễn viên (Ngọc - Linh) Quê-hương thơ ấu (Kiên-Giang)</i>	71
SINH HOẠT <i>Phát-triển nông thôn và Giáo-dục nông-nghiệp.</i>	78
<i>« Lực-lượng Bảo vệ Văn-hóa Dân-tộc » kỉ-niệm đệ nhất chu-niên ngày thành lập.</i>	82
<i>Ngày quốc tế chống nạn mù chữ ở nước Việt Cộng-hòa.</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
 Tòa-soạn :
 160 Phan Đình Phùng Saigon
 Đ.T. 25.539
 H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 25\$ Công sở : Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Bách-Khoa đã nhận được các sách báo sau đây :

— **Hương rừng Cà-mau** tập truyện của Sơn-Nam do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm 18 truyện ngắn đặc sắc về Miền Nam của tác giả; trình bày trang nhã. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Ngày qua bóng tối** truyện của Nguyễn-thị-Hoàng do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 142 trang giá 30đ.

— **Cỏ biếc và dấu chân người** tập thơ của Hoàng Tay Linh, do tác giả gửi tặng. Sách in khổ 20 x 26 gồm 12 bài thơ. Giá 30đ.

— **Con tàu bí mật** truyện của Nguyễn Trường Sơn, thuộc Tủ sách Tinh Hoa, do Anh-Huy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang, khổ 11 x 16. Giá 30đ.

— **Kỷ niệm 100 năm ngày Pháp chiếm Nam-kỳ** của Trương-Bá-Cần, Phạm-Cao-Dương, Lê Văn Hào, Nguyễn-Khắc-Ngũ, Trần Trọng Phủ, Lý Chánh Trung, do nhà Trình-Bày xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang, bản đặc biệt. Giá bản thường 120đ.

— **Mãnh vụ**, truyện dài của Trịnh Thị Diệu Tân, do Ngọc Minh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 108 trang. Giá 65đ.

Diễm cung, truyện của Hà-Thủy do Nhân-Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang. Giá 35đ.

— **Quê hương thơ ấu** tập thơ của Kiên Giang Hà Huy-Hà do Phù Sa xuất bản và gửi tặng, Sách dày 64 trang khổ 21 x 27 gồm trên 30 bài thơ. Giá 70đ.

— **Đạo diễn và diễn viên**, biên khảo của Ngọc Linh do Phù Sa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm những đề mục về kịch, về Đạo-diễn, về Diễn viên về Diễn xuất v,v... Giá 54đ.

— **Bông hồng cài áo** Bản nhạc đặc sắc của nhạc sĩ được lớp người trẻ tin yêu là Phạm Thế Mỹ sáng tác theo ý của tập đoàn văn nổi tiếng của thầy Nhất Hạnh: Bông Hồng Cài Áo do « Hát cho Quê Hương » ấn hành.

— **Nẻo về của Ý** của Nhất Hạnh do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 352 trang, bìa của Hiếu Đệ. Giá 150đ.

— **Ý Văn I** của Tam Ích do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 314 trang, gồm những gần hai chục bài về văn học. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Con đường thuốc lá**, nguyên tác « Tobacco Road » của Erskine Caldwell, bản Việt dịch của Vũ đình Lưu, do Ca Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 220 trang. Bản đặc biệt không đề giá...

— **Tự học thổi sáo và ngâm thơ trong một tuần** của Tô Kiều Ngân, sách dày trên 40 trang, khổ 21x29, có chỉ dẫn rõ ràng về ống sáo và một số bài tập có ghi bản nhạc cùng một phần về nghệ thuật ngâm thơ. Giá 80 đ.

Sắp phát hành :

NGHỆ THUẬT, TRUYỀN THỐNG
và CHÂN LÝ

(Art, Tradition and Truth) của Walter Kaufmann.

CADA0 xuất bản

Một nền giáo-dục phục-vụ

● NGUYỄN - HIỂN - LÊ

Tháng chín năm 1945, sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, viên kỹ sư Nhật, Giám đốc sở Thủy Lợi Nam Việt mời một số anh em chúng tôi lại để giao công việc. Tôi còn nhớ lời cuối cùng của ông ta :

« Nước Việt Nam các ông thế nào cũng được độc lập, còn nước Nhật chúng tôi không hy vọng gì ngóc đầu lên được nữa. Tôi chúc các ông may mắn.»

Trong khi nói một tay ông ta bấu mạnh vào bụng, mồ hôi nhễ nhại, vẻ mặt đau đớn. Tôi có cảm tưởng ông ta đứt từng khúc ruột. Lúc đó ai cũng tin rằng Nhật đã hết thời, may lắm là còn giữ được cái tên trên bản đồ thế giới.

Ba bốn năm sau tôi được đọc một sách Pháp (lâu quá, tôi quên tên tác giả và nhan đề) ghi lại một lời của một tướng Đức, đồ đệ trung kiên của Hitler khi Bá Linh mới bị đồng minh chiếm đóng. Đại ý ông ta dặn dò đồng chí không nên thất vọng, có thể khai thác những mâu thuẫn giữa Đồng minh mà giành lại địa vị trên bàn cờ quốc tế, một địa vị mà dân tộc Nhật-Nhi-Man đáng được hưởng. Lời đó đã làm cho tôi suy nghĩ lung.

Ngày nay tôi thấy rằng nhận định của viên tướng Đức này đúng hơn nhận định của viên kỹ sư Nhật kia.

Chiến tranh kết liễu mới khoảng hai chục năm mà Đức và Nhật đã giành lại được địa vị của họ ít nhất là về mặt

kinh tế. Nền kinh tế của Tây Đức thịnh vượng hơn cả nền kinh tế của Anh, Pháp; đồng mark của Tây Đức có giá trị hơn đồng bảng của Anh, đồng quan của Pháp, và mức sống của họ cao nhất ở Tây Âu. Nhật còn thịnh vượng hơn nữa : khắp thế giới, ngay cả Mỹ đều mua máy chụp hình, đồng hồ, máy khâu của họ ; xe Honda, xe Suzuki, các loại máy của nhà National tràn ngập thị trường Việt Nam, kỹ nghệ đóng tàu của họ đứng bậc nhất thế giới và kỹ thuật điện tử của họ cũng sẽ vượt cả Đức, Mỹ. Hễ mạnh về kinh tế thì mạnh về chính trị, mà hễ tấn bộ về kỹ nghệ thì cũng dễ tấn bộ về vũ khí. Không một chính phủ nào dám coi thường hai dân tộc bại trận đó, họ đã vượt được nhiều dân tộc thắng họ hai mươi mấy năm trước.. Mỹ đã phải vượt về Nhật ; rồi đây cả Mỹ lẫn Nga cũng phải vượt về Tây Đức nữa.

oOo

Bây giờ nhìn lại tình cảnh nước mình. Năm 1945 anh em chúng tôi đều tin lời viên kỹ sư Nhật : Đồng Minh đã thắng trận, tất sẽ trả lại độc lập cho Việt Nam và chỉ năm mười năm sau dân tộc mình sẽ thịnh vượng, canh nông và kỹ nghệ sẽ phát triển, mức sống của dân sẽ cao, trình độ văn hóa của đại-chúng sẽ tiến.... Chúng tôi quá ngây thơ. Chính sách thực dân cũ chưa chết : Pháp được sự ủng hộ của Anh, Mỹ đổ bộ lên miền

Nam đề mong tái chiến xứ mình. Phải đổ máu táng, chín năm mới đuổi họ đi được. Khi đuổi được họ thì nước bị chia đôi; chính sách thực dân cũ cáo chung nhưng lại thay bằng chính sách thực dân mới tai hại cũng không kém. Phải hoàn toàn lệ-thuộc về kinh-tế, chúng ta lần lần mất chủ quyền về chính trị. Non sông còn đó, nhưng vận mạng ba chục triệu dân ở cả trong tay người.

Thế là ông cha ta đã mất một cơ hội canh tân ở thế kỷ trước; qua thế-kỷ này chúng ta lại mất hai cơ hội nữa; 1945 vì thực-dân cũ, và 1954 vì thực dân mới. Canh nông đã chẳng tiến bộ mà còn thụt lùi; kỹ nghệ không phát triển, vì chỉ chuyên vô hộp và lắp máy chứ có sản xuất được gì đâu, mà cơ quan hành chánh thì thối nát, bất lực gấp mười hồi tiền chiến, xã hội tan rã, sa đọa kinh khủng, chưa hề thấy trong lịch sử dân tộc. Sau hai mươi năm giành lại được độc lập, Việt Nam đã thành một sân banh như ông Nguyễn Văn Trung đã chua xót nhận xét trong tập *Nhận định IV*.

Nhưng ít nhất trong hai chục năm đó chúng ta cũng đã rút được một kinh nghiệm: đừng nên trông mong gì ở người cả, phải giành lại cho được cái quyền tự quyết, phải thắt bụng lại, nai lưng ra mà làm việc, sản xuất cho mạnh mà chi tiêu bớt đi — từ chối mọi viện trợ về các môn xa xỉ vì nhận tức là tự đầu độc đấy, đầu độc tới cả thể hệ cháu chắt của mình nữa. Tóm lại chúng ta phải tự cứu lấy ta.

Trong một nước kém phát triển như nước mình, nhất là sau một phần tư thế kỷ chịu tai họa chiến tranh, sinh lộ độc nhất là phát triển mạnh về kinh tế:

kinh tế có tấn bộ thì mới có những tấn bộ khác về xã hội, chính trị, văn hóa. Điều đó chúng tôi đã trình bày với độc giả trong cuốn *Một niềm tin*.

Mà muốn cho nền kinh tế phát triển thì phải đào tạo một lớp thanh niên có một vốn kỹ thuật đủ dùng, có phương pháp làm việc, và có tinh thần phục vụ trước hết rồi mới nghĩ tới chuyện hưởng thụ. Tương lai dân tộc một phần lớn tùy thuộc hạng thanh niên đó, và học đường bất kỳ ở cấp nào phải nhắm mục đích đào tạo họ.

oOo

Về sự cần thiết đào tạo gấp các kỹ thuật gia, rút bớt các trường phổ-thông mà mở thêm nhiều trường chuyên nghiệp, trong mười năm nay biết bao cuộc hội thảo, biết bao bài báo đã bàn đi bàn lại rồi.

Người ta đã trách nền giáo dục hiện thời mỗi năm đào tạo cả trăm ngàn thanh niên may lắm là cạo giấy được chứ không làm được việc gì khác, mà lại khinh những nghề tay chân.

Người ta đã đưa ra những thống kê cho biết số học sinh trường kỹ thuật chỉ bằng 3-4% số học sinh phổ thông. Số sinh viên Y khoa, Nha khoa, Dược khoa Kiến trúc, Công chánh, Điện,.. gồm cả lại không bằng số sinh viên Luật khoa, mà số sinh viên này còn kém xa số sinh viên Văn khoa (5500 Luật / 7200 Văn, ở Đại học Saigon trong niên khóa 1965-1966).

Người ta đã đề nghị mở thêm một trường kỹ thuật trung cấp cho mỗi tỉnh, mở thêm các ngành chuyên nghiệp ở Đại học, tăng cường số giáo sư, đào tạo thêm giáo sư, miễn quân dịch cho họ, sửa đổi qua chế độ Đại học v.v.

Những điều đó đều đúng cả, ai cũng phải nhận là đúng, chắc chính quyền cũng nhận là đúng, nhưng chỉ bỏ ra được có 2,50/0 (1) lợi tức còm của quốc gia thì dẫu có là thánh cũng chẳng làm được gì. Cho nên, chúng ta khỏi phải bàn lại làm chi cho mất công. Tôi chỉ xin bàn dưới đây về điểm thứ nhì: tinh thần phục vụ của thanh niên, đặc biệt và của những phần tử ưu tú nhất, tức sinh viên tốt nghiệp Đại học và Cao Đẳng.

600

Theo báo *Chính luận* ngày 27-7-67 thì trong cuộc hội thảo về *Mục tiêu Quốc gia* ở Đà Lạt vừa rồi, Giáo sư Nguyễn cao Hách bảo:

«Nếu mỗi sinh viên học thuốc với mục đích tốt nghiệp thì đi chữa bệnh cho bọn nhà giàu, nếu học luật với mục đích đi biện hộ cho bọn có tiền, nếu học dược để xin độc quyền khai thác băng sáng chế của ngoại quốc (..) thì có thể coi như nền giáo dục Việt Nam đã chết và cả quốc gia này cũng đã chết rồi.»

Ông còn cho ta hay rằng mỗi năm chính quyền tiêu hai triệu bạc (2) cho một sinh viên Y khoa, rồi ông kêu gọi sinh viên «phục vụ người nghèo chứ đừng dùng văn bằng Đại học để triệt để khai thác xã hội.»

Đó là lời của một giáo sư. Đây là lời của sinh viên tự thú: «Đại học Dược khoa hiện tại chỉ đào tạo những địa vị dược sĩ, những chủ hiệu thuốc tây hay rõ ràng hơn, những tấm bằng có thể cho thuê để mở nhà thuốc.» (Nội san *Sinh viên* số 4, ngày 1-6-67). Ai cũng biết rằng những tấm bằng đó hiện nay giá từ 30.000 đến 50.000đ mỗi tháng, tùy miền; mà lương giảng viên hay giảng sư Đại học chỉ được từ 12.000 đến 15.000đ.

(1) Ở Nhật, con số đó là 5,2 0/0

(2) Tôi gạch dưới.

Nói tới Dược khoa thì ai cũng liên tưởng ngay tới Y khoa. Tôi biết có một số bác sĩ già và cả trẻ nữa có lương tâm mà lại tiết kiệm tiền bạc cho bệnh nhân; nhưng tôi cũng biết mười năm nay mới phát sinh vài lối chữa bệnh rất lạ lùng.

Chẳng hạn có ông bác sĩ coi mạch qua loa rồi, bất kỳ bệnh nhân mắc chứng gì cũng chích cho hai mũi thuốc, chẳng biết là thuốc gì. Bệnh nhân nào cũng phải chích hai mũi, chứ không ba, cũng không một.

Lại có ông quay sẵn ronéo một sấp toa: bệnh nhân tới, bị bệnh bao tử chẳng hạn, thì ông ta rút ngay ra một cái toa kê độ mười lăm thứ thuốc trị bao tử, cả thuốc uống lẫn thuốc chích, rồi đánh dấu chữ X lên tên năm sáu thứ, bảo bệnh nhân lại tiệm thuốc mua. Chính tôi đã được một ông lão nhà quê nghèo rớt, qua hai con sông lớn, ra tỉnh đi bác sĩ. rồi lại thăm tôi, đưa cho tôi coi một cái toa như vậy. Không có một hàng chữ chỉ dẫn cách uống thuốc ra sao. Người ta chỉ dặn miệng! Tôi nghi bụng: đúng là phương pháp hợp lý hóa của Taylor đây: chuẩn bị, nhất luật hóa mẫu mực, tiết kiệm cử động và thời giờ, dự trữ, vân.vân.... đủ cả.

Lần ấy là lần đầu tiên ông lão gần bảy mươi đó đi bác sĩ, mà cũng là lần cuối cùng vì không có tiền đi lần nữa. Ít lâu sau ông chết. Tội nghiệp cho dân quê! Đã nhiều lần tôi đề nghị với các bác sĩ quen viết một tập mỏng nhan đề là «Đi Bác sĩ nên biết» hoặc «Dùng thuốc tây nên biết» để giúp các người dân ít học, chất phác biết mà nhận định rồi mà đề phòng, nhưng vị nào cũng chỉ làm thinh. Tôi ngây thơ quá. Chắc các ông ấy không khỏi nghi thầm: «Hắn muốn mình đóng cái vai Don Quichotte đây.»

Đúng lắm, phải có nhiều cán bộ đủ mọi ngành, mọi cấp (Do Thái có cả chực

cán bộ canh nông cho mỗi làng nên trong mười lăm năm họ đã biến đổi 65% sa mạc khô cháy Neguev thành ruộng mơn mớn được) và mỗi cán bộ phải có tinh thần phục vụ dân chúng thì nước Việt Nam mình mới tồn tại được. Đào tạo cán bộ không phải là khó, nhưng làm sao tiêm cho họ được cái tinh thần phục vụ đây? Đã có vị Viện trưởng Đại học Việt Nam nào nghĩ tới điều đó chưa nhỉ?

Tôi chẳng có chút kinh nghiệm gì về các tổ chức Đại học cả, những ý kiến dưới đây tất là thô thiên, nên phải xin lỗi trước các vị Viện Trưởng và Khoa trưởng.

Ý ngu của tôi là đừng đua đòi các ông Tây, ông Mỹ nữa. Các ông ấy đã có một chế độ Đại học cả mấy trăm năm rồi, các ông ấy giàu quá rồi, mình nghèo như vậy làm sao mà theo cho kịp, thôi thì mình cứ tùy nhu cầu hiện tại của dân mình mà đào tạo thanh niên.

Quốc dân cần gì? Cần có nhiều cán bộ được việc nhất, nhất là hạng cán bộ nông thôn. Vậy ta cứ lập những trường mà ta gọi là Trường Cán bộ hoặc trường Phục Vụ, trường Phụng sự, trường Cứu quốc... gì gì cũng được, miễn là đừng dùng những tên cũ: Trung học, Đại học, Cao đẳng. Sẽ có những trường Cán bộ cấp I, cấp II, cấp III, hoặc Phục vụ I, II, III...

Tôi không lập dị đâu. Cụ Khổng ngày xưa đã bảo danh có chính thì ngôn mới thuận; nếu cứ gọi là Trung học, Đại học thì người ta chỉ nghĩ tới chuyện học để được lên cấp trung, rồi cấp đại rồi ra kiếm tiền cho được « đại », để thành đại quý, đại phú, đại sư, đại sứ... chứ không nghĩ tới chuyện phục vụ, cứu quốc. Và lại, đổi danh từ vẫn là chuyện thường thấy trong mấy chục năm

nay: đại diện xã (để thay xã trưởng), bộ trưởng (để thay thượng thư) rồi ủy viên (để thay bộ trưởng) vân vân....

Mà những sự đổi danh đó nhiều khi chỉ là đổi nhãn (tôi chẳng thấy một ông ủy viên khác một ông bộ trưởng ở chỗ nào). Còn sự đổi danh tôi đề nghị với độc giả ở đây không phải chỉ là chuyện hình thức mà còn rất hợp với nội dung. Những trường Cán bộ (hay Phục vụ... gì đó) sẽ có một chương trình khác: bỏ hết những cái gì không có ích lợi thiết thực, những cái phù phiếm đi (sau này khi nào nước chúng ta tấn bộ kha khá rồi sẽ nghĩ tới cái phù phiếm vì tôi nhận rằng cái phù phiếm cũng có ích nếu nó hợp thời); sẽ có một lối dạy khác: chẳng hạn cứ ba tháng lý thuyết thì lại vài tháng thực tập trong xưởng, ở đồng ruộng hoặc trong công sở, trong các công cuộc xã hội; như vậy cho học sinh quen làm việc, tiếp xúc với nhân dân và giúp đỡ nhân dân. Có thể bãi bỏ các kỳ thi lên lớp, ra trường, cứ căn cứ vào các điểm về lý thuyết nhất là về thực tập mà cho lên lớp, lên cấp, như vậy tất nhiên là bãi bỏ luôn được cả bằng cấp.

Hết cấp II chẳng hạn, hoặc ngay ở đầu cấp II (tôi không nói rằng nó tương đương với Trung học đệ nhị cấp của ta hiện nay, vì khác nhau hẳn, không thể so sánh được), người ta sẽ lựa một số học sinh thông minh, có năng khiếu riêng, có óc suy xét, tìm tòi, có sáng kiến để đào tạo trong những lớp riêng sau này thành những học giả, những nhà nghiên cứu, những nghệ sĩ... chứ cứ như bây giờ, thanh niên chẳng có óc tìm tòi cũng cho vào đại học, mà giáo sư chẳng có thành tích tìm tòi gì cả, cũng mời vào Đại học để đọc « cua » cho sinh viên chép, thì thứ đại

học đó chỉ đào tạo những con người vênh vênh tự đắc về bằng cấp rồi đòi được hưởng thụ cho nhiều chứ làm sao khác được.

Ở các trường Cán bộ ra bất kỳ là cấp nào, thanh niên cũng phải phục vụ quốc gia trong một thời gian là ba hoặc năm năm. Riêng ở trường Cán bộ Y khoa cấp III ra, họ phải phục vụ mười năm vì sự đào tạo họ tốn kém cho quốc dân quá và cũng vì dân nghèo rất cần sự phục vụ của họ. Về môn được tôi nghĩ chỉ cần đào tạo một số ít người có thực tài sau này chuyên nghiên cứu về được, còn cái việc bán thuốc, không xứng với sở học của các vị ấy, có thể miễn cho họ được. Chúng ta cứ quá theo Pháp, chứ ở Mỹ đâu phải ở Đại học ra mới bán thuốc được mà dân Mỹ còn khỏe mạnh hơn dân Pháp nữa.

Bạn sẽ hỏi tôi:

— Như vậy bằng cấp của mình không tương đương với các bằng cấp Âu, Mỹ?

— Thưa, dĩ nhiên rồi. Mà cần gì phải tương đương? Mình đào tạo thanh niên cho mình, theo nhu cầu hiện thời của nước mình mà. Tôi cần ăn gạo lứt Rạch Giá để có sinh tố B₁, B₂. . thì tôi mua gạo lứt, cần gì phải hỏi xem rằng ông hàng xóm ăn gạo gì, gạo Mỹ hay gạo Thái Lan.

— Thế rồi có cho sinh viên đi du học hoặc tu nghiệp ngoại quốc không?

— Thưa có, cho đi du học rất nhiều nữa. Chúng ta còn cầu trong cái thế giới tự do có một nước nào hào phóng dám nhận một lần cả năm trăm, cả ngàn học sinh của ta nữa chứ. Họ vừa học vừa làm, học để thêm kiến thức và kinh nghiệm chứ không cần bằng cấp. Các nước đàn anh đó cứ cho họ vào những lớp, những xưởng, nhưng trại ruộng;

nào đó tùy theo sự hiểu biết của họ. Họ có thể làm bằng thính viên, làm thợ, làm gì cũng được, miễn học thêm được thì thôi, chứ không cần có bằng cấp.

Như vậy là đồng thời giải quyết luôn được các vấn đề trường Tây trường Ta, trường Việt trường Mỹ. Chương trình của chúng tôi như vậy, nhằm mục đích như vậy, ông Tây, ông Mỹ, ông Nhật, ông Đức hay ông nào khác muốn giúp đỡ và có thể giúp đỡ được thì chúng tôi cũng niềm nở đón tiếp và thành thực mang ơn; còn như theo chương trình của các ông thì chúng tôi cũng muốn lắm, nhưng nghèo, chưa thể theo được, xin hẹn một khi khác.

Cũng giải quyết luôn luôn được vấn đề quay phim, hành hung giám khảo, cả vấn đề tự trị đại học, qui chế đại học... nữa, vì chúng ta không có đại học, chỉ có những trường đào tạo những cán bộ phục vụ quốc dân và một số các nhà bác học có thực tài. Ai có khả năng thì được mời dạy, và trong khi dạy vẫn phải phục vụ, vẫn phải nghiên cứu, vẫn phải học thêm.

Giải pháp đó, tôi nhận là đơn giản quá; nhưng muốn diệt cái tinh thần hưởng thụ mà Giáo sư Nguyễn cao Hách đã lên tiếng cảnh cáo ở Đà Lạt, tôi nghĩ phải theo cái hướng đi đó, chứ không thể chạy theo cái ông Tây, ông Mỹ được; các ông ấy bỏ xa mình quá rồi, mình phải kiếm con « đường tắt » như các nhà xã hội học phương Tây thường nói.

Bạn lại hỏi tôi rằng :

— Bất thanh niên phục vụ trong khi các đàn anh họ, từ các ông lớn tới các ông bé, từ các ông chính khách tới các ông làm 1p phe phè phỡn hưởng thụ thì...

— Dạ, về điểm đó thì tôi xin chịu. Bởi nó kẹt, kẹt quá cỡ. Cái gì cũng kẹt. Tôi xin nhận cái tội bàn suông. Chỉ tại cái ông chủ nhiệm Bách Khoa cứ thúc tôi hoài đấy thôi.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Bàn về họ của người Việt

Trong các bài « Về sự cần thiết của khoa nhân-danh-học ở Việt Nam » trên Bách-Khoa số 47 và « bài » Phục hồi họ Việt » trên số 49, Hồ Hữu Tường tiên sinh có bản khoản về sự mai một các họ có tính cách dân tộc của ta và lo đến việc phụ bồi những họ ấy. Mỗi ưu tư đó là do lòng yêu tổ quốc, yêu dân tộc, nhưng thử xét xem có căn cứ không. Sau đây mấy ý kiến đem ra bàn lại với tiên sinh và học giới.

Hồ tiên sinh tuyên bố quả quyết rằng xưa kia, ta có những họ thật là dân tộc, rồi do hiện tượng mất họ (vì vọng ngoại, vì bị bắt buộc) những họ ấy mất đi. Đan cử họ Trung của hai Bà. Hồ tiên sinh nhận xét rằng ngày nay không thấy ai họ Trung cả.

Hiện nay, các họ của ta đều trùng với những họ của người Trung Hoa. Họ Trung cũng thế. Tuy nay không thấy có người Việt nào có họ Trung, nhưng họ Trung không phải một họ chỉ Việt Nam xưa mới có, và Trung quốc không có ; bên Trung quốc thực ra cũng có họ Trung tuy họ này ít thấy.

Các họ của ta ngày nay đều có thể viết ra bằng chữ Hán nên có thể nghi rằng đều là họ vốn của cả Trung quốc mà dân ta theo. Hiện nay không thấy có họ Việt nào thuần túy tiếng Việt, phải dùng

chữ nôm viết ra để có thể nhận đây là một họ thuần túy của người Việt.

Phải hỏi rằng họ Trung, mà Hồ tiên sinh cho là họ Việt, có thật là họ vốn có của hai Bà hay cũng chỉ là một họ mà ông cha của hai Bà mới có mà thôi ? Hỏi thế là vì xưa kia, trước khi có chữ, có sử, người dân ta có họ không ? Một hiện tượng mà các nhà nhân loại học, nhân chủng học, phải công nhận là có những dân tộc vốn không có họ. Có thể rằng dân sống ở trung du sông Cái, trước khi tiếp xúc với dân Trung quốc, cũng vốn không có họ và chỉ có họ sau khi đã sống chung với đám dân từ phương Bắc kéo sang. Bà Trưng mất năm 43, khi ấy dân Việt ở lưu vực sông Cái đã sống chung với đám dân Trung quốc sang ta từ trước Triệu Đà hơn hai trăm năm rồi. Có thể trong hơn hai trăm năm ấy người dân Việt bắt chước người dân từ Trung quốc sang mà tự đặt họ cho mình, lấy họ của người Trung quốc. Cũng có thể người Trung quốc cai trị đặt họ ra rồi bắt ta theo. Để tiện việc hành chính, lúc biên chép sổ sách, về sai dịch hay thuế khoá chẳng hạn, các chức-dịch đặt họ cho ta, dùng ngay họ của chính các người ấy.

Nhưng quan trọng hơn cả có lẽ việc đặt họ cốt để tránh sự đồng tính kết

bôn, một nguyên tắc tối trọng trong lễ pháp Trung quốc. Sử ta chép Tích Quang làm Thái-Thú Giao-chỉ (triều Hán Bình đế 1-5) dạy dân lễ nghĩa, Nhậm Diên làm Thái thú Cửu Chân (triều Hán Quang Vũ đế 29) dạy dân cày ruộng, reo mạ và dạy dân hôn thú. Sử chép rằng trước thời Nhậm Diên làm Thái thú, dân vùng Cửu Chân (Thanh hóa ngày nay) không biết lễ pháp giá thú, Nhậm Diên bèn dạy cho trai gái ngang tuổi nhau thì kết làm vợ chồng, một lúc có tới hai nghìn người lấy nhau. Khi sinh đẻ, con mới biết họ và nòi giống. (Xem Việt sử tiêu-án của Ngô Thì Sĩ). Thế thì có thể tin là dân ta trước đó không có họ. Không có họ thì dễ phạm phải tội đồng tính kết hôn mà lễ pháp Trung quốc cấm đoán. Khi đã biết « họ và nòi giống » thì không còn sự cùng họ lấy nhau nữa. Hẳn là cũng từ đó, từ lúc biết kết hôn theo lễ pháp Trung quốc, dân Việt bỏ tục người con dâu góa không có con phải lấy anh hay em của chồng. Dân Việt theo phong hóa Trung quốc càng ngày càng đậm, kết hôn theo lễ nghi Trung quốc, nếu không có họ từ trước, tất phải bắt chước tự đặt ra họ hay do quan cai trị người Hán đặt cho, để tránh sự đồng tính hôn nhân.

Vậy không rõ họ Trưng vốn có đã lâu hay cũng chỉ đến đời ông cha của hai Bà mới tự đặt họ ấy mà thôi, tự đặt họ trước những người bình dân khác. Nó thế là vì khi nhiễm văn hóa của một dân tộc khác, thì các người hay có dịp tiếp xúc với người dân tộc kia thường nhiễm sớm hơn. Những người dân Việt hay tiếp xúc với nhà cai trị Hán chính là giới thượng lưu quý tộc người Việt. Ông cha Bà Trưng là Lạc tướng, tiếp xúc với người Hán nhiều, có thể vì

thế mà đã tự đặt họ là Trưng chẳng ?

Ngoài họ Trưng ra, còn nhiều họ cổ mà ngày nay vẫn tồn tại. Hồ tiên sinh có nhắc đến họ Hồng Bàng. Hồng Bàng không phải là một họ (tính) mà là tên một triều đại (thị). Sử ta chép Hồng Bàng thị, đó là muốn nói đến triều đại Hồng Bàng, chứ không phải muốn nói đến họ Hồng Bàng (họ kép) hay họ Hồng và họ Bàng, cũng như sử Trung Quốc chép đến Vô Hoài thị, Cát Thiên thị, Thần Nông thị, là nói ra tên các triều-đại ấy. Vậy phải bỏ qua Hồng Bàng thị này ra ngoài chuyện họ Việt. Nếu Hồ tiên sinh tin tất cả các truyền thuyết trong cổ sử thì tiên sinh hẳn phải lấy làm mừng mà thấy rằng một họ xuất hiện từ đời các Hùng Vương vẫn còn đến nay : đó là họ Chử của ông rề vua Hùng, làm nghề chài lưới lấy công chúa Tiên-dung. Họ này bây giờ vẫn có, không biết có còn ở vùng bãi cát nay thuộc huyện Đông An hay không, nhưng còn ở huyện Đông Ngạn, làng Hội phụ, phía bắc huyện Đông An.

Lại có một họ nữa, xuất hiện trước họ Trưng đó là họ Lã của Lã Gia, tề tương của Ai đế nhà Triệu. Ông này người nước Nam Việt, thuộc chủng tộc Hoa hay Việt thì không rõ. Họ Lã bây giờ vẫn có. Ở làng Thượng-đông, huyện Phong Doanh tỉnh Nam Định, (gần đây có Lã Xuân Uy, đậu phó bảng năm 1865, làm đến Tuần Phủ Lạng Sơn, đi sứ Trung Hoa cáo ai khi vua Tự Đức thắng hà). Nếu họ này là họ Việt thì vẫn còn đó, Hồ tiên sinh lo gì mà phải phục hồi.

Ngoài ra, Lý Tiến, Lý Cầm, đều người Giao Chỉ, làm quan tại triều đình nhà Hán (Hiển-đế khoảng năm 200) vậy họ Lý cũng là một họ có từ thời cổ, họ Lý nay còn nhiều người.

Hiện nay, người Việt thuộc vào chừng ba trăm họ. Trong châu thổ sông Cai, có chừng 202 họ. Họ Nguyễn chiếm 54%. Họ Nguyễn, Trần, Lê, Phạm, Vũ, Ngô, Đỗ, Hoàng, Đào, Đặng, Dương, Đinh chiếm 85%. Có vài họ ít thấy: Quyền, An, Đur, Cái, Phí, Cù, Tăng, Hoa.

Tất cả các họ vừa kể, đều thấy có ở Trung Hoa. Phải chăng các người mang những họ ấy, đa số đều gốc tích từ Trung Hoa sang? Kề cũng không có gì cấm ta nghĩ như thế.

Tiền Lý Nam đế, Tên Lý Bí, tổ bảy đời ở Trung quốc sang nước ta, từ đời Hán, đến Lý Bí thành hãn người Việt, đuổi Thái-thú, đánh nước Lâm Ấp, tự lập làm vua trong tám năm. Thế thì họ Lý này, Hồ tiên sinh bảo là họ Việt hay họ Hoa?

Nhà Trần làm vua 184 năm, văn trị, vũ công rực rỡ trong sử sách, tổ tiên cũng là người Trung Hoa. Sử chép rõ: Tiên tổ là người tỉnh Phúc Kiến, ông tổ Ngũ đại tên là Kinh sang ở làng Tức-mặc phủ Thiên Trường (Nam Định ngày nay) sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, Thừa vẫn còn làm nghề đánh cá, sau truy tôn là Thái-tổ. Thừa sinh ra Cảnh, miếu hiệu Thái-tôn. Mới có năm đời, chừng độ 100 năm, họ Trần đã hoàn toàn thành người Việt, không ai dám bảo họ ấy là họ Trung Hoa cả.

Lại chính họ Hồ của Hồ tiên sinh nữa. Đây cũng là họ khách. Nếu kể trong lịch sử có Hồ Quý Ly, giòng dõi Hồ Hưng Dật, người Triết Giang, sang làm quan ở Diễn Châu (Nghệ An ngày nay) từ đời Hậu Hán, trải 16 đời đến Quý Ly. Đến đây, không ai dám bảo Quý Ly không phải là người Việt mà họ Hồ vẫn là họ Trung Hoa.

Còn nhiều họ có tiếng ở nước ta: họ Vũ làng Mộ-Trạch Hải-dương chẳng hạn, tổ tiên là người Trung Hoa, sang làm quan từ triều nhà Đường.

Gần ta hơn. Trần Tiễn Thành ở Thừa Thiên, Lâm duy Hiệp ở Bình Định, Phan Thanh Giản ở Vĩnh Long, đều có tổ tiên là người Trung quốc di cư sang ta, nhưng không ai bảo ngày nay các người giòng họ ấy là người Trung hoa.

Vậy có thể nói là tất cả các họ người Việt ngày nay đều là họ Việt, dù có thể viết ra bằng chữ Hán được, vì người mang họ ấy đều là người Việt. Còn đi tìm họ Việt thuần túy là một điều cực khó, không thể làm được.

Tuy thế, Hồ tiên sinh vẫn than tiếc rằng xưa ta có họ riêng, rồi ta vọng ngoại, ta bị bắt buộc, nên ta đổi họ theo họ người Trung Hoa. Nhưng như trên đã nói, có thật là ta có họ thuần túy Việt không? Điều ấy không chứng minh được hay chưa chứng minh được. Hồ tiên sinh tin là có, nhưng không bắt buộc ai cũng phải tin như tiên sinh. Và như trên đã nói, có thể không tin mới là phải.

Vốn không có họ, đến khi tiếp xúc với người văn minh hơn mình, người ta bắt chước tự tạo ra họ. Đó là vì hâm mộ văn hóa, không phải nhất thiết vọng ngoại để cầu danh hay cầu lợi. Nhà Bắc Ngụy làm vua Trung Quốc miền Bắc (398-550) giống Thác-Bạt (Tabghatch) một bộ lạc chủng tộc Thổ-nhĩ-kỳ, tự đổi họ làm họ Nguyên. Làm vua mà đổi họ, hẳn không vì vọng ngoại, cũng không bị ai bắt buộc.

Trường hợp đổi họ do lệnh trên thường thấy ở nước ta như Hồ tiên sinh đã nói. Đổi một họ đang có, lấy

một họ khác, chứ không thấy đổi một họ Việt lấy một họ Hoa. Nhà Trần đổi họ Lý ra họ Nguyễn, vì kỵ húy, Lý là tên tổ nhà Trần. Có khi đổi họ là một vinh dự : Trần Bình Trọng, con cháu Lê Hoàn (vua Lê Đại Hành) được ban họ Trần. Nguyễn Trãi, công thần của Lê Thái Tổ, được gọi là Lê Trãi vì được ban họ Lê. Trường hợp buộc phải đổi họ, có lẽ nhiều hơn. Trước hết là vì phải tội. Triều Nguyễn có lệ là người tôn thất, nếu phải tội nặng, sẽ bị tước mất họ nhà vua, quốc tính, mà đổi theo họ mẹ. An Phong Công Hồng Bảo, anh vua Tự Đức, bị đổi là Đinh Bảo, Tôn thất Cúc sau vụ giặc Chày vôi ở Kinh đô, phải đổi là họ Nguyễn Cúc. Rồi có khi là sợ tội mà đổi họ. Một người trong họ phạm tội phản nghịch, các người trong họ, sợ liên can, liền đổi họ. Có lẽ đây là trường hợp họ Trung. Những người cùng họ với hai Bà phải đổi họ để tránh sự dòm ngó nghi kỵ, bắt bớ của Mã Viện, thành thử sau này và bây giờ không thấy ai mang họ Trung. Còn nhiều trường hợp như thế trong lịch sử. Họ Trần ở làng Thái-bạt, huyện Bất-bạt (Sơn Tây) sau khi có Trần Tuân làm loạn triều Lê Tương Dực đế (1510-1516) liền chia làm nhiều chi, đi ở làng khác, đổi là họ Đặng Trần. Họ Cao ở Phú Thị, sau khi có Cao bá Quát bị tội, những người họ gần với bá-Quát liền đổi họ thành họ Nguyễn cho triều đình khỏi nghi. Có khi đổi họ do cố ý gian trá hay do lầm lẫn của người cai trị. Người dân tự đổi họ, để trốn sang hạt khác, tránh việc quan nên luật triều Hồng Đức đã phải định tội đồ để trừng phạt những người ấy trong điều 286. Các chức dịch xã thôn biên chép lầm họ, người dân không biết chữ, không biết đâu mà

đòi cải chính, lâu dần thành ra mang họ khác. Con cháu Chu văn An (1370) đời Trần, sang đến triều Cảnh Hưng đời Lê, khi Tham Tụng Bùi Huy Bích cho tìm ra thì thấy bị đổi thành họ Nguyễn.

Như thế, hiện tượng đổi họ không hiếm ở nước ta. Và hiện tượng trùng họ lại càng nhiều nữa. Hồ tiên sinh lo rằng trùng họ mà lấy nhau, e mắc tội loạn luân, phạm tới phong hóa, thuần lương.

Trên kia đã nói, phép « đồng tính bất hôn » xuất hiện từ đời Chu bên Trung Quốc. người nước ta vẫn theo, trừ các người họ Trần lúc làm vua. Nói thế, không phải là cấm người trùng họ kết hôn. Số họ của ta chừng 300, mà 50% người dân mang họ Nguyễn, nếu cấm thì khó cho người dân biết bao. Nhà lập pháp nước ta đã nghĩ đến chỗ ấy. Luật nhà Thanh chép rằng đồng tính mà kết hôn thì phải tội. Nhà lập pháp triều Gia-Long, khi chép điều ấy vào Hoàng Việt luật lệ, đã ghi thêm rằng khi nào đồng tính mà lại đồng tông thì mới phải tội; đồng tông là cùng một tông phái, cùng thờ một ông tổ. Nếu đồng tính mà khác tông thì không cấm kết hôn. Vậy thì luật cũng như phong tục của ta vẫn giữ được thuần lương.

Hồ tiên sinh cho rằng triều đình Việt đã bắt buộc làm cho các người Miên, người Chăm mất họ. Có thật thế không? Có thể nói ngay rằng người Chăm vốn không có họ. Sử ta chép khi Chiêm triều nhường đất Thăng Hoa, Tư Nghĩa (Quảng Nam, Quảng Nghĩa) cho ta : «Lúc trước Chiêm Thành không có họ, nay từ Thăng Hoa trở vào Nam, người dân có họ đều là dân đến ở sau lúc thiên

cư». Trong quyển «Mẫu - hệ Chàm» của ông Nguyễn khắc Ngữ mới xuất bản năm nay, có chép dự thảo bộ hộ luật Chàm của cụ Dương Tấn Phát (người Chàm) nguyên tri huyện An Phước. Ở trang 125, trong Chương thứ nhất nói về lễ Hôn thú, tại điều thứ nhất, cụ viết: «Chiếu theo phong tục Chàm xưa kia, không có họ, chỉ thấy theo dòng sang như dòng làm vua, làm trạng, làm quan, làm thầy v.v., còn dòng hèn như dòng nông phu, tôi tớ, thợ thuyền lao động, tù tội. Đến năm vua Minh Mạng thập thất (1836) ra lệnh xích hóa, cải tổ đề huề, mới đặt ra họ như họ Lưu, họ Hàn, họ Đàng, họ Nguyễn, họ Trương, họ Châu, họ Phú, họ Dương v.v... Lúc bấy giờ, đàn ông thì mang họ cha để đứng đình bộ theo tổ quán cha, đàn bà thì mang họ mẹ để đứng bộ điền thổ theo chánh quán mẹ rồi lưu truyền đến nay.»

Xem thế thì người Chàm xưa đâu có họ mà bảo rằng triều đình Việt làm mất họ của người Chàm? Hồ tiên sinh nghĩ rằng họ Chế là họ Chàm mà nay không còn. Sử ta chép tên nhiều vua Chiêm bắt đầu bằng chữ Chế nhưng chữ ấy không phải là họ. Phải chăng chính triều đình ta đã đặt tên cho các vua Chàm? Hay chính các vua ấy phiên âm tên của mình ra chữ Hán? Nói chữ Hán vì văn thư bang giao giữa nước Chiêm và nước Trung Hoa, nước Việt đều viết bằng chữ Hán. Sách An - Nam chí - lược còn chép một bài biểu bằng chữ Hán của Chiêm vương gửi sang triều đình nhà Tống, thể văn tứ lục, rất điêu luyện. Khi viết biểu sang triều đình Việt, chắc Chiêm vương cũng phải dùng chữ Hán. Thành thử sử có chép nhiều tên có chữ Chế, nhưng Chế không phải là họ... Có thể chỉ là một phần của tên mà thôi. Như

thế, người Chiêm vốn không có họ, bàn đến phục hồi họ Chiêm là thừa.

Phục hồi họ Chiêm đã thế, phục bởi họ Việt có lẽ cũng không hơn gì. Hồ tiên sinh muốn người đời nay đổi họ để mang những họ hiền hách trong lịch sử mà nay không còn thấy. Chẳng hạn đổi họ của mình đang có ra họ Trưng. Không phải con cháu thật, không có dòng dõi huyết mạch gì, tự nhiên nhận họ như thế, người tự nhận có yên tâm được không? Tục ngữ có câu: «thấy người sang bắt quàng làm họ» người sang đây có thể là người đương thời, cũng là có thể người thuộc về lịch sử. Tục ngữ thấy việc làm đó chẳng hay gì nên cho là bắt quàng. Ai là người có liêm sỉ lại coi trọng việc bắt quàng bao giờ.

Đến đây, tưởng cần thêm vào nhân-danh-học mà Hồ tiên sinh đề xướng một khoa nữa, gọi là tính-phổ học, đề nghiên cứu nguyên lai của các họ, đề biết địa vực, di truyền, biến canh các họ ra sao. Khoa này không phải mới lạ gì. Ở Trung quốc, đã có nhiều sách khảo cứu về họ, ở ta, chưa có quyển nào. Có thể kể ra các sách sau đây của Trung quốc. Nhà Đường có Lộ Kinh Thuận, tác giả Tính lược. Nhà Tống có sách Thông chí của Trình Triều trong có phần Thị tộc lược, có Tính thị cấp tự thiên của Vương Ứng Lân, có Tính thị thư biện chứng của Đặng Danh Thế. Nhà Minh có quyển Thiên gia tính của Ngô Trám, chép 1968 họ, có quyển Tính huê của Trần Sĩ Nguyên chép 3625 họ. Nhà Thanh có Tính thị tầm nguyên của Trương Trù, có Tính thị giải phân của Hoàng Bản Ký.

Ở nước ta, số họ chỉ chừng trên ba trăm, cho đến nay chưa được nghiên cứu có hệ-thống. Ta hãy kỳ vọng ở các học-giả tương lai.

NGUYỄN-TOẠI

của ANDRÉ MAUROIS
NGUYỄN HIẾN LÊ giới thiệu

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

NHỮNG MỐI NGUY CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA (1)

Nhiều người trẻ tuổi tôi thường hay ca tụng thời thanh xuân của họ và chê bai thời thanh xuân của bạn. Họ nói : « Thử tưởng tượng cảnh an lạc của người Pháp trước năm 1914. Sau chiến tranh 1870, họ không bị một chiến tranh nào khác, mà chiến tranh 1870 so với những cuộc chém giết của chúng ta ngày nay chỉ là một trò con nít, không có những cuộc tàn sát lớn lao như ngày nay. Đôi khi họ cũng nói tới một chiến tranh trong tương lai nhưng không tin rằng sẽ có. Khi giới hồi đó chỉ nguy hại cho các chiến sĩ thôi ; thường dân ở xa mặt trận có thể tin rằng được sống yên ổn gần như hoàn toàn. Đồng quan hồi đó vững giá ; một Mỹ Kim ăn năm quan, một Anh bạng ăn hăm lăm quan. Cơ hồ như đó là do một mệnh Trời bất di bất dịch. Ông cha chúng ta lập những dự tính tỉ mỉ cho tương lai của gia đình. Thuế má, tiền mướn nhà ở vào cái mức vừa phải. Hạch tâm không hung hăng như ngày nay ; thế đặc ở yên trong cái thế đặc. Hầu hết các thiếu nữ giữ được trinh tiết cho tới khi cưới. Trong các gia đình nông dân, kỹ nghệ gia, thương gia, con cái kế tiếp nghề của cha. Các nghề làm ăn trong nhà giữ

được truyền thống. Ngày nay thì... »

Tôi, tôi cũng thích hồi đầu thế kỷ này lắm ; lúc đó tôi còn trẻ và tin tưởng. Nhưng tôi thấy rõ rằng bức họa tình tứ chất phác đó không đúng sự thực. Hồi xưa một thiểu số tin chắc ở tương lai của mình còn đại chúng thì không có gì bảo đảm cho tuổi già và những lúc đau ốm cả. Đại đa số người Pháp thời đó sống cực khổ, thiếu tiện nghi, thiếu thành thoi, làm việc từ sáng tới tối, tháng này qua tháng khác, không được nghỉ ăn lương. Cái ảo tưởng là được yên ổn không có chiến tranh đâu có diệt được sự đe dọa của chiến tranh, như ta đã thấy hồi thế-chiến thứ nhất. Thuế trực thu tuy nhẹ thật nhưng chính phủ không lãnh những trách nhiệm mà đáng lý ra phải lãnh, những người nghèo khó, đau ốm, già nua khổ hơn ngày nay. Không, trong cái dĩ vãng của chúng ta, ta không thấy một thời đại hoàng kim nào cả. Thực ra tôi không tin rằng có một hoàng kim thời đại ; loài người sẽ vĩnh viễn là loài người nghĩa là có lẫn lộn nhiều vị anh hùng và những con vật hung dữ.

Luật thiên nhiên không hề thay đổi.

(1) Từ đây nhan đề là của tác giả.

«Tuyết năm xưa cũng có màu trắng như tuyết ngày nay. Nó cuốn từng đám trong không trung cũng nhẹ nhàng như ngày nay rồi rớt xuống đất cũng lặng lẽ như ngày nay.» Các dân tộc khi già rồi có cảm tưởng tiếc thời đã qua. Người ta nhắc lại «Cái thời đẹp đẽ xưa kia». Người ta nói : «Cái thời đẹp đẽ xưa kia, người ta biết yêu ; Cái thời đẹp xưa kia, thanh niên có lễ độ, không ăn bận lỗ lã, kiêu cao bời». Lời đó sai. Tôi không bảo rằng ngày nay cái gì cũng tốt đẹp. Nhưng sự thực là cái gì thì thời nào cũng đã xấu xa cả. Đàn bà hồi xưa có đức hạnh hơn ngày nay ư ? Thiếu nữ hồi xưa không phóng túng như ngày nay ư ? Đâu có. Không thời nào mà phong tục lại đổi trụy như thời Louis XV. Hồi xưa thế giới không sống trong cảnh lo lắng như ngày nay ư ? Có chứ, sao không ? Những chiến tranh tôn giáo ở thế kỷ XVI cũng kinh khủng theo cái lối thời đó như những chiến tranh ý thức hệ của thế kỷ XX này. Phải chấp nhận cái hiện tại và dung nạp cái nó xảy tới... Tôi sống ở thời đại phi cơ ; tôi không nhớ tiếc cái thời lọc cọc chiếc xe ngựa... Không có cả tuyết thời xưa. Chỉ có tuyết và màu trắng của nó thôi».

Suy đi tính lại thì tôi lấy làm sung sướng được sống trong cái thời đại lạ lùng này của chúng ta. Trong nửa thế kỷ, loài người đã phát kiến được nhiều bí mật của hóa công hơn là tổ tiên chúng ta trong hai chục ngàn năm ; loài người đã chinh phục được những nguồn năng lực phong phú tới nỗi thành ra gần như quá đối mạnh mẽ loài người đã thám hiểm được vũ trụ và bơi được trong khoảng hư không giữa các tinh tú ; loài người đã bay được trên mặt đất từ tỉnh này tới tỉnh khác, mau gấp ba tốc độ của âm thanh ; đã tạo những cái máy biết

tính và tổ chức khéo hơn, mau hơn bộ óc, những kỳ công đó vừa thích thú vừa đáng khâm phục đấy chứ. Thế hệ của bạn sẽ tiếp tục tiến trên con đường phát minh đó với một tốc độ gia tăng. Bạn còn phải làm tất cả mọi việc : làm cho môn sinh vật học được tinh xác như môn vật-lý-học, tháo gỡ các bộ máy của di truyền, biến môn kinh-tế-học thành một khoa học tinh xác. Bạn không thiếu công việc đâu. Không bao giờ thiếu cả. Chúng ta càng tìm tòi ra được nhiều lại càng biết rằng chúng ta chẳng biết gì cả.

Với lại chỉ tìm tòi được thôi thì cũng không đủ ; còn phải như Valéry nói, đem mình bỏ xuyết vào cái mình tìm ra được. Chúng ta chưa tiêu hóa được những phát minh mới rồi của chúng ta. Bạn biết câu này của Jean Rostand đấy chứ : « Loài người phải học cách dùng quyền năng của mình ». Quyền năng chứ không phải là vạm vỡ đấy nhé. Vì chúng ta không nên phóng đại làm gì. Nhảy được từ mặt đất lên cung trăng, hay là lên được Hỏa tinh hay Kim tinh, tới các ngôi sao chổi, tới các giải ngân hà đi nữa, kể ra cũng là rất mực tài tình và can đảm thật đấy, nhưng so với Vũ trụ thì có đáng kể là bao đâu. Nếu một cư dân nào đó ở trên một điện tử (électron) tìm được cách đi từ điện tử này qua điện tử bên cạnh, thì tất cả các dân ở «xứ điện tử» đó đều hoan hô cho là một phép màu. Nhưng có gì đâu ? Cái đó xảy ra ở cái kích thước vô cùng nhỏ bé, và so với vũ trụ thì có giá trị gì đâu ? Chúng ta đã nhảy được bốn bước trong khoảng hư không ư ? So với không gian vô cùng, bốn bước đó có nghĩa lý gì không ? Chúng ta tưởng rằng đã biết rõ những

chuỗi phần tử nguồn gốc của di truyền, nhưng mỗi phần tử đó cũng lại là cả một thế giới và chúng ta không biết trong thế giới đó có cái gì. Hai cái vô cùng lớn và vô cùng nhỏ của Pascal vẫn còn ở ngoài tầm hiểu biết của ta và sẽ hoài hoài ở ngoài tầm hiểu biết của ta. Chúng ta không phải là thần thánh. Chúng ta mới chỉ thành ra mạnh mẽ dữ dội theo cái kích thích của chúng ta và trên cái giọt bùn của chúng ta. Bây giờ ta còn phải làm sao cho được xứng đáng với sức mạnh đó.

Chúng ta đã có những phương tiện vật chất để tiêu diệt văn minh và nhân loại; chúng ta chưa có những phương tiện tinh thần để chống lại sự tiêu diệt đó. Có những dân tộc vẫn tiếp tục đưa những hỏa tiễn liên lục địa ra hăm dọa dân tộc khác và không có gì chứng tỏ rằng họ không mỗi ngày một leo thang rồi rồi cuộc tận diệt nhân loại để giữ thể diện của họ. Một trong những nhiệm vụ của thế hệ các bạn là ngăn những trò trẻ con, điên, khùng đó lại, nếu các bạn có thể làm được. Bọn anh hùng của Homère tha hồ chửi rủa nhau, điều đó ta có thể hiểu được: họ độc chiến với nhau để giải quyết vấn đề vinh dự của họ. Bọn vua chúa ở thế kỷ XVIII dùng khí giới để tranh giành đất đai với nhau, điều đó ta cũng có thể tạm chấp nhận cho đi (mặc dầu họ vẫn đáng trách), họ chỉ dùng bọn chuyên sống về nghề đánh giặc. Nhưng các nhà cầm quyền ở thời đại chúng ta mà sẵn sàng gây một chiến tranh hạch tâm, thì điều đó không sao tha thứ được. Không có một cuộc gây lộn nào đáng làm cho cả trăm triệu người phải chết, mà một cuộc gây lộn về danh từ lại càng không xứng đáng nhất.

Mà chính là những danh từ — và

những lòng tự ái bị thương tổn — nó chia rẽ chúng ta nhiều nhất. « Quyền lợi thì luôn luôn chịu hòa giải, mà thiên kiến thì không. » Ngày nay Đông và Tây đã giao dịch với nhau và có lợi cho cả hai bên. Họ thỏa thuận với nhau một cách khá dễ dàng về các hợp đồng thương mại. Những chế độ chính trị, kinh tế của họ tuy khác nhau nhưng muốn tiến lại gần nhau. Sự thực thì phương Tây, khu vực của sự tự do kinh doanh, đã chấp nhận vô số sự can thiệp của chính phủ; mà phương Đông, (1) để quốc của chủ nghĩa xã hội, cũng đã dung túng, khuyến khích nữa là khác, nhiều phương pháp của phương Tây trong chính sách kinh tế. « Nhãn rượu không làm cho ai say hoặc hết khát cả ». Tôi biết rằng các vị chỉ huy cả hai bên, — khó mà từ bỏ những cuộc cãi lầy đó được. Họ nhờ vậy mới sống mà! Có gọi lên hình ảnh của con quỷ cừu địch thì họ mới có lý lẽ để nắm quyền uy chức, mới làm cho quần chúng hóa ra cuồng tín, mới nung mối căm thù cho đỏ rục lên chứ! Nhưng thỉnh thoảng vẫn có những luồng lửa đảo chiều. Nhiệm vụ của các bạn, ở phương Tây cũng như ở phương Đông, là trở cho người ta thấy rằng có thể cai trị dân mà chống những cuồng tín, nói cho đúng hơn, là không cần những cuồng tín. Ngay từ bây giờ, vài vị nguyên thủ có nhãn quang cao và thực tế đã hiểu điều đó. Họ từ bỏ cái chính sách chửi rủa mặt sát nhau. Nhưng trên thế giới vẫn còn nhiều kẻ phát điên lên và nhiệm vụ của các bạn không phải dễ đâu. Các bạn phải cố thắng được các danh từ, đó là vấn đề sinh tử của nhân loại.

Trong một khu vực khác hẳn và ít nguy hiểm hơn, khu vực nghệ thuật, các bạn cũng phải chiến đấu với các

(1) Đây trở Nga và chư hầu, tức Đông-Âu, đối với Tây-Âu.

danh từ. Trong văn học, thời đại nào cũng có phái Cổ và phái Kim, phái Cổ điển và phái Lãng mạn, họ bài xích lẫn nhau. Tuy nhiên vẫn có một sự đồng tình mặc nhiên và phổ biến để giữ các đại văn hào của mọi thời đại ở các địa vị chính đáng của họ. Hugo tôn trọng Homère, Rabelais, Montaigne, Corneille. Ngày nay người ta nói quyết với chúng ta rằng những hình thức cổ đã lỗi thời rồi, rằng tân hội họa đã đưa đám các nền hội họa cũ rồi, rằng những tiết điệu truyền thống của khoa kiến trúc không còn hợp với các thành thị mới nữa, rằng tân tiểu thuyết đã chôn chặt các phái tiểu thuyết khác rồi, rằng bây giờ mà còn viết theo các lối kể chuyện thì là mắc một tội lớn, rằng không ai còn đi tả tình nữa mà chỉ tả nhục dục thôi... Toàn là những danh từ cả.

Cái nguy cơ của thời đại chúng ta, không phải là ở chỗ có vài kẻ bất thường phiêu lưu, vài quân ăn cướp và du côn. Bọn nhớp nhúa đó luôn luôn vẫn có ở ngoài lề mọi nền văn minh và đôi khi có những đại nghệ sĩ từ đám bùn trời lên. Cái nguy cơ đặc biệt của chúng ta là có những nhà văn thành thực tin rằng bệnh vực sự vô luân, sự nhu nhược, bệnh vực luật rừng rú và nghệ thuật dị hình dị dạng là có một thái độ can đảm. Mà như vậy đâu phải là anh hùng; chỉ là một thói xu thời tầm thường nhứt. Cái nguy cơ, như một người đồng thời với các bạn đã nói, là «người ta đã đưa ra vài cuộc âm mưu để thay một học thuyết, đưa ra một thuật chấm câu để thay một văn phái, đưa ra những tu sĩ theo thuyết phân tâm để thay một sự phục hưng tôn giáo, đưa cái vô lý để thay cái thần bí, và cái tiện nghi để thay cái hạnh phúc». Nguy cơ nữa đáng sợ hơn là công chúng không còn tỏ ra đủ

sức phản ứng lại. Ở thế kỷ XVII các người ham mỹ thuật và văn chương còn có thị hiếu riêng, khá vững vàng, ít sai lầm. Có thể rằng họ biết ngắm điện Versailles mà không hiểu được cái đẹp của một giáo đường kiểu gô-tích hoặc một tượng cổ. Molière cho ta biết rằng trong hạng người đó có một chàng Vadius và một chàng Trissotin (2) khen những cái bậy bạ cũng như cháu chắt họ ngày nay. Nhưng ít gì người ta cũng khó. — nếu không phải là vô phương — mà dẫn dụ họ để họ trầm trồ khen một bài gồm toàn những tiếng đưa ra một cách lếu láo, chẳng có ý nghĩa gì cả, hoặc ca tụng một bức tranh, trên đó họa sĩ, trong một cơn điên, nguệch ngoạc đưa cây cọ mà phết màu.

Chúng ta đã thấy những cái điên khùng không tưởng tượng nổi. Nhật báo Anh đã đăng tin một nhà chơi cương cầm vô danh quảng cáo rầm rộ rằng sẽ có một buổi tấu nhạc yên lặng. Đúng ngày đó, phòng chật ních thánh giả. Bạc điệu thủ im lặng ngồi trước mặt đàn, làm bộ chơi đàn, nhưng dây đàn đã gỡ hết cho nên cần đàn không gây một âm thanh nào cả. Thánh giả liếc trộm các người ngồi bên xem có nên phản khán không. Nhưng các ông ngồi bên cứ thản nhiên, cử tọa đều kiên nhẫn, ngồi yên. Sau hai giờ im lặng, buổi tấu nhạc chấm dứt. Nhạc sĩ đứng dậy chào thánh giả. Cử tọa nồng nhiệt vỗ tay khen. Hôm sau, trên vô tuyến truyền hình, nhạc sĩ im lặng đó kể lại câu chuyện và kết: «Tôi muốn biết xem cái ngu xuẩn của con người tới mức nào; nó thật là vô biên».

Tôi thì tôi không nói: «cái ngu xuẩn»

(2) Đều là những nhân vật trong hài kịch Les femmes savantes của Molière.

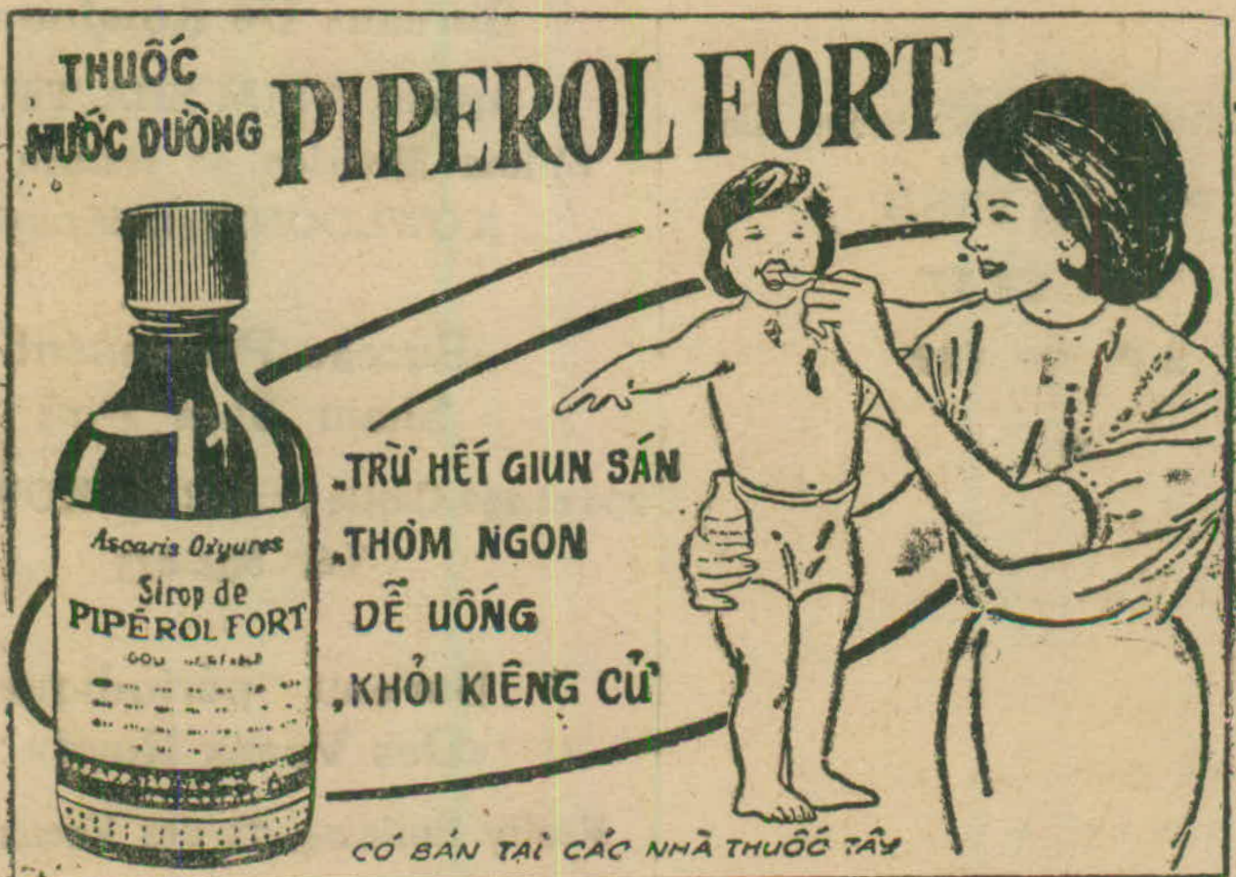
mà nói «cái nhu nhược» của con người. Những thính giả đó biết rằng họ không nghe thấy gì cả, nhưng họ sợ rằng nếu phản kháng thì không hợp thời. Jean Cocteau bảo : «Công chúng đã từng bị đập quá đến nỗi họ tự tát vào má mình chứ không vỗ tay để khen». Cái thói làm ra vẻ thán thưởng mà sự thật chẳng thích mà cũng chẳng hiểu gì cả, cái thời đó gọi là thói «đua đòi chuộng mốt». Nhiệm vụ của các bạn không phải là trừ sạch cái thói đó cho cái thời đại của bạn (vì vô phương trừ được), mà là ngăn bớt những tai hại của nó lại, và chống lại nó.

Coi chừng đấy ! Tôi không khuyên bạn từ chối mọi hình thức mới của nghệ thuật đâu. Sự kích động là một yếu tố của nghệ phẩm. Cái mà một thời đại cho là không hiểu nổi thì thời đại sau cho là thường là sáo. Các nhà trong phái Ấn tượng đã bị chế giễu, la ó, và sống trong cảnh nghèo khổ trong một thời khá lâu ; những bức họa của họ ngày này làm vinh dự cho các bảo cổ viện.

Jules Lemaitre mỉa mai Verlaine, Mallarmé ; Sainte Beuve cho Baudelaire là một thanh niên lễ phép, ăn mặc bảnh bao, giá đừng làm thơ thì hơn. Đôi khi những kẻ hôm trước bị bài xích thì hôm sau thành những bậc Thầy. Nhờ phái siêu thực — một thời bị chê cười, la ó — mà chúng ta mới có Aragon mà tác phẩm thật tuyệt. Michel Butor, Nathalie Sarraute, Robbe Grillet, Claude Simon, Claude Mauriac, có nhiều tài năng vượt khỏi lý thuyết của họ. Tôi chỉ xin bạn hai điều mà thôi : Đừng khinh những bậc thầy của thời trước : họ đã lưu danh được tới ngày nay là họ đáng được lưu danh. Và bạn chỉ nên ái mộ những hình thức mới nếu thực tâm bạn thấy nó đẹp. Dư luận không phải là một người hướng dẫn tốt, cũng không phải là một người hướng dẫn xấu. Nó không hướng dẫn, nó biến chuyển bất thường. Bạn cứ theo cái thị hiếu của bạn với một thành kiến tốt đối với những nhà mà vô số thế hệ trước đã thán thưởng.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch

THUỐC
NƯỚC ĐƯỜNG **PIPEROL FORT**



Ascaris Oxyures
Sirope de
PIPEROL FORT
GOUVERNEUR

TRỪ HẾT GIUN SÁN
THƠM NGON
DỄ UỐNG
KHỎI KIỀNG CỬ

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG

Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes)
P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — **HONGKONG**

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence **TSIM SHA TSUI**
Milton Mansion, 96 Nathan Road
KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, **KOWLOON**
Tél. 863.875

Bureau périodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

BP N° 122



KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI...

VĂN NGHỆ MIỀN NAM NHÌN TỪ MIỀN TRUNG (4)

Hiện tượng Lục-vân-tiên

Lục vân Tiên của Nguyễn đình Chiểu ra đời là một sáng kiến của nhà nho muốn giải quyết một tình trạng bế tắc. Phải làm gì? Không thể đọc những bản Âu ca. Thái Hòa khi chính nho sĩ va chạm thực tế đau xót nhất. Mới từ tạ tôn sư, học cái Đạo lý tưởng ra về thì va chạm ngay bọn cướp, giết gái giữa đường. Mới đi làm rề, rủi mang binh hoạn đã gặp ngay cha mẹ vợ (nhà giàu) và cả vợ nữa đòi ý kiến, rồi đem vút thân mình vào hang cho cộp ắn. Trong khi cá nhân mình trải qua đủ tai nạn thì chính quốc gia cũng chịu nạn do quan tề tướng tàn ác và xảo quyết gây ra đến nỗi phải đem người con-gái-yêu-mình đi « hối lộ » cho quốc - gia mạnh hơn.. Còn đâu là công bằng? Còn đâu là Đạo lý? Chỉ còn cách là chính nhà nho có tài « kinh tế » phải kiêm luôn « côn quyền lược thao » để hành động. Gặp cướp thì đánh cướp cứu kẻ yếu. Gặp tham quan thì bẻ gãy chân nó giải thoát dân lành. Gặp đứ nhà giàu tham lam thay lòng đổi dạ thì chửi mắng vào mặt nó. Gặp giặc đến cướp nước thì lãnh đại quân tiêu diệt giặc chứ không để nó muốn đòi hỏi gì cứ đòi hỏi. Đó là tiếng nói tích cực nhất của nhà nho mà Lục vân Tiên, Hóa Minh, Tử Trục là ba phương diện

nhất trí của cá thể ấy. Khi phóng ra bậc trượng phu ấy, gián tiếp tác giả còn đứng trên cương vị nhà nho mà chống lại Phật giáo, một tôn giáo vốn từ Bắc vào, nhưng được cải thiện theo giòng giao dịch với Trung Hoa ở các cửa bè, đã càng ngày càng trở nên hư tề, hủ lậu, rất được các chúa (1) và cả triều Nguyễn sau này dung dưỡng. Cũng chống lại thế lực Công giáo rất có công với Gia Long, không chỉ mang vũ khí tàu bè viện trợ mà còn cả hành động nữa. Trong trận đánh với Tây Sơn, chính các « người đạo trưởng (tức giáo sĩ, giám mục, linh mục) của đạo gia-tô ở Tây phương đi khắp trong nước dụ bọn đạo đồ làm loạn, các nơi nổi lên như ong.» (2) Những thế lực ấy càng ngày càng trở nên nguy hiểm vì sức bành trướng của nó và vì những mối giao thiệp đáng ngờ của nó đối với ngoại bang. Tất cả đều không thể nào phù hợp với đạo Khổng Mạnh và tình yêu nước, đặc biệt là trong một vùng quá màu mỡ, ai cũng muốn xí phần. Khi Lục Vân Tiên

(1) Chúa Nguyễn Phúc Chu nhận làm đệ tử một cao tăng Trung Hoa khi mời ông này sang Việt. (Hải ngoại ký sự, Sđd.)

(2) Hoàng Lê nhất thống chí, trang 281 — Tự Do,

đội kim khôi, cầm siêu bạc, ngồi ngựa ô lướt trận xông vô và thấy Cốt-đột giở các quỷ thuật yêu ma, thì đó chính là hiện thân tà đạo, tà thuyết. Chống lại nó, họ Lục không cần hô phong, hoán vũ mà chỉ theo một tập tục bình dân là lấy máu chó vung ra... Và thế là tà đạo, tà thuyết tà nhân tan biến để còn trơ lại cái hình ảnh lồ lộ của vị anh hùng chiến thắng! Thật dễ dàng, thú vị và lý tưởng biết bao!

Vì trọng phụ ấy còn gián tiếp chống đối giòng văn chương miền Bắc có lẽ đã theo thời thống nhất mà tràn vào Nam. Cái giòng văn nghệ ấy đầy tiếng than thở, sầu đau, buồn thương, tuyệt vọng và đặc biệt hình như bao giờ cũng phải có vai chính là một người con gái! Từ nàng Chinh phụ, nàng Cung nữ đến nàng Thúy Kiều chỉ là than thở, nước mắt lâm ly. Rồi thì Phật cũng nài cho được đàn bà là Thị Kính, dân nghèo cũng nài cho được Bần nữ thán, loài chuột cũng phải chuột cái (Trình tử). Hình như văn thi sĩ miền Bắc không viết về đàn bà là không chịu được. Những truyện có đàn ông cần thận thì đàn ông cũng chỉ là vai phụ, vai đàn bà vẫn nổi bật lên như đó mới chính là văn-chương-thật. Mà đàn ông nào? Hình như không còn người; đàn ông đứng cho thẳng lưng, ngừng cho ngay đài trán: Trong Hoa Tiên, anh Lương sinh chỉ chờ đợi tin tức người yêu mà võ vàng đến còn một năm xương. Trong truyện Kiều, anh Kim Trọng nhớ người yêu mà "máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao"! Trong Bích-câu kỳ-ngộ thì vì mê gái mà "vóc sương nghe đã kém vài bốn phân". Trong Phan Trần thì vì tương tư mà "Đá kia cũng đổ mồ hôi lợ người." Đó là nhân vật sáng tạo. Còn con người bằng xương thịt như Phạm Thái trong Sơ kính Tân trang thì nó chính là tiếng khóc uất nghẹn không người, bẻ

gãy hết chí anh hùng. Mà cố giữ chí khí anh hùng thì anh hùng Từ Hải cũng phải chết vì một chữ tình; "trơ như đá vững như đồng, đề rồi ngã gục, uốn cong trong vòng tay mềm mại của người yêu như miếng thịt thừa!

Lục Vân Tiên lồ lộ hiện ra, có vẻ hơi « kỳ cục » khi thấy người đẹp mà lại bảo « ngồi đó chớ ra. Nàng là phận gái ta là phận trai ». Chàng cũng « kỳ cục » nữa! Khi một nho sinh đúng thời thượng phải mềm như lá cỏ thì chàng lại bẻ cây làm gậy đánh tan lũ cướp. Suốt quyền truyện con người có đau khổ nhưng không rên rỉ tuyệt vọng không ẻo lả, uốn éo, mềm sịu như những con *bún-người*. Mỗi nhân vật dù tà, dù chính cũng mang một sức sống, một nhân cách, một phong độ. Sự ngang tàng, ngay thẳng, chất phác của một Tử Trục, một Hớn Minh, một ông quán, một tiểu đồng, thật chính là hiện thân của một miền còn đầy sinh lực, lương tri, đối chọi hẳn cái miền đã quá bạc nhược, tẻ bại nửa người. Chỉ trong Lục Vân Tiên mới có người đàn ông! Và chỉ một mình chàng cũng đủ tả đột hữu xông chống với cái trào lưu văn nghệ Phụ nữ, Nữ-hóa như một đạo quân từ Bắc tiến vào. Hình như chàng đã thắng, ít nhất cũng bảo vệ hữu hiệu từ mũi Cà Mau đến đèo Ai Vân. Chàng « khác nào Triệu tử phá vòng Đương Dương » cho mãi đến 1932, nhưng đến đó dù có thất bại ở thành thị, chàng vẫn về tổ chức du kích hữu hiệu tại nông thôn rất lâu dài...

Thật vậy. Ông Hoài Thanh có nhận xét khá đúng là từ bên kia Ai Vân ra Bắc, người ta đọc (tôi gọi là xem) truyện Kiều. Từ bên này vào Nam, người ta đọc Lục Vân Tiên. Nói như thế, không phải quyền này và quyền

kia không ảnh hưởng tới miền kế cận. Nhưng truyện Kiều, khi qua đèo Ai Vân rồi, dân chúng không hiểu, chỉ có trí thức hiểu. Ngược lại Lục Vân Tiên sang bên kia, có lẽ giới trung lưu quần chúng ưa thích hơn là trí thức!

Nhưng còn từ Á Vân vào thì Lục Vân Tiên chính là tiếng nói thật, phát tự đáy lòng của người dân ở đó. Sự can trường đối kháng cái xấu, sự thao thức phục hưng cái tốt, lòng nao nức phục vụ hạnh phúc quảng đại nhân dân... phải chăng đó là lý tưởng của đa số, một đa số chưa quên nếp sống xa đạo-lý? Một đa số vẫn còn cảm thấy cuộc đời mình gắn liền với lịch sử còn nóng hổi những khát vọng bình dị của đám dân đi khai phá?

Cái thú vị của Lục Vân Tiên chính nằm trong sự phiêu lưu như dân miền Nam đã và đang phiêu lưu. Cái hào hứng của Lục Vân Tiên chính là sự tiêu diệt những tên côn đồ, những tham quan, những ác bá như miền Nam vẫn đầy rẫy. Cái sáng khoái trong Lục Vân Tiên là dám phát ra lời cương trực đề đê bẹp những lời tà vạy. Cái say sưa trong Lục Vân Tiên là các nhân vật mỗi người là một điển hình. Lời nói hành động của họ, nếu đổi tên những phong lai, Cốt đột, vua, tể tướng, tiều thư, quan lại ra những ông Hương, ông Lý, ông Điền chủ, cô Bảy, cô Ba, tên anh chị bự đầu chợ thì đó chính là sinh hoạt giản dị, thường nhật trong làng, trong huyện, quen thuộc biết bao! (1) Cái mê ly trong Lục Vân Tiên chính là lối kết cấu với những tình tiết gọn gàng thay đổi với bối cảnh cũng luôn luôn thay đổi làm cho nó linh hoạt hẳn lên rất thích hợp với hạng thính giả nóng tính.

Nhiều người nặng về hình thức cho là văn Lục Vân Tiên không hay, không điều luyện. Ấy là chỉ nhìn bằng con mắt độc giả mà quên lỗ tai thính giả. Văn Lục Vân Tiên là tiêu biểu cho văn Miền Nam để đọc chứ không hẳn để xem. Đó là văn nặng trình diễn như

truyền thống của loại văn ấy. Và giá trị lớn của nó chính nằm trong phản ứng của người đọc (chứ không phải xem) và của khán giả. (2) Một phê bình gia Pháp cho là văn Molière đầy lỗi văn phạm, câu rắc rối, văn xuôi mà nhiều câu còn chêm cả thơ 12 chân, thô thiển. Thế nhưng tất cả diễn viên thiên tài lừng lẫy nào khi đọc văn đó lên cũng công nhận là chưa ai viết mà thuận lợi cho lời trình diễn đến thế! với Lục Vân Tiên, chỉ cần nghe một người to giọng, vừa vỗ vào đùi vừa cất tiếng ngân nga:

Trước đèn xem chuyện Tây Minh

Gãm cười hai chữ nhân tình éo le...

Là tất cả những ai có mặt cũng đều chăm chú theo dõi, say sưa... Hình như chưa hề có quyền truyện nào lôi cuốn họ đến như thế. Cả trí thức lẫn bình dân, kẻ giàu cũng như người nghèo, quân nhân cũng như thương gia, ai cũng cảm thấy như chính đó là giọng nói của đất nước.

Đó là một bước thành công căn bản và vĩ đại. Với Lục Vân Tiên, Miền Nam không chỉ đủ trả nợ cho Miền Trung mà còn cho mượn lại (như Goethe không chỉ đã trả nợ cho văn học Pháp mà còn cho nước Pháp vay lại rất nhiều!). Đứa con hoang bắt đầu không chịu nép mình làm một cái bóng trong gia đình mà tự ý thức rõ rệt, vững vàng khả năng và nhân cách của mình để tách ra, tự giới thiệu một bản ngã, một bản sắc làm cho đất cũ ngõ ngang! Và điều đặc biệt là Lục Vân Tiên không phải cần chờ đợi lối ẩn loát Tây phương mới tìm ra một sự thành công rộng lớn như thế!

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(1) Cũng như nhân vật Racine, một phê-bình-gia cho là nếu đổi tên vua quan ra thì ta gặp dễ dàng những hạng trung lưu quen thuộc trong xã hội với hành động và ngôn ngữ của chính họ.

(2) Chính Nguyễn Đình Chiểu, khi mù lòa, cũng sáng tạo nó bằng lời nói rồi nhờ người chép lại.

Nội dung khách quan và nội dung chủ quan trong tác phẩm

(Xin xem BKTĐ từ số 256)

Nội dung khách quan và nội dung chủ quan tuy khác nhau như vậy, nhưng thật sự lại gắn chặt với nhau thành một toàn khối trong những tác phẩm thành công. Nói cho chính xác hơn thì, vì thế giới nghệ thuật là thế giới của những hình ảnh tự biểu hiện, nên nội dung chủ quan bao giờ cũng phải chìm sâu trong nội dung khách quan của tác phẩm nghĩa là bị đồng hóa thành nội dung biểu hiện của tác phẩm. Đứng trước tác phẩm ấy, người thưởng ngoạn tưởng như đứng trước những mảnh sống ứ đọng sinh lực của cuộc đời có thực, trong đó kỹ thuật nhân tạo hoặc tư tưởng chủ quan của tác giả vừa vắng mặt khắp nơi, lại vừa có mặt khắp nơi, chẳng khác chi một đạo diễn sau khi dựng nên một vở kịch rồi rút lui đi vậy. Trong những tác phẩm non nớt thì ngược lại, hình bóng tác giả cứ lù lù hiện ra một cách lộ liễu đó đây như một kẻ nhắc tuồng Cố gắng kết hợp nội dung khách quan và nội dung chủ quan cho chặt chẽ với nhau là điều đáng bận tâm trước tiên trong việc xây dựng tác phẩm.

Tuy nhiên vẫn có nhiều tác phẩm lớn trong đó hai thứ nội dung khách quan và chủ quan không đi đôi với nhau, mâu thuẫn lẫn nhau, tạo thành một thứ sai lệch (décalage) trong tác phẩm. Trong

văn học ta, trường hợp điển hình nhất là truyện *Kiều* của Nguyễn Du.

Khi dựng nên truyện *Kiều*, trong ý thức của mình, Nguyễn Du chỉ cốt chứng minh tiền đề cổ điển « tài mệnh tương đố » kết hợp với ý niệm « thiện tâm » ảnh hưởng từ Phật giáo thông tục : người tài hoa ắt phải bị gian nan khổ khổ, nhưng cuối cùng vẫn có thể nhờ tấm lòng thành mà chuyển hóa được đời mình. Tư tưởng ấy đã được Nguyễn Du đưa lên thành chủ đề trong truyện *Kiều* : nó khởi ngay nơi đoạn « lung » mở đầu, biểu hiện rải rác bằng những lời phê bình trực tiếp của tác giả ở những đoạn giữa, và đóng lại chặt chẽ nơi đoạn kết. Có thể xem cái ý tưởng ấy như một nỗi ám ảnh của Nguyễn Du, một thứ lảng lơ từ đó tác giả xét nhìn thế giới và giải thích nhân sinh.

Đọc truyện *Kiều*, có lẽ xưa nay, chưa ai « ngộ nhận » Nguyễn Du về điểm này. Gán cho Nguyễn Du cái tâm sự « hoài Lê » như mấy ông trí thức « hoài di vãng » hồi đầu thế kỷ này, hoặc dán cho Nguyễn Du cái nhãn hiệu hiện sinh « lo âu », « thân phận », « bi đát » như mấy ông trí thức bất lực ngày nay, thật sự người ta cũng chỉ tán cho rộng ra cái kinh nghiệm « đoạn trường » của người đã đi qua chiếc cầu định mệnh, nghĩa là chỉ xoay quanh cái nội dung chủ quan của tác giả mà thôi.

Nhưng từ khi học được những phương pháp nghiên cứu khách quan của Tây phương thì người ta có phần bớt băn khoăn về vấn đề cá tính, hay tâm sự Nguyễn Du qua truyện *Kiều* : một hướng tìm kiếm đã mở ra là phân tích ý nghĩa truyện *Kiều* qua ngay cái cơ cấu xã hội của nó, tức là qua cái nội dung khách quan của nó.

Nơi các cuốn sách giáo khoa, công việc này thường đảo quanh việc tìm hiểu thời đại truyện *Kiều*, sự tương quan giữa xã hội truyện *Kiều* với xã hội thời Lê mạt, Nguyễn sơ. Ngoài một ý kiến cũ từ đời tiền chiến, công trình này chưa thấy tiến triển khả quan hơn.

Nhiều người khác, đi sâu hơn vào tác phẩm để tìm hiểu nền «luân lý» trong truyện *Kiều*. Phạm Quỳnh, vì làm tay sai cho Tây, nên muốn lợi dụng cái «trung hiếu tiết nghĩa» trong *Kiều* để phục vụ trật tự thống trị của Tây ; hai ông Huỳnh Thúc Kháng và Ngô Đức Kế, vì chống Tây, nên đã đảo cái luân lý ấy thành «ai dâm sầu oán...» để chửi bọn bán nước. Sau này lại có ông Nguyễn Bách Khoa, tủn mủn đi đếm những «đêm trăng» trong *Kiều*, hoặc làm cầm chầu bệnh nàng *Kiều* để kết án truyện *Kiều* là sản phẩm của một giai cấp phong kiến hủ bại.

Nhiều người khác về sau nữa, còn tìm thấy nơi *Kiều* một bản án tố cáo chế độ phong kiến thối nát, một bức tranh xã hội chà đạp quyền sống con người. Cũng trong chiều hướng này, có người lại đi tới chỗ tuyên dương *Kiều* như một kiến nghị «bài phong» rất là tích cực !

Dù sao thì bàn về *Kiều* xưa nay, người ta thường chọn một trong hai thứ nội dung của *Kiều*, chủ quan hoặc khách quan, để rồi đưa ra nhiều ý kiến trái

nhau, khác nhau. Thật ra nội dung *Kiều* không đơn giản một chiều, hai thứ nội dung chủ quan và khách quan trong *Kiều* không kết hợp thống nhất nhau, mà lại bày ra nhiều đối nghịch, mâu thuẫn. Các lời giải thích mâu thuẫn về *Kiều* sau này, tuy bắt nguồn căn bản từ những lập trường xã hội khác nhau, nhưng phần lớn cũng đã xuất phát từ chính bản thân truyện *Kiều*.

Nếu căn cứ vào nội dung chủ quan của *Kiều* để bảo rằng Nguyễn Du đã nguy hiểm khi viện đến ý niệm «trời xanh» để giải thích nỗi khổ của *Kiều*, thiết tưởng gọi như thế cũng không sai. Bởi vì, trong *Kiều*, chẳng có cái ông «trời» nào lại oái oăm đưa con người ta vào làm gái giang hồ cả ! Chỉ có bọn ma cô, chủ chứa với lũ thầy bà cha ông chúng là phường quan lại tham tàn mà thôi. Không có bọn gian ác này, gia đình *Kiều* đâu có ly tan, đời *Kiều* đâu có nhục nhã ê chề. Đem một cái nguyên nhân mơ hồ, phi thực để thay cho thứ nguyên nhân cụ thể, có thực, rõ ràng Nguyễn Du đã tuyên truyền khéo léo cho chế độ thối tha.

Nhưng nếu vì thế mà kết án Nguyễn Du là một thứ phong kiến hủ bại thì cũng không được công bình. Bản thân Nguyễn Du đã phong kiến từ miếng cơm manh áo, đến mớ giáo điều Khổng Mạnh ; thời đại Nguyễn Du cũng là thời phong kiến đã bắt đầu rêu mốc. Sống trong những vây bọc, khách quan đó, Nguyễn Du đâu có được thấy hai ba ý thức hệ trước mặt như chúng ta ngày nay để chọn lựa ! Ngay như người anh hùng Nguyễn-Huệ, mà có người cho là lực lượng nông dân, vậy mà sau khi quét xong bọn phong kiến rồi, cũng không chọn được con đường xây dựng

nào hơn là dựng lại cái chế độ ấy ! Dù là thiên tài đi nữa, người ta vẫn không thể sống ngoài thời đại của mình. Bất Nguyễn Du làm «cách mạng xã hội», thật không gì lỗ bịch hơn !

Nhưng thật ra gọi Nguyễn Du là phong kiến phản động thì sai lắm nhiều chứ không phải chỉ thiếu công bằng. Bởi vì cái thế giới khác quan mà ông miêu tả trong *Kiều*, đã phần nào đi ngược lại những tín lí của ông, và bất lợi cho chính chế độ ông sống. Trong *Kiều*, có hai loại nhân vật đối nghịch nhau thành hai trận tuyến. Hạng thứ nhất là hạng tiêu biểu cho cái xấu, đi đâu gieo tội ác đến đó : ở đây ngoài phường đảng điểm côn đồ, qua ngòi bút Nguyễn Du, còn là bọn quan lại, tham tiền, vô lương, bất nghĩa nữa. Hạng thứ hai là loại nhân vật tiêu biểu cho lớp người lương thiện, nhưng vì có sắc có tài mà bị bọn thống trị vùi dập khốc hại trăm chiều. Sự đối nghịch giữa hai loại người này không cân bằng nhau: việc *Kiều* thế cô, sức yếu, càng cố vẫy vùng thoát khỏi vòng kim kẹp bạo tàn lại càng bị bạo tàn siết chặt thêm, đã làm cho mâu thuẫn của tác phẩm trở nên thể thảm, bi đát.

Không như những tác phẩm cổ điển khác, lấy ngay một ông quan thanh liêm nào đó của triều đình để gây lại công lý, Nguyễn Du lại dựng lên một thứ thảo khấu, và là một nhân vật bàng phụ, là Từ Hải để san bằng xung đột. Dưới ngòi bút Nguyễn Du, Từ Hải đã thành một anh hùng vĩ đại, thay thế được cho lẽ phải để xử phạt phân minh. Tuy là mẫu người phi thực mang trong mình nhiều hạn chế, Từ vẫn là một sự phủ nhận triệt để cái rất tự thối nát buổi bấy giờ. Như thế, ta thấy không những Nguyễn Du đã bất bình

cái thế giới mình miêu tả ; ông còn muốn phản kháng nó nữa. Liệt Nguyễn Du vào lớp nhà nho hương nguyện thật không có gì lầm lạc hơn.

Nhưng nếu vì vậy mà tôn xưng cho Nguyễn Du nhân hiệu chiến sĩ «bài phong» thì cũng không có gì là đúng cả. Trong sự hạn chế của thời đại mình, Nguyễn Du chưa thể đạt được vấn đề chế độ ; và trong sự hạn chế của sinh hoạt mình, Nguyễn Du không muốn đặt vấn đề chế độ. Trước sau, Nguyễn Du vẫn là một nhà nho, không thể tin tưởng gì khác hơn ngoài cái tôn ti trật tự Khổng Mạnh lâu đời : nếu có miêu tả bọn quan lại thối nát, Nguyễn Du cũng chỉ xem họ như những cá nhân đáng ghét, chứ không chạm đến cái cơ cấu đáng ghét là cái chế độ đã sản sinh ra chúng. Chúng ta đã biết Nguyễn Du vẫn tin tưởng nơi chế độ ấy ra sao.

Như vậy, chúng ta thấy qua truyện *Kiều*, Nguyễn Du đã có hai thái độ mâu thuẫn nhau, sai lệch nhau về cùng một thực tại. Khai triển cho thành khái quát một trong hai thái độ ấy nơi Nguyễn Du có lẽ không ổn ; vấn đề đúng đắn là cân nhắc mức độ của hai chiều hướng ấy. Cân nhắc như vậy, chúng ta thấy sự sai biệt ấy không ngang hàng.

Về mặt chủ quan của Nguyễn Du, ta thấy khi đem ý niệm «định mệnh» để giải thích cho bao nỗi khổ của con người, tác giả đã tỏ ra nhiều gượng gạo. Không những gượng gạo nơi căn bản những lý luận của tác giả, mà gượng gạo nơi căn bản cái thái độ giải thích của tác giả nữa. Về mặt này, ta thấy đối với cái xã hội chà đạp con người như sâu bọ mà mình dựng nên, tác giả không hề trực tiếp bênh vực cho nó, như bọn bồi bút thường làm : sau nhiều bất bình ngán ngẩm về cái kinh nghiệm bề dẫu ấy, ông mới chép miệng

đồ lỗi cho trời ! Thái độ của ông có một cái gì mơ hồ, xa xôi, nghiêng về *tiêu cực* hơn là đấu tranh tích cực.

Điều này càng hiện rõ hơn, khi Nguyễn Du dựng nên một Từ Hải. Bởi vì dù có đề cho Từ Hải chết đi một cách phi lý, Nguyễn Du không giết được cái bút khí mà ông đã nói về Từ, không xóa được nơi người đọc một cái cảm giác sùng bái về cái công nghiệp sáng chói đề chống lại cả triều đình mà ông đã cho Từ làm. Ông vua Tự Đức sau này, đòi nọc Nguyễn Du ra mà đánh, có thể gọi là một lão phong kiến tinh đời !

Mấy nhận xét này cho biết rằng, trong sự bênh vực cho cái chế độ của mình, thái độ của Nguyễn Du đã không giản dị, không suông sẻ. Hình như thái độ ấy không phát xuất từ một lòng tin có đủ đầy đủ kiện thực tế chứng minh, mà nó chỉ là một sự cố gắng vớt vát sau cùng của những kẻ không thấy được tương lai đem ra đề an ủi mình vậy thôi. Nhưng ai cũng biết rằng bất cứ sự cố gắng vớt vát nào cũng hàm chứa một niềm *vô vọng*.

Thật vậy, Nguyễn Du đã biện hộ một cách vô vọng cho cái xã hội của mình, cái xã hội mà thực tế băng hoại của nó không cho phép ông bảo vệ nó một cách tích cực. Nhưng chính vì vậy mà ta có thể xem *Kiều* như một thứ chiến trường của tâm hồn Nguyễn Du một chiến trường trong đó cái chủ quan của một con người cố gắng níu kéo lại một tồn tại cũ, xung đột với cái khách quan suy sụp của một xã hội mà mình phản ảnh vào trong tác phẩm. Nơi những kẻ khác, sự xung đột ấy có thể giải quyết dễ dàng : hoặc nhắm mắt điên cuồng bảo thủ nó, hoặc tìm cách thoát li khỏi nó như phần lớn những kẻ đồng thời với tác giả. Tất

nhiên ngoài hai cách này, còn có con đường thứ ba là chiến đấu tiêu diệt nó để dựng xây một cơ cấu khác ; nhưng con đường này chưa phải là con đường có thể thực hiện được trong thời đại tác giả. Ở chỗ đứng của mình, Nguyễn Du chọn con đường vừa vô vọng biện hộ cho nó, đồng thời lại vừa phủ nhận nó, và ở một mức độ nhất định, đã góp phần kéo nó thêm suy sụp.

Do đó có thể nói cái chủ quan của tác giả đã phần nào bị cái nội dung khách quan của tác phẩm lấn lướt, tràn ngập, và cái nội dung khách quan này có khi đã kéo được tác giả theo cái đà của nó. Vì thế, trong cái giới hạn bảo thủ của mình, *Kiều* của Nguyễn Du đã chứa đựng một báo hiệu lớn về sự suy tàn của một hệ thống xã hội lâu đời. Sự suy sụp ấy, vì phù hợp với quá trình diễn tiến khách quan của sự vật, vượt khỏi khách quan của sự vật, vượt khỏi ý thức hạn hẹp của một cá nhân, nên còn có thể cho rằng nội dung khách quan của *Kiều* ngằn chứa một lời tiên tri cho mai hậu. Và đó cũng là cái giá trị lớn nhất của một thiên tài.

Trường hợp truyện *Kiều* của Nguyễn Du là trường hợp trong đó nội dung khách quan của tác phẩm đã tỏ ra phong phú hơn ý thức chủ quan của tác giả, tức là ý thức con người không bắt kịp sự tiến triển của thế giới khách quan. Đó cũng chính là trường hợp của khúc *Chinh phụ ngâm* miêu tả cuộc chiến tranh đời Trịnh bằng hai thái độ chủ chiến và phi chiến, trong đó phần phi chiến trong tác phẩm đã lấn át phần chủ chiến của tác giả. Trong một dịp thuận tiện hơn, chúng tôi sẽ nói kỹ về tác phẩm nổi tiếng đó

Đề chấm dứt bài viết này, chúng ta nên ghi nhận rằng những trường hợp có

sai lệch nội dung khách quan và nội dung chủ quan, thường là những trường hợp trong các tác phẩm cổ điển, trong đó hoặc vì chế độ cản trở, hoặc vì người cầm bút không ý thức hết việc mình làm, nên tác phẩm của họ không thống nhất được.

mọi hành vi con người phần lớn đều được ý thức phản tỉnh soi rõ, nên việc cố gắng kết hợp cho chặt chẽ hai thứ nội dung trên, là điều cần thiết đối với những người cầm bút hiểu rõ sứ mệnh của mình.

Thời đại chúng ta là thời đại mà

LỮ PHƯƠNG
(10-8-67)

Bạn đọc đón coi :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN (Tập I)
của ĐOÀN THÊM

Hồi-ký thuật lại những biến cố trọng-đại của Việt-Nam, từ đầu Thế-chiến thứ hai, dưới mắt tác-giả « Hai mươi năm qua ».

Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

1,70
1,50

KN SỐ 889 BYT, Q.COP

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỊNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

Lá thư TÂY-BAN-NHA

(Xin xem BKTĐ. từ số 256)

Em Lê,

... Hai giờ chiều, chị trở xuống, đến xem cái nhà thờ làm tám mươi năm chưa xong — bằng cả một lịch sử bị trị của Việt Nam mình! — thứ có đúng như lời M. nói không.

Lần này lại gặp một đặc biệt khác: Thánh đường này khởi công vào năm 1882 do kiến trúc sư F. Del Villar, theo style néogothique và được tiếp tục từ năm 1891 do ông Antonio-Gaudi. Ông này thay đổi dự-án-guyên-thủy, sáng tạo thêm nhiều nét độc đáo, làm cho cực kỳ tráng lệ và vĩ đại. Ở tiền diện, ta nhận thấy những nét chạm khắc tinh vi về sự tích Chúa Hải-đồng, dưới các vòm cong, nổi bật lên những tên lính La-Mã theo lệnh triều-đình lùng giết các trẻ cùng sinh một ngày với Chúa, chúng giơ cao kiếm sắc lên trong một dáng bộ hung hãn và những bà mẹ ôm chặt con trong tay mình đang dang co với chúng, đang van nài chúng hay đang gục xuống bên cạnh xác con mình... Những đường nét trông hết sức sống động.

Antonio-Gaudi dự đoán sẽ hoàn thành thánh đường này và sẽ là thánh đường bậc nhất tại Barcelone, có những đặc điểm phi thường do sáng kiến của ông, song đến năm 1926 ông mất đi, công tác này lỡ dở. Và cho đến nay (theo những tài liệu báo-chí và cáo-thị còn dán tại đây mà chị đọc thấy) nhiều cuộc hội-họp thảo luận sôi nổi, cãi vã không ngừng giữa Hội-đồng thành phố và Ban Quản trị thừa-kế công tác vĩ đại này, một bên muốn tiếp tục đến cùng, một bên muốn dứt khoát ngưng lại. Bên phản đối thì rằng: « Antonio là một bậc thiên-tài của thời-đại, chúng ta làm gì có ai đủ sức nối tiếp công-nghiệp của ông! Chúng ta nên dừng lại chiêm ngưỡng, chúng ta lại không có ngân-quĩ dồi-dào... chúng ta gặp nhiều trở ngại, bị nhiều khó khăn... »

Bên cương quyết thực hiện công tác thì rằng: « Đây là một vinh dự cho chúng ta tiếp tục công việc... phải hoàn tất bằng tất cả cố gắng, vượt mọi trở ngại tinh thần, vật chất, dù bằng giá nào đi nữa... »

Rốt cuộc ra sao? thì... vẫn như thế đó: mặt tiền hết sức đồ-sộ với chiều cao 107 thước, các vòm cong chạm khắc tinh vi, mỗi lần ngàng nhìn lên đỉnh thánh-đường chị có cảm tưởng như những chóp nhọn này chọc thủng và

cùng bay với đám mây trắng trên cao vút đó, làm chị chóng mặt phải vội vàng cúi xuống.

Đề cho thỏa tò mò, chị mua vé vào xem, nhưng bên trong không có gì ngoài một maquette trắng tuyết đẹp, đứng trong lồng kính, (chắc bằng thạch cao) và một ít hình ảnh của Antonio, (bậc thiên tài của Barcelone) cùng những cuộc đón tiếp ông ta do chính quyền thời ấy tổ-chức. Tất cả những vật này trưng bày trong một chái nhỏ, cách tiền-diện một khoảng đất trống nền ngang vôi gạch, và những bậc thềm lên xuống mấp mô cở đại chen đầy.

Giữa cảnh hoang tàn đó điểm tuyết thêm vài ba người thợ, — không quá bốn người — uể oải kéo những nhát cưa rời rạc xuyên ngang phiến đá, tưởng như kéo một cách chiếu lệ chẳng cần quan tâm đến chuyện nó có đứt rời ra hay không. Trông họ làm việc chị tự hỏi không biết đến thế kỷ 22 có xong nổi thánh-đường này ? Nghĩa là công tác không dừng hẳn mà vẫn tiếp tục, nhưng tiếp tục bằng cách chị vừa kể với em đó, không có gì hơn.

Chiều đó, hai chị em đi bộ dò tìm ra địa chỉ Lutz ghi cho chị ở Venise, (chỗ bán thức ăn rẻ nhất ở Barcelone). Tại đây họ bán những con tôm nhỏ nhỏ, nướng vàng, còn cả râu ria, những con nghêu xinh xinh bằng những chiếc móng tay, những con mực bằng quả chuối cau, những con cua bằng bàn tay đứa trẻ đầy năm. Món gì ở đây cũng nhỏ, kể cả bánh mì. Lại có cả cá đối nữa.

Thực khách kéo nhau vào ngồi dưới những hàng hiên, khuất sau dãy cột to tướng, nóc từng cốc bia, bọt vung lên tràn ra miệng cốc như tuyết, nước vàng óng ả dưới ánh đèn xanh nhạt vừa mới bật lên.

Chiều xuống chậm. Trước mặt mình, công viên rộng lớn như nuốt chửng người qua lại. Từng cuộn mây non trôi la đà, phiêu du trên nền trời mờ nhạt. Hàng dứa phe phẩy đong đưa những tàu lá như bàn tay ai mệt mỏi dạo chiếc lược quanh mái tóc một cách thờ ơ. Gió hiu hiu thổi, vừa đủ để xóa tan nóng bức trong ngày mà không tung bụi mù lên như gió ban trưa.

oOo

Ngày thứ ba, chị lên núi Tibidabo để xem giải-trí-trường bậc nhất ở đây. T. không ngớt lờ chị rằng chị sẽ lác mắt vì những trò vui trên đó làm chị cũng đâm náo nức.

Theo truyền thuyết, khoảng tháng tư dương lịch năm 1886 Thánh John-Bosco đến Barcelone thăm các đệ-tử. Trong thời gian cư trú tại đây, Ngài luôn luôn nghe vang vọng một tiếng nói từ nội-tâm lặp đi lặp lại bên tai : « Tibidabo Tibidabo ! » (theo tiếng la-tinh những tiếng này có nghĩa là « Ta sẽ cho người ») Ngài ngạc nhiên tự hỏi : Thượng đế sẽ ban cho loài người cái gì nhỉ ?

Đến ngày 5 tháng 5 Ngài trở về Turin, trước đó, trong lúc đi chào Đức Thánh-mẫu thành phố, Ngài nhận được tin vui : Ban Trị sự của Hội những người Thiên-Chúa giáo dâng tặng Ngài ngọn đồi này để ngài có thể xây-dựng một tu-viện. Thánh John quá cảm động, hồi tưởng lại tiếng nói ngày trước, và Ngài nói : « Không, không

phải là một tu-viện mà là một Giáo-đường vĩ đại sẽ mọc lên tại ngọn đồi đề sáng danh Thượng-đế và Đức-tin cổ truyền của dân tộc Tây-Ban Nha càng vững mạnh hơn ». Tên Tibidabo bắt đầu có từ bấy giờ.

Đứng từ ngọn núi này (cao 532m) du khách có thể phóng tầm mắt nhìn cả thành phố Barcelone và biển dưới chân mình. Sự tích thì như thế nhưng ngày nay lên đến núi Tibidabo chỉ có cảm tưởng người ta quên mất thánh-đường, hay nói cho đúng thánh-đường lịch-sử này không được chú ý là bao, mà người ta chỉ chú ý đến những trò chơi tại đó. Xe hỏa đi vòng quanh núi, xe nhỏ nhưng mà... người lớn đi chơi được. Xe hơi chạy bằng điện, máy bay, funiculaire, téléphérique, những cái giỏ sắt vuông, cao nghệu, mình trèo vào đó thì họ cất bồng lên cao vút đến ngợp, những bánh xe vĩ đại, chung quanh mắc gần hai chục chiếc băng ngồi, cứ ngừng lại vớt du khách lên, rồi quay tròn trong không khí theo chiều đứng, ngắt ngừng đong đưa trong vòm xanh của cây cối bao quanh và nền trời như hạ thấp xuống. Có một phòng treo toàn những tấm gương soi, mỗi lần mình đến trước những tấm gương đó thì thấy mình, khi dài ra, khi ngắn lại, mặt mày biến dạng một cách kỳ quái. Lại có những phòng khác luôn luôn có tiếng rú kinh hồn không biết từ đâu ra, nghe tức dội cả tai.

Trong một ngôi nhà rộng lớn bán nhiều đồ chơi, đặt những máy tự động, bỏ tiền vào đó thì màn kéo lên, trò múa rối hay trò xiếc diễn ra, nhưng chỉ một thoáng là tắt ngấm. Có những chiếc đĩa trên có đặt tách, rất lớn, mình trèo vào đĩa, ngồi trong tách thì tách quay tròn.....

Đến trước một cái máy bói T. dực chị thử bói một quẻ xem sao. Chị không ưa bói toán gì nhưng cũng làm thử. Đồng năm mươi pésétas vừa rơi xoèng vào trong cái khe nhỏ thì « cách » một cái : điện chớp lên và ngăn kéo phía dưới tung ra nhả cho chị một tấm bìa dày, khuôn khổ bằng khuôn khổ tấm bưu phiếu, màu trắng, trên in một khuôn mặt người, lớn không ra lớn, trẻ con cũng không hẳn trẻ con, đầu tóc quấn được che lấp gần hết bằng hai cành lá, dưới chừa hàng chữ « UN FUTURO LAUREADO POËTA » ! (Hình đầu người và những chữ đó đều màu xanh nước biển). Hai chị em cười lẫn. Láo toét ! chị nói. Còn T. thì bằng giọng trịnh trọng :

— Linh lắm mà ! em biết mà !

Chẳng biết linh thiêng chỗ nào ? Chị nói một cách quả quyết nếu T. thử bói thì cũng thấy như thế cho mà xem, nhưng T. lắc đầu :

— Em có viết lách gì đâu kia, bói làm gì cho tốn tiền.

Chị đã mỗi, tính về, nhưng T, một hai rú lại lâu đài phù thủy chơi. Từ xa trông lại, lâu đài bé tí xiu, trên nóc lâu đài phất phơ một lá cờ đen có hai cái xương bắt chéo và chiếc đầu lâu trắng hếu. Mụ phù thủy thì cỡi chiếc chồi phép trong một tư-thế đang bay cạnh lá cờ đen.

Qua hai ba cái cầu nhỏ, vừa đến nơi nhìn vào cửa lâu đài tối om, sâu hun hút, hẹp như một cái hang, chị quay nói với T. sau lưng :

— Này em muốn vào coi thi tùy, đừng có mua vé cho chị đố, chị ghét lắm, vô đó làm sao mà thờ ? Nghe chưa ?

Nhưng chị nói xong câu đó, thằng quỷ sứ đã mua vé rồi. Chị đang cần nhằm nó phí tiền thì từ sau mấy người khách đã đẩy chị tới, thế là mình bị bắt buộc chui vào.

Lối đi chỉ vừa đủ một người, có người phải cúi xuống mới đi được. Qua một khúc tối, bên trong le lói một ánh đèn đỏ nhờ nhờ, ngay trước mặt mình lơ lửng bốn năm cái đầu lâu lè lười ra chồn vờn trước mặt, nhìn kỹ thì thấy những cái đầu đó được buộc bằng những sợi thép mỏng đầu từ trên cao dòng xuống. Đi chút nữa thỉnh linh chân mình như đặt trên những miếng gạch có chân, mà miếng thì chạy tới, miếng thì chạy lui làm mình cứ chực bỏ chừng. Nhiều tiếng hét vang dội lên, trước mặt sau lưng toàn bóng tối. Tiếng T. đằng trước :

— Đừng sợ, chị cứ đi tràn tới, em đây này.

Chị giận sôi, hét lên :

— Sợ cóc khô gì ? tao đang bực mình đây. Việc gì mà sợ ? tao đã nói là tao không muốn vô đây mà. Thôi, tao trở ra đây.

— Nếu chị muốn, xin mời chị... ra ngoài trước, đợi em.

Nó thách chị trong lúc chị loay hoay tìm lối ra không được. Thì ra mình bị kẹt, em nghĩ có sôi máu lên không ? Đành phải vô sâu thêm.

Lần này, lối đi dáng chừng như rộng ra và tròn như mình đi trong một vòng cống lớn, nhưng chưa đặt được bước thứ hai thì lòng cống bỗng quay tròn như thùng rượu đang lăn trên đường mà không phải quay một chiều đâu, cứ quay tới vài vòng rồi lại quay lui vài vòng. Mọi người ngã lăn kềnh, chổng lên nhau phía trước, cảnh tượng thật lố bịch: Chị lùi lại lồm cồm bò dậy, tay bám trên, chân bấu dưới, lần tới từng bước một. Thùng cứ lăn người cứ ngã, nhưng sau cùng họ cũng qua khỏi chỗ này. Lối đi hẹp lại và lần này những viên gạch mình đặt chân lên lại xoay tròn, xoay tròn. Lại phải định thần nhìn kỹ, nếu không mình cứ bị đất dưới chân quay hoài không nhích tới được tấc nào. Rồi đến một cái phòng quái dị : ghế là những tai nắm đồ rục, có vẻ mời chào mình ghé ngồi, nghỉ chân, nhưng mình vừa ngồi xuống, ghế lại xoay, xoay... trước mặt tiếng cười của cụ phù thủy và đoàn âm binh của cụ rú lên từng chuỗi làm cơn giận của chị càng tăng thêm. Đời thưở nhà ai, trò gì không ra trò gì, đầu cứ phải cúi, mình cứ phải lách y như là rần trồn trong hang, nóng nực, mồ hôi người và tiếng kêu rú của du khách trợn lặn với tiếng rú ma quái bên trong, tiếng máy điện sầm sập, rì rì, thùng rượu lăn xình xịch, những viên gạch dưới chân giật ngược, giật xuôi... mùi ẩm mốc trong vách toát ra... ngàn ấy thứ làm chị mệt ngất ngư chỉ ao ước ra khỏi ngay tức khắc.

Ra đến ngoài, thấy mình đứng ngay bên ngọn cờ đen, chiếc chồi bay của cụ phù thủy tai ác và bắt gặp T. đang cười có vẻ thích thú !

Chị không thèm nói gì cả, băng băng xuống cầu. T. theo sau đề nghị :

— Đề chuộc lỗi đã đưa chị vào hang phù thủy, em xin nghe theo lời chị bói một que... chị bằng lòng không ?

— Với điều kiện là nếu trong máy cũng nhảy ra một cái hình như của chị thì em phải chịu là tụi ở đây bịp và trả tiền lúc nãy lại cho chị.

— Tưởng gì, em chịu liền. Còn nếu khác thì chị chịu gì ?

— Chị sẽ chịu ở lại Barcelone ngày nữa, lên Madrid và chịu cả tiền coi chọi bò cho em.

— Chắc không ?

— Như cua gạch !

— Vậy thì em ký cả hai tay. Xin chị giữ lời cho.

Hai chị em kéo nhau trở lại phòng có chiếc máy bói điện. T. đòi tiền lẻ vứ vào khe máy, hí hờn xoa tay chờ kết quả.

— Em chỉ sợ chị hối thôi . . .

Cậu em chưa hết lời, thì «soạt» một cái, tấm bla tuôn ra : lại chễm chệ một «Futuro Laureado poeta» y như tấm của chị cách hai giờ trước.

Vậy là chị thắng cuộc và T. không còn hy vọng gì thuyết phục chị lên tận Madrid nữa, cậu em chị buồn thiu.

Thành phố Barcelone là một thành phố đô sộ, đồ sộ từ những thánh-đường, công trường, dinh thự, phố xá, đại-lộ rộng thênh ; nhưng nếp sống có vẻ xô bồ hỗn-tạp. Giòng giống Sài Gòn ở chỗ trẻ con leo đèo theo sau du khách xin tiền, và giống Pháp ở điểm gái điếm lôi kéo khách ở một vài góc phố. Thị-dân giàu có thì có vẻ huy hoắc mà những công-nhân lại quá nhọc nhằn. Bụi bặm bẩn thỉu hơn những nơi chị đã đi qua. Vì ăn uống rẻ nên dân Pháp ưa sang đây lắm, nhất là những du khách ít tiền. Người phụ-nữ có vẻ kín đáo hơn bên Pháp không có lối hôn hít nhau ngoài phố, trên tàu. Mỗi lần lên tàu, xuống tàu các bà luôn luôn ri rầm cầu kính và làm dấu Thánh-giá. Tại xứ này cũng như bên Ý, dân chúng coi bộ kính trọng Chúa hơn các nơi kia.

Đàn ông rồi việc, hễ thấy bóng dáng phụ-nữ là trêu chọc tức khắc. Cứ 10 giờ sáng là xe rác đi ngang những phố lớn, phu đội từng giỏ rác trên đầu đi ngờ ngờ thản nhiên như người đội giỏ hoa !

Trong nhiều hiệu ăn lớn, thực khách khạ : nhờ từng bãi đờm một cách tự nhiên làm chị không thể nào nuốt trôi, dù mình vội vàng và không để ý quan sát chi cho lắm. Ở đây chị khỏi nhọc công tìm đến các Selfservice, một phần vì tiết-kiệm thì giờ và một phần vì rẻ.

Phụ nữ thô hơn phụ nữ các xứ khác. Đàn ông thì nom na ná đàn ông bên Ý song đặc biệt trán họ ngắn, lông mày rậm, dáng bộ nặng nề, chậm chạp không chút

gì nhanh nhẹn và thông minh. Nhìn tổng quát, con người xứ này thật buồn nản, họ có vẻ tối tăm khó hiểu như bị đè nặng bởi một sức mạnh vô hình nào đó.

Vùng ngoại ô có nhiều bộ mặt chất phác, dễ mến hơn một chút, còn phần đông thị dân — từng lớp nào cũng vậy — đều như có một vẻ láu cá, khôn vặt rất khó thương. Không khí ở Barcelone không phải là bầu không khí tin cậy của Thụy-si, lạnh lùng và đứng đản của Anh quốc, cũng không trẻ trung, dễ dãi, nhộn nhịp như bên Ý. Cái nhìn như soi bói, nụ cười thì ngượng ngập...

Khi chị tỏ bày nhận xét đó ra, T. nhìn quanh như sợ có người nghe và nói :

— Chị nên giữ mồm giữ miệng, mật vụ của Franco mà biết tiếng Việt thì nguy cả chị lẫn em !

Và cậu em quái quỷ của chị vẽ vờ thêm rằng Franco nuôi nhiều mật vụ, ngân quỹ tốn hao lắm, làm dân chúng cực khổ. Nó lại chỉ tay trên núi và thêm :

— Hiện giờ đang có phong trào chống đối, họ đóng trong núi đó, cũng như quân kháng chiến vậy mà, ghê lắm chứ chị đừng tưởng chỉ có Việt-Nam mới biết độc tài đâu.

Thấy chị có vẻ còn nghi ngờ, T. tiếp :

— Chị không thấy lão gác cửa khách sạn sao ? Đó, mật vụ của Franco đó, chính bọn này «săn sóc» du khách chứ đâu phải nhân viên khách sạn ? Chị ra lúc nào, vào lúc nào, đi đâu, làm gì...

Em có tin không ? Chị không biết có chắc đúng như lời T. hay là nó dọa chị chơi, cách tốt nhất là trừ đi năm mươi phần trăm. Không có lừa làm sao có khói ?

Tàu điện, tàu hỏa ở đây hẳn hơn những nơi chị biết. Có những hàng hoa trông qua y như hàng hoa đường Nguyễn-Huệ của Saigon ta.

Một lần, chị và T. kiểm phòng hướng dẫn du khách cùng khắp mà không thấy, phải hỏi cảnh sát. Ông này nói một thôi, một hồi T. chẳng hiểu gì hết, ông ta lại ra hiệu bằng tay, T. vẫn ngờ ngác. Chị phàn nàn :

— Trời ơi ! em dở quá, Đi Barcelone hai ba lần mà còn gà mờ quá.

— Vậy thì chị giỏi, chị «liệu» đi !

Mồ hôi dầm áo, cậu ta gắt lại. Và nó đứng ì ra đó. Tới phiên chị. Loay hoay đến 15 phút cũng chẳng biết gì hơn. Thành linh ông ta vỗ vỗ vào trán mấy cái rồi dậm giày xuống đất thành thành. Lập tức chị mừng cuống :

— Xướng hăm. Xướng hăm, nhất định.

— Xướng làm chi ? Phòng chỉ dẫn du-khách gì lại dưới hăm ! Làm quá là đi tàu điện ngầm...

Ông ta nhìn hai chị em cãi cọ, đầu gật gù, miệng làm bàm, chân vẫn nện thành thành một cách kiên nhẫn.

Đến phiên chị câu :

— Thì cứ tìm xuống một đường hầm xem, không phải thì lên, chết đâu ?
Chớ đứng cãi rồi tìm ra à ?

Đi! T. cộc lốc đáp. Quả nhiên cách đó vài trăm thước có một lối xuống rộng thênh thang, đi sâu vào một chút thì không những chỉ có văn-phòng chỉ dẫn du-khách mà còn có Bru-điện, quán hàng trông lác mắt mình. Mà lại không phải là một trạm tàu ngầm nữa kia, Lê ạ! Có đặc biệt không ?

Nhìn chung thì chị có cảm tưởng Barcelone từng là một đô-thị mà sự văn minh phát triển cùng tột, rất sớm và bây giờ đến ngày tàn lụi vậy !

Công-trường và nhiều đại-lộ rộng lớn bằng ngang mỗi cả châu. Kiến trúc đồ-sộ của thành phố cũng như của các nhà thờ, nhìn đến chán, hết còn muốn ngắm nghía.

Bụi và nóng cũng là một đặc điểm của Barcelone. Dưới nắng gay gắt của mặt trời, nước biển như sánh lại, sẫm màu hơn cho nên hết ngày thứ ba, chị nhất định trở về.

Em cứ tưởng tượng chị là hạt gạo trong cái sàng trên toa xe-hỏa thì em biết chị mừng đến bậc nào khi tàu trở về biên-giới.

Từ khi sang Barcelone trở về, T. bắt đầu « phục » chị. Nguyên hai chuyện nhìn sự làm việc khoa học của cái máy bói toán mà đoán biết kết quả và thấy cảnh-sát dậm chân mà hiểu rằng nên xuống hầm đủ cho em chị thấy đàn bà ít chữ nghĩa như chị không phải là nhất định thua cậu sinh-viên !

MINH-QUÂN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

VẤN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie



LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng

với

3 đặc điểm

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

MÀ HỒNG

10 | Đại úy Quận trưởng với tay nhặt chiếc bật lửa và bao thuốc Salem trên bàn rồi đứng dậy. Tia mắt ông quét từ chỗ tôi ngồi tới hàng cử tọa đang tỏ vẻ trầm ngâm suy nghĩ. Khói thuốc phảng phất mờ mờ khiến căn phòng giống cảnh thấp hương niệm phật,

— Rồi. Không ai thắc mắc gì nữa chứ. Vậy ráng mà làm cho chu đáo. Các ông nhớ lời dặn chót của tôi đây. Cuộc bầu cử này là viên gạch xây dựng dân chủ cho đất nước. Các ông phải đem hết khả năng, đem hết mảnh khóc huy động dân chúng tham gia tối thiểu là chín mươi lăm phần trăm. Nghe chưa. Xã ấp nào không đạt nổi con số đó tôi coi như thiếu tinh thần phục vụ. Nghe chưa.

Nhiều cái mồm động đây. Có thể có tiếng dạ nghe phát ra nhưng nhỏ quá. Những điều thuốc lại gắn vào môi. Khói lại ủa chum những cái đầu. Đại úy Quận trưởng không chú ý những điều vụn vặt ấy. Ông quay sang tôi :

— Ngay bây giờ cậu tới ấp Vinh-Hiền hộ tôi xem mặt trời làm gì ở dưới đó. Nhớ nói là tôi mắc đưa mấy cha nội cố vấn đi quan sát các trại định cư.

Rồi ông bước nhanh ra cửa. Trong phòng, những chiếc ghế bắt đầu xê dịch va chạm lạch cạch. Những tiếng xì xầm, giọng cười hềnh hệt, những hơi ngáp gió mỗi một trộn lẫn nhau làm tôi phải cúi mặt. Một người đi gần nói, ông trưởng ấp Phú Xương, thì cứ trước sao giờ vậy chứ gì. Người khác trả lời, ông chủ tịch xã Lạc Bình, đã hẳn, nếu muốn thì làm trăm phần trăm cũng không khó. Thêm một ý kiến nữa sau tiếng đặng hắng, trưởng ấp Long Vinh, tôi tính đưa nào coi bộ khó bảo thì loại khỏi danh sách cử tri là chắc ăn. Và một chuỗi cười khô héo liến theo của trưởng ấp lưu vong Hải Diêm, bên tôi vốn vẹn hơn trăm ở vùng yên còn toàn xôi đậu, không biết kiếm đâu ra chín lăm phần trăm chớ. Tôi đi chậm chậm với họ dọc hàng hiên về văn phòng, nghe mãi cũng chỉ một luận điệu ấy. Vậy mà vô ngực nhận rằng mình đang đóng góp vào công cuộc xây dựng dân chủ sao? Tự đứng, trong ánh nắng phơi phới, trên mũi giày sần bụi đều đập chòn hình ảnh vẽ vôi những con mắt găm găm, những cặp môi mỏng dính mím chặt siên siết dữ tợn. Không được. Mình không thể ngồi ngó lơ như một kẻ đứng bên lề xem mọi sự trình diện với lòng đứng đưng như thế. Tuổi trẻ, học thức được chuẩn bị là để đón nhận những trách nhiệm như tách nhiệm trước mặt. Những con số có nghĩa gì mà phải suy tôn tuyên dương như một thành tích một khi người

dân đi bỏ phiếu với tâm trạng làm cho xong phòng những hậu quả không hay hoặc đi tới thùng phiếu để được lãnh căn cước đã bị thu từ mấy hôm trước, còn ai thắng ai bại lại không quan trọng.

Tâm hồn tôi do đó vụt hứng khởi, rào rạt một niềm vui. Tôi mạnh mẽ hất ánh mắt vào các viên chức xã ấp đang đứng rải rác trong nơi bóng dâm. Minh sẽ nói về ý thức công tác với họ xen giữa những màu tâm tình vụn vặt. Sẽ tiếp xúc thật nhiều, từng người dù gặp ở đâu miễn không là phòng họp. Đang mải mê suy nghĩ, tôi chợt nghe tiếng ông trưởng ấp Phú Xương, ông Phó, khi nào rảnh mời trở về tôi chơi. Mùa này có sò huyết, ngon lắm. Tôi nắm lấy cơ hội đầu tiên, nhiu mày, tạo vẻ hài hước, thôi, đi mười mấy cây số để chỉ ăn mấy con sò thì xin cảm ơn. Ông trưởng ấp nhìn tôi dò xét, đoạn tủm tỉm cười, nếu ông Phó muốn các khoản khác thì cứ có ngay. Ông cứ gọi điện báo trước hăm bốn giờ là đàn em xin bảo đảm. Tôi đáp, ngón tay chỉ vào ngực áo ông, à vậy thì xong rồi. Ngày mai tôi xuống. Ông cho tôi xem cách ông huy động dân bỏ phiếu trăm phần trăm, nhé. Lời nói vừa dứt; xung quanh tôi đã lục cục nhiều tiếng cười ngẩn, khô như âm thanh những viên đá rơi trên lề đường bằng phẳng. Cả con người nhỏ thó nước da xám nâu như vỏ cây già, giữ chức trưởng ấp từ khi chưa cách mạng kia cũng nhe răng theo các đồng nghiệp. Không khí như thế có vẻ thuận lợi rồi đấy chứ. Tôi sửa soạn nhập đề bằng nụ cười trên môi rất tươi. Nhưng chưa kịp nói thì cánh tay áo tôi đã bị kéo giật ra sau:

— Anh Đạm.

Thanh. Thanh xuất hiện đột ngột với mái tóc buộc gọn bằng băng vải xanh ngang gáy. Màu đỏ của chiếc áo dài phản chiếu ánh nắng bắt lên nhuộm hồng bầu má. Khuôn mặt Thanh hơi ngửa. Hai mắt kính đen loại thời trang đã thu nhỏ thân hình tôi bằng que diêm và nhốt tù trong đó. Tôi muốn nói nhưng lúng túng không biết nên gọi Thanh với tiếng cô hay tiếng chị.

— Anh có gặp anh Đạt khng ?

Giọng Thanh hấp tấp, lo lắng. Rất nhanh, tôi đã lấy những cử chỉ của Thanh và nghĩ tới một tai nạn đã phải tới với cuộc đời chiến binh như Đạt:

— Đạt làm sao ?

— Em không gặp anh ấy đâu hết.

— Nó đi hành quân mà ?

— Không.

Tiếng không vụt ra cùng lúc một bên chân nhấc lên rồi dậm nhẹ xuống nền xi măng. Thanh láu táu tiếp:

— Em tới trại hỏi, người ta bảo anh ấy nghỉ phép rồi. Đi từ chiều hôm qua. Sao anh ấy không tới em trước ?

Nghe tới đây, tôi muốn quay đi thở phào một hơi. Và trong đầu tôi lại phác một cảnh khác, anh chàng Đạt đánh bài chêm về rút lui để chấm dứt thiên

tình sử thứ mười mấy của đời hẳn đúng như kế hoạch. Thằng cha bê bối. Ít nhất thì cũng phải thông báo cho mình hay với chứ. Trên mép Thanh, những chấm mồ hôi lấp lánh như đầu những chiếc kim gút. Thanh nói :

— Em lo lắm. Có lẽ anh ấy không trở về đây nữa.

Nhìn mấy nét nhăn ở giữa hai hàng lông mày đồ xuống sống mũi tôi thăm phục linh tính của Thanh quả là bén nhạy. Nhưng ngoài miệng tôi vẫn nói chắc nịch, bậy, sao lại không về. Rồi quay sang các viên chức xã ấp cười. Mấy ông này đang đứng ngẩn ngơ vội nhếch mép theo đoạn máy hiệu nhau lảng xa dần dần. Tôi hơi ngượng. Tuy thế, cảm giác vui thích trong lòng vẫn lằng lằng lai láng. Được thoải mái, tôi quan sát Thanh thật bạo dạn. Tấm thân này Đạt đã phơi trần trong trí tưởng tượng của mình biết bao lần từng chi tiết nhỏ. Và chính mình một buổi chiều bên sông cũng đã rung động vì tấm thân này che dấu sơ sài trong chiếc áo may ô độc nhất và chiếc quần ngắn ngang đùi. Bây giờ trước mắt tôi chỉ còn một mảng ngực nằm lòi ngoài bờ áo lót, mềm mại, đầy đặn trong làn vải mỏng. Thế này mà Đạt đã tính bỏ thì phí quá. Hẳn phải lý do vững chắc hơn những lời kiêu hãnh và nguyên do trách nhiệm của nó chứ. Chợt tôi nghe tiếng Thanh :

— Chắc anh ấy đi Sài gòn. Anh không biết thật à ?

Tôi nghe anh ấy nói về anh luôn miệng mà ?

Tôi cười, hỏi nó tổ tôi những gì rồi đề tôi cải chính, Thanh. Thấy Thanh không thay đổi cử chỉ, tôi vội trở về với câu hỏi trước :

— Vâng. Nếu nghĩ phép thật thì nó chỉ có mỗi đường là dặng vào Sài gòn. Nhưng mắc gì gấp đến nỗi không cho Thanh hay ? Nó chỉ có mỗi thằng em học ở trong đó...

Em anh ấy chết rồi.

Những nét tươi cười vụt bay khỏi người tôi. Tôi nhìn soi vào cặp môi Thanh còn chưa khép lại :

— Cái gì ? Em thằng Đạt chết hả ? Sao thế ?

— Biểu tình.

— Biểu tình ?

Hai bóng hinh tôi trong hai mắt kính đứng sững, vươn cổ ngó tôi. Những chấm mồ hôi trên mép Thanh đã làm mềm những sợi lông tơ phơn phớt xanh.

— Báo đảng mấy hôm rồi. Em đã nghi lắm vì những chi tiết đều y như lời anh ấy nói. Nhưng giờ thì đúng rồi.

Nghe Thanh nói, tôi cũng nhớ một vài lần Đạt tâm sự với tôi về đờn em. Tôi phân vân :

— Sao bảo em nó ghét cại trò đi biểu tình lắm ?

— Vậy mà chết rồi. Chết ở trước cửa Đài Phát Thanh. Tên Nguyễn-Văn-Tùng, sinh viên Y Khoa chứ gì ?

Tôi vẫn thắc mắc :

— Nhưng có thể trùng tên.

— Nếu thế thì anh Đạt đi Saigon làm gì ?

— Đi... Chắc đâu nó đã đi. Hôm nay mới thứ ba...

— Anh ấy đi máy bay quân đội cũng được.

Không ngờ tôi buột miệng một câu như Thanh mới nói :

— Nếu thế, nó phải tới tôi đã chứ ?

Sau đó, tôi cúi đầu lần tránh khuôn mặt Thanh ngờ ngợ bần thần đang ngó nơi này nơi nọ. Mình thật chẳng khác gì tên điếm. Nhận xét hơi hợt, suy luận nông nổi thế mà cũng ngời chỉ huy thiên hạ thì đúng là nước loạn. Phải sửa mình mới được. Nhưng sửa bằng cách nào ? Véo đuôi một cái thật đau gọi là cảnh cáo ? Hay lập hai hủ đậu, bên trắng bên đen như ông thầy tàu thời xưa ? Thấy ý nghĩ đã muốn nhuộm vẻ hài hước, tôi vội lập nghiêm, xóa xóa mọi vẻ vầu trong óc. Thôi, thử đoán Đạt đi đâu coi trúng không, Đạt đi đâu ? Nếu em nó chết thì nó còn vào Saigon làm chi. Nó đi kiếm mấy anh giải phóng rồi. Thế thì chỉ khổ cho tên Việt Cộng nào gặp nó. Thốt nhiên, tôi nhớ lời Đạt nói, nhớ cả giọng và nét mặt Đạt buổi trưa trong quán ăn khi thiếu úy Xuân kể chuyện tại sao Thắng xin ra mặt trận. Giữa lúc ấy, ông trưởng ấp Vinh-Hiền rụt rè bước tới Thưa ông Phó, mời ông Phó... Không quay lại nhưng tôi gật đầu, vâng, bác lên xe đi, chờ tôi thêm một phút. Đoạn tôi diễn tả một thái độ dịu dàng nhia Thanh, nhưng vẫn chỉ thấy bóng hình tôi trong đôi mắt kính, và nói Thanh cứ yên tâm. Tôi sẽ kiếm bằng được rồi lôi cõ nó về cho Thanh. Nó chưa thể chết đâu. Nói vừa dứt, tôi đã thấy đôi môi Thanh há rộng. Một âm thanh thảng thốt như rên từ cuống họng, chết ? Đôi vai người con gái trùn bó lại như chịu rét. Màu hồng trên má cũng đã rớt rơi xuống áo vì cái đầu lắc lắc. Tôi cố giữ vẻ thản nhiên, cười nheo mắt đùa nghịch, chết sao được. Thảng đó mà, Thanh tin tôi đi Thanh vẫn đứng lạng. Mảng ngực trông nghiêng rõ hai đường cong khum khum như hai múi sầu riêng lớn. Hơn một phút, Thanh mới sẽ nghiêng mái tóc chào tôi rồi lững thững xuống sân.

Và như chỉ chờ cảnh đó, chiếc xe đã từ từ trườn tới, đỗ xích trước mặt tôi. Ngồi phía trong, hai tay ôm bánh lái, anh Hải cúi nhòm xuống chăm chăm. Miệng anh chúm chím như cố gò nén niềm vui khỏi phì thành tiếng. Biết người tài xế quen thuộc ấy nghĩ gì nhưng tôi tăng lờ, cười với ông trưởng ấp ở hàng ghế sau, rồi leo lên. Xong, chúng mình đi. Xe ra ngoài thị trấn. Xe vượt hết hết chặng đường trải đá thuộc liên tỉnh lộ. Mãi khi vào con đường đất nhỏ, thấp ngang mặt ruộng, chiếc xe gặp ghềnh nhồi theo lồi lõm hang hố, anh Hải mới gọi chuyện như đề mọi người quên bực bội :

— Ông Phó, có phải cô Thanh cặp bồ với trung úy Đạt không ạ ?

— Sao anh biết ?

— Trời, xin lỗi ông Phó chứ, một con ruồi lờ bám xe lam vào thị trấn là chỉ nửa giờ sau không ai không hay rồi.

— Chắc không ?

— Ông Phó muốn đổi chuyện gì ?

Tôi cười, nhìn ra mặt cỏ xanh non bên đường. Thôi chứ, đổi anh đề anh nòi hung gân cõ tổ hết cuộc đời ái tình và sự nghiệp của tôi cho bàn dân thiên hạ nghe chơi sao. Chiếc xe bỗng nghiêng lạng về bên trái. Rồi đầu xe thụt xuống dốc, lắc lư lạch. Chúng tôi bám vít chống đỡ. Lợi dụng cơ hội ấy, tôi nói lảng, thế này thì hư xe hết. Đờng xấu quá. Mái tóc ông Trưởng ấp nhoi tới sát gáy tôi, cười, vậy mà mọi bữa đi xe máy, thấy xóc sọc sơ sọ thôi, ông Phó. Tôi gật gù, ừ, hôm nào cuộc bộ ông sẽ thấy êm không thua gì xa lộ liền. Nhiều tiếng cười bật lên, hòa lẫn với những âm thanh lọc lọc, chan chát rêm đều khắp mình xe. Một lát, tôi nghe tiếng ông Trưởng ấp :

— Thưa, quê ông Phó ở ngoài Bắc ?

— Vâng. Tôi ở Sơn-Tây.

— Sơn-Tây ? Xa Hà Nội không, ông ?

Tôi mỉm cười. Trí tưởng đã mau mắn mơ một giải đường nhựa đen chạy luồn dưới bóng hai hàng cây cao :

— Chạy xe này phải hơn một giờ. Nếu dùng phản lực cỡ F 4C thì gần lắm.

Một tiếng cười khi như hơi thở thoát qua lỗ mũi nhiều lông. Vẫn giọng ông Trưởng ấp :

— Quê ông hó Có bị oanh tạc không ?

Lung linh trong nắng như vừa chiếu hiện mờ mờ bóng của mái đình rêu phủ, những vũng nước mưa loang trên mặt gạch bát tràng cuối sân. Tôi nói như độc thoại :

— Làm sao tôi biết ! Hơn mười năm, không nhận được một tin nào về quê tôi cả. Đọc mục chiến sự hàng ngày, phần tin miền Bắc, đôi khi thấy diêm bị bắn phá cách Hà Nội chừng bốn mươi cây số, vậy đã đúng làng tôi chưa ?

— Bao giờ yên bình, ông Phó nhỉ ? Tôi sẽ ráng mua vé xe lửa ra chơi ngoài Bắc một chuyến. Cũng là đất nước mình mà không được biết thì buồn quá.

Giọng tôi vẫn đều đều :

— Tôi sẽ mời ông về thăm làng tôi. Nhất định ông sẽ ngạc nhiên hỏi sao phong cảnh có thể giống nơi này đến thế. Núi vây quanh. Những cánh đồng nho nhỏ. Dẫn thủy nhập điền. Giòng sông... êm đềm...

Chiếc xe lại bật tung lên lần nữa. Thân thể tôi hăng bỗng khỏi mặt ghế. Như tình cơn mê, tôi lắc đầu cười rồi thở dài. Sự đau mọi dọc sống lưng bắt đầu lan

khắp người ê ẩm. Nhưng ắp Vinh-Hiền đã chắn ngang trước mắt chúng tôi. Màu cây cối như nhuộm xanh lơ toàn khung kính xe. Nhớ công việc, tôi hỏi ông Trưởng ắp, lúc bác đi họp. Trung-tá tới chưa. Ông Trưởng ắp lắc đầu, thưa, tối qua tôi ngủ trên tỉnh nên không rõ. Xuề xòa, tôi gật Jầu bảo anh Hải, tới trụ-sở ắp nhé, anh.

Căn nhà tranh treo tấm bảng gỗ nhỏ sơn vàng, chiếc cột cờ ngắn nhỏ như cây gậy khua lá cờ bạc trắng bằng vuông khăn ngoài sân vẫn thăm lặng như mọi khi. Tất cả sự khác thường chỉ là chiếc xe jeep không nui đậu sát bờ rào trụ sở. Người binh nhì tài xế ngồi ghế sau. Khẩu carbine nằm ghếch trong lòng. Chiếc máy truyền tia cầm sẵn trên tay. Trung tá đầu, anh bạn ? Người tài xế ngừng nhìn chúng tôi, Trung tá vào nhà đồng bào, hỏi xem có ai thắc mắc tổ cáo gì không. Đến gần, tôi chợt thấy một bà già ú rử ngồi dựa vào bánh xe phía trước. Hai bàn chân khô nứt, đen đước; những ngón dang rộng tẹt đi vào mặt đất sộp.

— Vụ gì đây ?

— Không biết. Trung tá ra lệnh mang về tỉnh.

Tôi tới sát bên người đàn bà rồi khom gối, cúi xuống :

— Bà làm sao ? Tội gì ?

Khuôn mặt ẩn khuất dưới chiếc khăn đen lụng thụng hơi nghiêng nhìn tôi. Màu da mai mái nhão nhoét. Đôi mắt to mở rộng. Hai tròng mắt vẫn đục chậm chạp. Phía dưới, nhiều nét nhăn vẽ vòng nửa hình bầu dục lớn dần tới gò má. Trong khoảnh khắc, tâm hồn tôi chợt rung động run rẩy lạnh lẽo như tàu lá non hứng những giọt mưa tí tách. Đã có lần mình và Huyền tiếp một người như bà này. Không nhớ bà đó kể những chuyện gì nhưng nhớ chắc là suốt buổi ngồi gần bên nhau, bà chỉ cười. Lắc đầu ngheo cồ cũng vẫn cười. Giọng tôi dịu nhẹ :

— Bác bị bắt về tội gì ?

— Tiếp tế.

— Tiếp tế cho ai ?

— Giải phóng.

Tôi nhăn mặt, sao bác lại tiếp tế cho tụi nó. Bà già không đáp nữa, ánh mắt soi vào mắt tôi thật lâu rồi gục đầu vào khe hai đầu gối. Ông Trưởng ắp hừ một tiếng, đoạn ngúng nguẩy bỏ đi. Thưa ông Phó, tôi vào trong kiểm Trung tá. Tôi gật, nhưng vẫn nhìn bà già :

— Bác tiếp cho tụi nó những gì ?

Một cánh tay bà bỏ thòng chạm đất, mấy ngón quều quào gãi gãi mép bàn chân nứt nẻ. Một vài tiếng nói ngắt quãng bay ra :

— Sũa. Cơm. Thuốc nhừc đầu.

— Tụi nó gặp bác ở đâu để lấy đồ ?

— Ngoài ắp.

Im lặng, Có tiếng chim liu riu trên cành. Chắc một đôi vành khuyên đang tập bay chuyền. Tôi hỏi tiếp :

— Bác thích tụi nó lắm sao ?

Vuông khăn đen động đậy qua lại :

— Không.

— Sao bác giúp tụi nó ?

— Nó là con trai tôi.

Tôi sừng sốt, cặp lông mày nhúu lại và kêu se se con bác. Rồi cúi xuống, tiếp :

— Sao bác không bảo anh ấy về qui chánh ?

— Nó cũng muốn về nhưng sợ người ta đánh.

— Thế sao bác không bảo anh ấy, đừng cho đi theo Việt Cộng ?

— Nó đâu có muốn nhảy lên núi. Nhưng nó thương tôi quá. Tôi chỉ có hai mẹ con.

Câu nói chưa dứt, bà già đã òa khóc. Giọng bà gồm những âm điệu kỳ lạ, sắc the thé, dươn cao một hơi dài rồi tắc nghẹn giật giật rồi đổ trút xuống tí đề lại bắt vào nhịp mới. Da thịt tôi nổi gai như khi nghe hai thanh nứa cứa nhau nhiều lần. Những đứa trẻ đã ùa tới vây xung quanh tôi. Còn-Cho ngó thấy cảnh hỗn độn này thì mình lãnh đủ. Tôi vội quát, ờ, về nhà đi, anh đánh tét đít đứa nào chạy sau nè. Xong, tôi ngồi lên chiếc chân quì gập, hỏi đề an ủi bà già :

— Thôi, bác đừng khóc nữa. Báo bảo nó thương bác, sao nó bỏ bác nhảy lên núi ?

— Nhảy lên núi mới được gần tôi chứ. Nó ở nhà, người ta bắt nó vô lính. Đi đánh nhau xa tước lược tận trống.

Tôi yên lặng. Nếu Huyền gặp cảnh này, không biết Huyền sẽ cười hay tái-tê cảm động ? Mình thế mà đã lạc lõng bao nhiêu năm. Buổi chiều nào u ám, trời đổ mưa giông, mẹ có ứa nước mắt thương nhớ con không, mẹ ? Tôi vượt thở dài. Một tiếng nức ở trong lòng rung theo. Bà già khóc nhỏ hơn lúc nãy. Cái đầu bà nằm bẹp xuống khuỷu tay đặt không khoèo trong lòng.

— Sao ông Tỉnh trưởng biết bác tiếp tế ?

— Tôi nói cho ông nghe.

— Bác nói làm chi ?

— Ông hỏi.

Tôi gất như với một người thân thiết, trời, phải dấu chứ. Ông ấy bắt là đúng lắm. Bấy giờ khuôn mặt lại từ từ ngược lên. Ướt đầm đìa khắp cả như vừa hắt chén nước lạnh vào giữa mặt. Hai trũng mắt lem nhem đỏ hồng kia nhĩa tôi khiến tôi vội ngó lảng những cục đất nhỏ tro vơ dưới chân.

— Ông tính sao giờ ?

Tôi lắc đầu, sẽ liếc nhanh :

— Không rõ. Ban nãy, ông ấy nói với bác thế nào ?

— Ông không nói. Ông cười. Rồi xách tay tôi lôi ra đây.

Một lát sau Trung tá Tỉnh trưởng trở lại trụ sở ấp. Ông hỏi tôi trước khi tôi kịp mở miệng chào, ông Quận đâu ? Tôi đáp theo như lời Đại úy Trọng dặn. Ông gật đầu, bồng. Anh về bảo ông Quận gửi ngay một cán bộ xuống công tác nửa tháng ở trại định cư Phước Bình. Không thể dễ bề bối như vậy được. Xong, ông quay nhìn khắp lượt những người đang bao quanh ông. Đầu ông gật gật. Rồi thoản thoắt ra xe. Từ trong nhìn theo thấy bà già lầy bầy đứng dậy. Bàn tay quờ bám chỗ này chỗ kia. Chân đạp gác vào bánh xe. Có người đu lên, lom khom như con khỉ đứng hai chân. Ngồi thụp xuống sàn xe. Yên, bất động như cái bị. Chiếc xe rồ máy lao đi êm ái.

Vậy là vẫn chưa biết Đạt có nghỉ phép thật không. Lý do đề nghị ? Và bà già kia sẽ ra sao ? Tôi trở về với nỗi bực dọc chán nản ngây ngất như say nắng. Buổi trưa, mọi tiếng động ngoài đường đều tắt hết nhưng tôi vẫn không ngủ nổi. Những bản nhạc êm dịu mơn trớn, thánh thoát từ máy thu thanh mở nhỏ để sát bên tai phát ra tôi mơ hồ tưởng như đang nằm trong mộ nghe những hồi chuông giáo đường siêu thoát. Tôi muốn nhìn một bóng người. Muốn được nghe những tiếng guốc gõ nhẹ trên nền gạch. Nhưng chẳng có gì hết cả.

(còn nữa)

ĐỖ TIẾN ĐỨC

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Thế giới, trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Trong những tuần vừa qua, tình hình thế giới đã phẳng lặng. Không có một biến chuyển nào quan trọng khiến dư luận phải chú ý tới. Tuy nhiên các nhà lãnh đạo trên thế giới vẫn không khỏi e ngại vì những biến cố mạnh mẽ vừa qua đã đánh dấu đời sống của thế giới bằng những nét thực đậm. Hậu quả xa xôi của một sự việc có thể có tầm quan trọng hơn cả sự việc đã xảy ra nữa.

Tại Mỹ Châu, Tổng thống Johnson đang lo lắng trước sự suy giảm uy tín của mình. Tại Trung Đông cả hai bên Ả-Rập và Do-Thái đều ở trong một tình trạng không lối thoát, trong khi Âu-Châu De Gaulle vẫn bướng bỉnh tiếp tục phá Gia-Nã-Đại.

Sau hết tại Á-châu Trung-Cộng đang tăng cường phong trào chống Anh-Quốc. Mỹ châu, Uy tín của Tổng-thống Johnson suy giảm nhiều

Sau 3 năm 9 tháng cầm quyền, uy tín của Tổng-thống Johnson đã xuống tới một mức chưa từng thấy từ đầu nhiệm-kỳ tới nay. Một cuộc thăm dò ý-kiến đã cho biết kết quả là số người Mỹ ủng hộ Johnson đã từ 58%, lúc hội nghị thượng đỉnh Glassboro nhóm họp, xuống tới 39%. Cuộc thăm dò này đã được tổ chức trước khi Tổng - thống Johnson quyết định tăng thuế lợi-tức lên 10%. Nếu được tổ chức sau quyết định

này thì số người Mỹ ủng hộ Tổng thống Johnson còn có thể thấp hơn nữa.

Uy tín của Tổng thống Mỹ xuống nhanh như vậy là vì dân chúng trách ông không giải-quyết nổi hai vấn-đề trầm-trọng nhất của đời sống quốc-gia hiện nay là vấn-đề Việt-Nam và vấn-đề dân da đen nổi loạn. Nhiều người trong chính đảng ông đã chỉ trích ông: Thượng Nghị-sĩ Fullbright cho rằng có sự liên-hệ giữa chiến-tranh Việt-Nam và vụ người da đen nổi loạn. Theo ông, hai vấn-đề này đã tiếp tay lẫn nhau để phá hoại xã-hội Hoa-Kỳ. Thượng Nghị-sĩ Mansfield đề-nghị đưa vấn-đề Việt-Nam ra Liên-Hiệp-Quốc trước khi tăng-cường quân-đội. 57 dân biểu dân-chủ chỉ trích Tổng thống Mỹ chưa đủ, lại còn quay sang chỉ trích "thái-độ của chính-phủ Việt-Nam trong cuộc cử-bầu-cử". Họ yêu cầu Tổng thống Johnson tuyên bố là «Hoa-Kỳ sẽ xét lại chính sách đối với Việt-Nam» nếu cuộc bầu-cử không được trong sạch.

Đảng Cộng-Hòa cũng không kém phần bất-bình. 25 dân biểu Cộng-hòa muốn sửa đổi lại «biểu quyết vịnh Bắc Việt» mà Hạ-Nghị-viện đã chấp thuận năm 1946 để ủng hộ chính-sách Việt-Nam của Tổng-thống Johnson vì theo họ từ năm 1965 tới nay, tình thế đã thay đổi.

Sở dĩ dân chúng bất đồng ý-kiến với

Tổng-thống Johnson là vì một số lớn cho rằng những nỗ lực chiến tranh ở Việt-Nam đã thu hút tài-nguyên của Mỹ khiến cho dân da đen các đô-thị trở nên nghèo nàn đến mức phải nổi loạn.

Trước phong trào chống đối này nếu Tổng thống Johnson không tìm ra giải pháp cấp thời để giải quyết hai cuộc «khủng hoảng» lịch sử của Hoa-kỳ, thì ông khó lòng được tái cử Tổng-thống vào cuối năm 1968. Tuy nhiên đối thủ của ông là Thống đốc Romney xứ Michigan, người có nhiều hy vọng đắc cử, cũng ở trong tình trạng không khả quan gì hơn. Thật vậy, dân chúng trách ông quá ôn hòa trước những bạo động của dân da đen xảy ra ở chính tiểu-bang của ông.

Trong khi đó, Fidel Castro, Thủ tướng Cuba và cũng là đối thủ của Johnson, đã triệu tập các đảng cộng sản Nam Mỹ để lập nên một «Tổ-chức đoàn kết Châu-Mỹ La-Tinh». Tuy các đảng Cộng-sản Ba-Tây và Vénézuéla không tham dự, nhưng Fidel Castro vẫn hy vọng dùng tổ chức này để làm công cụ ngõ hầu thực hiện được cách-mạng cộng sản ở Mỹ Châu. Stokely Carmichaël, lãnh-tụ nhóm Mỹ đen bạo động đã được hoan hô nhiệt liệt tại hội nghị này vì Carmichaël tuyên bố là Nữu-ước và Détroit sẽ là một thứ Việt Nam để lật đổ chính quyền da trắng. Chống Mỹ, nhưng Fidel Castro đồng thời chống cả Nga. Raoul Castro, em của Fidel, đã tuyên bố trước hội nghị rằng «Cuba cộng-sản không có Giáo-hoàng, và không là chư hầu của một nước nào».

Trung Đông : Ả-Rập và Do-Thái
đều không có lối thoát

Từ khi chiến tranh giữa Do-Thái và Ả-Rập chấm dứt, chưa ai tìm ra được

một giải-pháp khiến đôi bên hài lòng. Tình-trạng hiện thời càng tiếp tục, các quốc gia Ả-Rập càng phải chịu thiệt thòi về phương-diện kinh-tế cũng như về chính-trị.

Muốn giải-quyết được vấn-đề này, các quốc gia Ả-Rập ít nhất cũng phải đoàn-kết. Trái lại mỗi quốc-gia lại nhằm một mục-tiêu có lợi riêng cho mình. Hội-nghị Khartoum với sự tham dự của tất cả quốc-gia Ả-Rập đã được nhóm họp nhưng không đạt được một kết quả khả quan nào. Ai-Cập đề nghị với Arabie Séoudite là cả hai bên đều rút quân ra khỏi Yémen. Nhưng Arabie Séoudite tỏ ra hoài nghi thái độ của Ai-Cập vì năm 1965 quốc-vương Arabie Séoudite là Fayçal đã ký với Tổng-thống Ai-Cập Nasser một thoả-ước để rút quân nhưng cả hai bên đều không áp-dụng. Hơn nữa kiểm soát Yémen tức là sau này dễ kiểm soát mỏ dầu-hòa ở Nam Ả-Rập, nên không bên nào muốn rút khỏi Yémen.

Ngoài ra giữa các nước «cách mạng» (Ai-cập, Algérie, Syrie, Soudan, Yémen, Irak) và các nước Ả-Rập «bảo thủ» (Arabie Séoudite, Jordanie, Maroc, Tunisie, Libie, Liban, Koweit) luôn luôn có một hàng rào chính trị. Các nước «bảo thủ» rất lấy làm lo ngại trước ảnh-hưởng của Nga một ngày một mạnh ở Trung-Đông. Họ sợ Nga hơn cả sợ Do-Thái. Họ lại muốn khai thác dầu hỏa để bán cho Mỹ, Anh và Tây Đức. Trong khi đó các nước «cách mạng» lại muốn tiếp tục ngưng bán dầu để trừng phạt Anh Mỹ. Nhưng chính các quốc gia «bảo-thủ» mới sản xuất dầu hỏa, mà tiếp tục trừng phạt tức là làm thiệt hại lớn cho họ.

Thống chế Tito, Tổng thống Nam-tư đã sang thăm Tổng thống Nasser với một kế-hoạch hòa-bình được cả Nga và Mỹ ủng hộ. Theo kế hoạch này thì Ai-cập sẽ lấy lại chủ quyền ở eo biển Tiran,

nhưng tàu bè Do-Thái phải được tự-do qua lại. Ngài ra tàu Do-Thái được quyền lưu thông trên kênh Suez với điều kiện là mang cờ của Liên-Hiệp-Quốc hay của một đệ-tam quốc-gia. Sau hết Do-Thái phải trả lại những đất đai đã chiếm nhưng đồng thời các cường-quốc hay Liên-Hiệp-Quốc sẽ bảo đảm biên-giới Do-Thái. Nếu Ả-Rập chấp thuận kế hoạch này tức là đương nhiên thừa nhận Do-thái.

Kế-hoạch này ít hy vọng được đôi bên chấp thuận vì Ả-Rập không chấp nhận một kế hoạch nào ngoài kế-hoạch tái chiếm võ trang các lãnh thổ đã mất. Và Do Thái cũng không muốn trở lại biên giới cũ. Nhất là Do-Thái giờ đang bị nhiều khó khăn với dân Ả-Rập tại các vùng mới chiếm được. Dân Ả-Rập ở Palestine và các nơi khác đang đình công bãi-thị bất-hợp-tác với Do-Thái.

Âu-châu : De Gaulle nhất định đòi « giải phóng » Gia - nã - đại.

Sau khi bỏ giờ cuộc thăm viếng Gia-nã-đại trở về Pháp, Tổng-thống De Gaulle không hề ân-hận đã gây sóng gió. Trong một bản thông-cáo, ông tuyên-bố rằng ông đã cố ý đòi giải phóng những người mà ông gọi là người Pháp ở Gia-nã-đại (Français-Canadiens). Ông cho rằng những người này không được hưởng Tự-do, Bình-đẳng Bác-ái ngay ở chính nước họ. Ông hứa sẽ giúp cho những người « Pháp ở Gia-nã-Đại » thực hiện được mục tiêu đòi giải phóng của họ. Vì sao De Gaulle lại can thiệp vào nội bộ của một nước khác ? Ông giải thích : « Nước Pháp đã sáng lập ra Gia-nã-đại, nên không thể thờ ơ trước số phận của những người Pháp ở đó và cũng không thể coi nước này là ngoại-quốc ».

Thật ra thì tướng De Gaulle đã sửa soạn đường lối của ông từ lâu. Ông bắt đầu phá chính phủ Trung-ương Gia-nã-đại bằng cách chấp nhận một đại diện ngoại-giao của Québec ở Paris năm 1961, sau đó ông tiếp các ông Lesage, rồi ông Daniel Johnson, Thủ-tướng Tiểu-bang Quebec, rồi tiếp Drapeau, Thị-trưởng Montréal. Ông lại còn cử ông Bordaz sang Montréal để tổ chức Hội-chợ và cũng để xiết chặt dây liên lạc với xứ Québec.

Ngoài ra chính quyền Québec cũng có phần trách nhiệm trong vấn đề này. Thủ tướng Québec, Daniel Johnson, được bầu năm 1966, muốn dùng De Gaulle để cò động bầu cử cho mình.

Ngày 4-7-1966 khi Nữ-hoàng Elisabeth tới Montréal, ông Daniel Johnson không chịu đến chào. Trái lại ông sửa soạn đón tiếp trọng thể Tướng De Gaulle. Ông hy vọng rằng nếu De Gaulle được dân chúng hoan hô, thì ông sẽ lượm được thêm phiếu trong cuộc bầu cử sắp tới. Với sự ủng hộ của De Gaulle, Daniel Johnson sẽ đe dọa ly khai để bắt chính-quyền trung-ương phải nhượng bộ mà cho dân Gia-nã-đại gốc Pháp được bình quyền với những người gốc Anh. Ông D. Johnson thật ra cũng không muốn ly khai vì nếu ly khai, xứ Québec tuy trừ-phú sẽ gặp nhiều khó khăn kinh-tế mà chính Pháp cũng không thể giải quyết hộ được.

De Gaulle đã đi quá xa ; và Daniel Johnson đã thực hiện được một kết-quả trên mức đã dự trù. Nhưng người ta không hiểu sự can-thiệp này có lợi cho Daniel Johnson hay không vì e rằng Chính-phủ trung-ương, quá xúc động trước thái-độ của De Gaulle, có thể tỏ ra cứng rắn mà không chịu nhượng-bộ Québec.

Về phần De Gaulle thì hiện thời ông

đang gặp nhiều chống đối tại nội-bộ. Một cuộc thăm dò dư-luận đã cho biết là 45% dân Pháp bất đồng ý-kiến với ông về vấn-đề Gia-nã-đại. Ngoài ra những nước lân cận như Bỉ, Thụy-sĩ tỏ ra e ngại không hiểu trong tương lai De Gaulle có súi dục những người dân Bỉ và Thụy-sĩ nói tiếng Pháp đòi độc lập nữa không.

Một kết-quả mà De Gaulle không ngờ tới là một vài phần tử Pháp tại chính nước Pháp lợi dụng vụ Gia-nã-đại để đòi tự-trị. Thật vậy, hai miền Bretagne và Basque của Pháp từ xưa vẫn muốn duy trì tiếng breton và tiếng basque và một phần nào tự trị địa phương. Nay thấy De Gaulle khuyến khích dân Gia-nã-đại gốc Pháp ly khai thì họ cũng đòi tự trị. Kết quả khôi hài nhất của vụ Gia-nã-đại là chính De Gaulle đã khuyến-khích dân Pháp đòi ly khai. Tại Rennes, thủ-đô miền Bretagne, người ta thấy nhiều biểu-ngữ đề : « Québec tự do = Bretagne tự do. »

Trước phần-nộ của trong và ngoài nước, Tướng De Gaulle vẫn khẳng khái giữ lập trường của mình. Ông vừa quyết định viện trợ kinh tế, văn hóa và kỹ thuật cho Québec. Từ trước tới nay, với sự thỏa thuận của Chính phủ trung ương Gia-nã-đại, Pháp đã viện trợ kỹ-thuật và văn hóa cho Québec rồi. Nhưng nay De Gaulle lại còn đi xa hơn bằng cách viện trợ kinh-tế mà không hỏi ý-kiến Chính-phủ Trung ương. Tình-trạng căng-thẳng trong bang-giao giữa hai nước do đó tăng lên bội phần. Tuy nhiên Thủ-tướng Gia-nã-đại, Pearson không mất bình-tĩnh vì ông cho là Pháp dù có muốn cũng không đủ khả năng tài-chánh để thực hiện tham vọng của De Gaulle. Một nhà kinh-doanh Gia-nã-đại

gốc Pháp đã nói rằng ông "sẽ chú ý tới quyết-định của De Gaulle nhiều hơn nếu chương-trình thủy-điện của Gia-nã-đại có thể vay được ở Paris 300 triệu Mỹ-kim với số lãi phải trả nhẹ hơn là ở Nữu-ước. Nhưng từ hơn 200 năm nay, Gia-nã-đại chưa hề trông thấy bóng một đồng tiền nào của Pháp cả."

Á châu : Trung-cộng tăng cường phong trào chống Anh.

Từ vài tháng nay, như ta đã biết Trung - cộng đã xúi các phần tử thân Mao nổi loạn ở Hồng Kông. Phong trào chống Anh lại còn mạnh mẽ hơn trong những ngày gần đây. Một vụ khủng hoảng ngoại giao trầm trọng nhất, từ khi có phong - trào Nghĩa-Hòa đoàn, đã xảy ra. Trước hết Trung Cộng gửi kiến nghị đòi chính-quyền Anh cho phép ba tờ báo thân Cộng ở Hồng-Kông được tái bản và thả một số ký-giả cộng-sản đang bị giam giữ. Đại-lý Đại sứ Anh Donald Hopson từ chối không nhận bản kiến nghị này vì lời lẽ không đúng với ngôn-ngữ ngoại giao. 48 giờ sau một đoàn vệ-binh đổ tới vây Tòa Đại-sứ Anh, đập phá nhà cửa đồ đạc, đốt xe cộ, hành hung nhân viên Tòa Đại-sứ. Cảnh sát tới không kịp để ngăn cản vệ-binh đổ đốt cháy Tòa Đại-sứ.

Chính phủ Anh trả đũa bằng cách giữ tất cả nhân viên Tòa Đại-sứ Trung Cộng làm con tin để bảo đảm an ninh cho ông Hopson và nhân viên ngoại giao Anh ở Bắc-kinh. Tuy nhiên Chính phủ Luân-đôn vẫn không có ý định đoạn giao với Trung-Cộng.

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

5 | Tôi bị đẩy vào cái thế phải đi làm. Làm việc giúp chồng là việc phải. Thời đại này người đàn bà ít có phương tiện để chỉ làm nội-trợ. Cuộc sống tranh đua đòi hỏi nhiều tiện-nghi thì cũng đồng thời đòi hỏi nhiều nỗ-lực. Cuộc sống bấp bênh chiến-tranh đe dọa thì người đàn bà càng phải chuẩn-bị để lâm sự có thể thay chồng mà nuôi con. Người ta chết bất ngờ trong chiến-tranh, chết ở chiến-trường, chết ở hậu-phương, chết có nghĩa lý và chết vô lý. Người đàn bà lớn lên đi học rồi đi làm, mua quần áo may sẵn và mua bánh ngọt ở tiệm. Người ta không bận tâm để ý tài thêu áo gối, thêu mùi soa hoặc tài làm bánh bông lan, bánh sâm banh. Mỗi thời đại có mỗi tiêu chuẩn. Tôi chấp nhận sự đi làm nhưng không biết mình nên đi làm ở đâu, làm việc gì. Thuyên không có sự băn khoăn như tôi. Với anh, chỉ có một con đường ; đi làm sở Mỹ. Phải làm cho được nhiều tiền, thật nhiều tiền, phải có tiền gấp, càng nhiều càng tốt.

Tôi nói :

— Dư luận thường không tốt đối với những người đi làm...

Thuyên ngắt lời tôi ngay :

— Tốt hay xấu là tại nơi mình. Dư luận có thể sai có thể đúng nhưng chắc chắn là dư-luận không đem lại gạo và vải, đem lại tiền để mình trả tiền chợ, tiền nhà. Dư luận không rõ hoàn cảnh của mình cho bằng mình. Dư-luận không vì mình mà giải-quyết những nỗi khó khăn của mình.

Thuyên đã nhờ Trác tìm cho tôi một chỗ làm. Lương mười hai nghìn đồng. Trác quen lớn rộng và Trác bảo đảm với tôi rằng chỗ này đứng đắn tử-tế. Thuyên thuyết-phục cho tôi nghe rằng với số tiền đó anh sẽ chơi huê chơi hội. Sau vài năm, anh có hy-vọng mua một khoảnh đất làm nhà. Căn nhà của mình ! Xây cất theo ý thích của mình ! bày biện theo óc thẩm mỹ của mình ! Sẽ có những luống đi trồng hoa, có cửa sổ mở ra dưới giàn nho, có hồ cá thả rong thả bèo, có cái lồng trong đó có con chim hát. Tôi say mê tưởng tượng trước căn nhà sẽ có của mình.

Hôm đến nhà Trác để nhờ Trác đưa đến ông giám-đốc sở, tôi đi một mình. Trác mừng rỡ ra đón tôi. Anh ăn mặc sang trọng, cõ thắt cà vạt. Tôi ngồi ở phòng khách. Anh lại tử lạnh chọn món uống. Tôi thấy anh nhẹ tay xoay một

tấm ảnh đặt đứng trên đầu tủ lạnh. Khi anh mang hai chai nước ngọt lại rót vào hai cốc, tôi thấy tấm ảnh quay lưng ra phía chúng tôi. Điều nhận xét này kích thích tò mò của tôi. Tấm ảnh nào đó ? Vì ngẫu nhiên hay cố tình mà nó quay mặt về một phía bất thường ?

Trác mời tôi uống. Anh nhìn đồng hồ rồi nói :

— Mới có bốn giờ. Tôi hẹn với ông Mansfield năm giờ lại.

— Vậy mà anh Thuyên nói bốn giờ.

— Bốn giờ là chuẩn bị sẵn sàng.

Tôi không biết nói chuyện gì với Trác. Đành nói bằng quơ :

— Ở nơi anh có vườn rộng nên yên tĩnh ghê. Đẳng tôi nhà chật hẹp nên cứ phải tham dự vào cuộc sống của những người khác. Chửi nhau mắng nhau mình cũng phải nghe. Nhiều nhất là nghe ra-di-ô vọng-cò nghe họ hát ru con. Lắm lúc mình cảm tưởng mình là đứa bé đang nằm trong nôi.

— Thích nhi ? Tha hồ ngủ, ngủ cả ngày. Bao giờ ta tìm lại được cái tâm hồn ngây thơ trong trắng của tuổi trẻ con đó ? Ta càng lớn, càng khôn và ta xa dần cái nguyên-tánh trẻ con của ta. Bao nhiêu triết-lý, bao nhiêu luận-lý, bao nhiêu suy tư chỉ làm cho ta lúng túng, giằng vặt, già cỗi, suy nhược . . .

Anh trầm ngâm nhìn ra cửa :

— Vâng, ở đẳng tôi yên tĩnh, nhưng yên tĩnh lắm cũng buồn. Mình chỉ nghe mình mà chẳng được nghe ai hết và chẳng có ai nghe hộ mình.

Trác tỏ ra thông minh trong câu nói. Khác xa với hồi đi học ăn nói bừa côn bừa củi. Tôi trả lời :

— Không mấy ai thích cuộc đời của mình. Tôi không thích thì có lý, nhưng còn anh không thích thì vô lý lắm.

— Có lẽ. Tôi thấy mỗi tuổi, mỗi hoàn cảnh người ta có những nỗi thèm muốn, những nỗi buồn riêng. Nỗi buồn khi tôi làm du-đăng khác với nỗi buồn khi tôi có tiền. Có điều chắc chắn là đẳng nào cũng là buồn, buồn thật, đích thực là buồn.

Tôi cười tự nhiên :

— Chắc anh buồn vì chưa gặp được ý-trung nhân.

Trác hơi lúng túng :

— Có thể nói như vậy. Những bạn của tôi người nào cũng có gia đình. Có đứa hai con, ba con.

— Tại anh kén chọn :

— Làm thế nào mà khỏi kén chọn ? Mua một chiếc áo sơ-mi để mặc, trong nửa năm, chúng ta đã phải kén chọn rồi.

Quả thực là Trác nói chuyện có ý-nhị. Cũng lạ. Đồng tiền có thể biến đổi thế xác con người từ xấu-xí ra đẹp đẽ phương phi, nhưng tôi không biết bằng cách

nào đồng tiền có thể biến anh thành một người nói chuyện ý nhị. Chắc không phải nhờ những cuốn sách mà anh có thể đọc. Hơn nữa, ngó bộ dạng, anh không phải là người đọc sách.

Trác xin phép tôi năm phút để đi ra nhà sau. Khi anh đi khuất, tôi đứng dậy lại đầu tủ lạnh xoay bức ảnh lại xem. Đó là bức ảnh chụp chung cả lớp khi chúng tôi đang học đệ Tứ. Ảnh chụp vào kỳ hạch tấn ích đệ nhất lục cá nguyệt. Sau kỳ hạch thì Trác bị hội đồng giáo-sư đuổi. Tôi nhìn thoáng qua những khuôn mặt : ngây thơ, khờ khạo, xấu nữa so với hiện tại. Nhưng mà an-đôn bình thân bao ! Có tình-nghĩa gắn bó trong đó, có niềm vui trong sạch trong đó. Nơi góc bức ảnh, trên một khoảng trắng có nét chữ viết «Yêu N. suốt đời» Tôi soát thực nhanh tên những con bạn có mặt trong đó : Xuân... Hương... Mỹ... Phương-Quế... Hạ-Liên... Thu-Tâm... Kim... Việt... Chỉ có tên tôi bắt đầu bằng N. Tôi hồi-hộp, để yên bức ảnh theo vị-trí cũ, trở lại ngồi ở ghế. Bức mình ? Hãnh diện ? Đủ cả, lẫn lộn, tôi không phân biệt đích xác. Bị một Trác cao bồi đeo đuôi, điều đó chắc chắn là bức mình. Nhưng bây giờ hẳn không còn cao bồi nữa. Hẳn được xếp vào hàng thượng-lưu. Hẳn đang yêu trong địa-vị thượng-lưu của hẳn. Những người đàn bà đẹp và sang trọng đang theo hẳn. Thế mà hẳn vẫn «yêu N suốt đời».

Tôi hơi lúng túng khi nhìn Trác từ nhà sau bước lên. Trác xem đồng hồ rồi mời tôi ra xe.

Mansfield tiếp chúng tôi ở văn-phòng, các nhân-viên đã về hết Văn-phòng chiếm tầng dưới của biệt-thự rộng. Anh sáng lọc qua lãn lưới ruồi màu trắng. Quạt trần chạy nhè nhẹ.

Mansfield cao hơn tôi một cái đầu. Mắt nâu. Mặt không đẹp như tôi tưởng-tượng. Đi ngoài phố, tôi thường gặp những anh lính anh đội mặt mũi xinh như tài-tử chiếu bóng. Có lần tôi thấy ngồi trên xích-lô, một sĩ-quan có màu da trắng ngà và chân râu mới cạo màu xanh. Tóc nâu thưa. Khuôn mặt thanh-tú. Người đó ngồi trầm ngâm nhìn con đường trước mặt. Thật là dáng trí-thức của những nhà quý-phái Anh-cát-lợi.

Mansfield cũng có màu da trắng ngà. Tôi không có cảm tình với một màu da trắng đỏ nó dễ khiến tôi liên-tưởng đến một miếng thịt lợn, thịt bò sống. Có một ông chủ đẹp trai là điều nguy hiểm. Nhưng thà như vậy còn hơn là phải tiếp xúc hàng ngày với một ông chủ xấu-xí

Sau khi giới-thiệu chúng tôi xong, Trác nói :

— Tôi mong rằng bà Nhân sẽ là một nhân-viên phụ-tá tốt cho ông.

Mansfield mỉm cười :

— Tôi cũng mong như vậy.

Tiếp sau đó là những câu chuyện xã-giao. Không thể không nói về thời-tiết, về tình-hình chiến tranh, về quan-điểm của người Mỹ đối với xã-hội Việt-Nam,

Mansfield đều một mực khen : Nào là người Việt-Nam anh-dũng có tinh-thần chiến-đấu cao, nào là người Việt-Nam tử tế và thông minh nào là phong cảnh Việt-Nam đẹp và nên thơ. Tôi cười thầm một mình. «Nên thơ» là một ý-niệm rất mơ hồ. Một cảnh chiến tranh tàn phá lô-cốt sập, nhà cháy ra than, bom đào nền đất thành hang thành hố, cảnh ấy nhìn dưới ánh trăng, dưới ánh hoàng-hôn hay giữa trưa cũng đều gọi được hồn thơ. Nhất là thơ hôm nay. Rùng-rợn, đen tối, bi-thảm tuyệt-vọng.. Đó là tiếng Thơ hợp-thời. Tôi không dám chê Mansfield. Phàm làm một người ngoại-quốc đến ở nước người ta thì phải khen, lựa điều mà khen.

Tôi bảo Mansfield :

— Dân tộc chúng tôi đã trải qua một phần tư thế kỷ chiến-tranh nên khổ nhiều. Chắc hẳn là sự khổ đó đã biểu-hiện dưới nhiều hình thức mà các ông thấy khiếm-nhã, chẳng hạn cảnh ăn xin, cảnh ăn cắp cảnh đi điếm...

Mansfield cười :

— Bà an tâm. Trong đệ nhị thế chiến, tôi đã trải qua các chiến trường Pháp, Ý-đại-lợi và Đức. Nơi nào có chiến tranh thì những cảnh tương tự không thể thiếu vắng. Dân tộc chúng tôi cũng trải qua những cảnh khổ cùng, những cảnh mà bà gọi là «khiếm nhã» đó. Gian tham, ăn cắp du đặng, đi điếm... những tệ đoan xã-hội đó hiện giờ ở nước tôi cũng không phải là hiếm. Dân tộc nào cũng giống nhau.

Tôi không biết nói gì thêm. Số vốn Anh-ngữ của tôi vốn rất hạn chế nên tôi xoay trở lúng túng. Tôi hỏi bằng quơ về hoàn cảnh gia đình.

— Xin lỗi ông, gia đình của ông hiện ở bên Mỹ ?

— Vâng ạ. Tôi ở California, Tôi có vợ và hai cháu gái.

Ông móc ví lấy ra tấm ảnh chỉ cho tôi xem.

— Đây là vợ tôi và đây là hai đứa con. Cháu lớn tên là Sophia, tám tuổi và cháu nhỏ tên là Dona, năm tuổi.

Người đàn bà trong ảnh trông khỏe mạnh. Khuôn mặt bình thường. Hai đứa con tương đối dễ thương. Chúng chịu sự nặng nề trong nét mặt do người mẹ truyền cho.

Tôi hỏi :

— Bà Mansfield có đi làm việc nhà nước không ạ ? Làm thư-ký hay làm cô giáo chẳng hạn.

— Không, vợ tôi ở nhà trông chừng con cái. Chúng tôi có một nông trại nhỏ và vợ tôi có thể cai quản tất cả. Chúng tôi trồng cam.

Mansfield ra hiệu bằng cánh tay và bàn tay để chỉ rằng vườn cam của hắn rộng lắm. Tôi nhớ hồi đi học, học Địa-lý biết rằng miền California nhiều nắng và nhiều cam. Có thành phố San Francisco. Đọc trong những truyện phiêu lưu thấy miêu tả miền này có nhiều mỏ vàng. Những thành phố nắm mọc theo các mỏ mới khai thác, những quán rượu, quán ăn, sòng bạc, đi điếm, lưu

manh ào ạt mọc lên, tràn tới. Trong kiến thức lờ mờ của tôi California chia xẻ hai hình ảnh: một hình ảnh xanh tươi của đại-dương và vườn cam, một hình ảnh tối tăm của hầm mỏ và quán rượu sòng bạc. Tôi nhìn Mansfield. Màu nâu của mắt, màu hồng của lông tay khiến tôi nghĩ rằng hắn bị mặt trời dọi nhiều như những trái cam trong vườn hắn.

Tôi trở về với mỗi bản khoán của mình:

— Tôi lo sợ rằng tôi không đủ khả năng, để làm công việc mà ông sẽ giao phó cho.

Mansfield lắc đầu:

— Bà chớ lo chi. Ông Trác có giới thiệu cho tôi biết rằng bà rất thạo Anh-ngữ và đánh máy được. Tôi nghĩ rằng kèm thêm với sự thông minh mà bà sẵn có, bà sẽ giúp ích cho tôi nhiều lắm. Công việc không có gì nhọc đâu.

— Tôi hy vọng như vậy và tôi cảm ơn ông trước, — tôi trả lời.

Khi chúng tôi đứng dậy cáo từ. Mansfield nói:

— Xin mời bà mai đến. Tôi mong chúng ta sẽ thành những người bạn. Chào bà.

Hắn bắt tay Trác: và cúi đầu chào tôi.

(còn nữa)

VÕ-HỒNG

SỬA CHO ĐÚNG

Trong bài «Lá thư Tây-Ban-Nha» của bà Minh-Quân trên BK.TĐ. số 256 ngày 1-9-1967 có những chỗ sai lầm sau đây:

Trang 58, hàng thứ 5 và 6 từ dưới lên: « đơn vị xứ tiền này » xin đọc « đơn vị tiền xứ này ».

Trang 61, hàng thứ 5, từ dưới lên: « sò, con nai » xin đọc « cò, con nai ».
Xin bạn đọc vui lòng sửa cho và trân trọng cáo lỗi cùng tác giả.

Thuốc mới:

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị: — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cảm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v..

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

Người dân Mỹ nghĩ thế nào về cuộc chiến-tranh Việt-Nam

Những cuộc xung đột vì kỳ thị chủng-tộc đã bùng nổ ra ở Hoa-Kỳ dữ-dội hơn bao giờ hết. Những cuộc bạo động của người da đen ở khắp nơi, nhất là ở Detroit, khiến cho lần đầu tiên Tổng-thống Johnson phải huy động tới quân đội Liên-Bang để dẹp loạn và giữ gìn trật tự.

Những cuộc rối loạn nội-bộ đó khiến nhiều người băn-khoăn tự hỏi không biết chúng có ảnh hưởng gì tới những cố gắng của Hoa-Kỳ ở Việt-Nam không? Để đề-phòng những ý nghĩ bi-quan có thể xuất-hiện, chính Tổng-thống Johnson và ngoại-trưởng Dean Rush đã phải lên tiếng nhấn mạnh rằng những biến-cố ở trong nước không ảnh hưởng gì tới chiến cuộc Việt-Nam cả. Tổng-thống Johnson đã chấp thuận gửi thêm 45.000 quân sang Việt Nam, nâng tổng số quân Mỹ ở V.N. từ nay cho tới giữa năm 1968 lên tới con số 520.000. Con số đó, tuy còn cách biệt với con số mà Thống-tướng Westy đòi hỏi là 600.000, nhưng nếu tình hình cứ tiếp tục trầm trọng thì rất có thể Hoa-Kỳ cũng có đủ số quân đó từ nay tới cuối năm.

Từ hơn hai năm nay, Hoa-Kỳ đã ném vào cuộc chiến tranh ở Việt-Nam những lực lượng tinh nhuệ nhất, võ trang đầy đủ nhất của mình và nếu kéo dài hơn nữa cuộc chiến tranh này sẽ biến thành cuộc chiến tranh lớn nhất và tốn kém nhất trong lịch sử Hoa kỳ.

Có thể nói là hiện nay nhân dân Mỹ đang phải chịu đựng một cuộc chiến tranh mà họ không thích. Gánh nặng của cuộc chiến tranh bắt đầu đè chiu trên vai họ mà uy tín của Hoa-kỳ cũng không vì thế mà được nâng cao trên thế-giới.

Những cố gắng đi tìm hòa bình của Tổng-thống Johnson song song với những nỗ lực về phương diện quân sự của phe đồng minh ở Việt-Nam chứng tỏ là Hoa-kỳ đang cố gắng tìm đủ mọi cách để đưa Bắc-Việt đến bàn hội-nghị.

Đường lối đó có được dân chúng Mỹ ủng hộ không? Ta không thể căn cứ vào lời tuyên bố của một nữ nghị-sĩ hoặc một vài cuộc biểu-tình phản đối hay ủng hộ cuộc chiến tranh Việt-Nam mà đã vội có một nhận định. Ở Hoa-kỳ có nhiều cơ quan tư nhân sẵn sàng làm công việc thăm dò dư-luận dân chúng về một vấn-đề nào. Những thống kê mà các cơ quan đó đưa ra, không những đã giúp ích rất nhiều cho nhà cầm quyền hiểu rõ nguyện vọng của dân,

mà cũng giúp cho những ai muốn tìm hiểu, những tài liệu tuy không phải là hoàn toàn chính xác nhưng cũng có thể giúp cho ta có một nhận định về vấn đề. Chúng tôi xin trình bày dưới đây những ý kiến mà ông Louis Harris đã thu lượm được, theo lời yêu cầu của tuần báo Newsweek, trong khi thăm dò dư luận Hoa-kỳ về cuộc chiến tranh Việt-Nam. Cuộc chiến leo thang từ hai năm nay, từ lúc Mỹ mới chỉ có 70.000 quân ở V.N. vào tháng 5-65, cho tới nay (7-1967) đã lên tới 460.000 người và còn có thể tới con số 600.000 vào năm tới; thế mà dư-luận Mỹ được thăm dò đã tỏ ra tán thành chính sách của Tổng-thống Johnson hơn là một năm trước đây. Theo bảng thống kê của Louis Harris trước câu hỏi «Có tán thành chính sách hiện thời của chính phủ Mỹ không?» Những câu trả lời được phân ra như sau :

	Tháng 5 1966	Tháng 6 1967
Tán thành nhưng cần phải tăng cường áp lực chiến-tranh	32% ⁰ / ₀	40% ⁰ / ₀
Tán thành nhưng cần phải cố gắng tiến tới thương-thuyết	37% ⁰ / ₀	36% ⁰ / ₀
Không tán thành và cần phải đẩy mạnh chiến-tranh	14% ⁰ / ₀	18% ⁰ / ₀
Không tán thành và muốn rút quân	17% ⁰ / ₀	6% ⁰ / ₀

— Ba trong số bốn người Mỹ được hỏi cho rằng Hoa kỳ đang đi vào một cuộc chiến tranh lớn hơn là họ tưởng.

— Trước ý kiến «Hoa kỳ chiến đấu để bảo vệ tự-do», 55%⁰/₀ dư luận được hỏi cho rằng Nam Việt-Nam chưa sẵn sàng để chấp nhận dân-chủ, nghĩa là chưa đáng để cho họ bảo-vệ.

— Mặc dầu những lời tuyên bố lạc quan của các chính khách, 2 trong số 3 người Mỹ được hỏi cho rằng cuộc chiến tranh hiện nay chưa có tiến bộ khả quan gì hơn 6 tháng trước đây.

— 2 trong số 3 người Mỹ được hỏi cho rằng Hoa-kỳ đã can thiệp để giúp đỡ nhân dân miền Nam V.N. chống Việt-Cộng.

— 3 trong số 4 người được hỏi cho rằng Hoa kỳ chiến đấu là vì quyền lợi của mình để ngăn chặn cộng-sản khỏi lan tràn ra khắp Á-châu, (ảnh hưởng của thuyết domino). Tuy nhiên, đa số (không nói rõ là bao nhiêu) cho rằng sự cố gắng của Hoa-Kỳ không nên kéo dài quá hai năm nữa ở V.N. Đa số cũng ý thức rằng, cuộc chiến tranh này có kết liễu cũng chưa kết liễu được chiến-tranh nói chung và Hoa-kỳ có thể phải làm lại tất cả trong một tương lai không xa lắm. Chỉ có chừng một nửa số người được hỏi ý-kiến cho rằng ngăn chặn được cộng-sản ở V.N. tức là có thể ngăn chặn được cộng-sản lan tràn khắp cả Á-Châu. Cũng có nhiều

người đồng quan điểm với một công chức ở California cho rằng: "Cộng sản như một cái ung độc, ngăn chặn nó ở chỗ này, nó sẽ phát ra ở chỗ khác".

Nói chung, thái độ người dân Mỹ, theo sự thăm dò của viện Harris, cho rằng cuộc chiến tranh này không thể giải quyết một cách nhanh chóng và dễ dàng. Như trên đã nói đại đa số những người được hỏi bác bỏ một cuộc đơn phương rút lui khỏi Việt-Nam hoặc một cuộc chiến tranh đến cùng do phe cực-hữu chủ trương. 70% số người được hỏi, tán thành chính sách của Tổng thống Johnson đi tìm một giải-pháp hòa-bình cho cuộc chiến-tranh này.

Nhìn vào các phe ủng hộ và phản đối Tổng-thống Johnson ta không thể đơn giản phân chia làm phe bồ câu (dove) và phe điều-hâu (hawk). Cuộc thăm dò của viện Harris chia họ ra làm 4 hạng:

- 1) Hạng điều hâu cực đoan có độ 18% người được hỏi.
- 2) Hạng điều hâu ôn hòa có độ 40% —
- 3) Hạng bồ câu ôn hòa có độ 36% —
- 4) Hạng bồ câu cực đoan có độ 6% —

Hạng điều hâu ôn hòa tán thành chính sách của chính phủ Mỹ ở VN, nhưng muốn leo thang chiến tranh xa hơn để buộc đối phương phải ngồi vào bàn hội nghị. Hạng này nhiều nhất ở miền Nam Hoa-kỳ, gồm những người trên 50 tuổi và có lợi tức dưới 5.000 đô la một năm, tính theo đầu người.

Hạng bồ câu ôn hòa cũng tán thành chính sách của Tổng-thống Johnson trong cuộc chiến tranh VN, nhưng lại muốn xuống thang để tìm cơ hội đưa cộng sản đến thương thuyết. Hạng này nhiều nhất ở miền Đông và gồm những người dưới 35 tuổi và trong số những người Do-thái Mỹ.

Hạng điều hâu cực đoan tích cực chống đối chính sách của Tổng-thống Mỹ vì họ muốn mở rộng nỗ lực quân sự. Họ mạnh nhất ở miền Tây, ở những vùng ngoại ô và gồm những người đã bỏ phiếu cho Goldwater.

Hạng bồ câu cực đoan trách Tổng-thống Johnson đã dùng vũ lực và cho rằng chính phủ Mỹ không có ý muốn tìm hòa bình và không thực sự muốn chấm dứt chiến tranh. Họ mạnh nhất trong số người da đen, người nghèo, phụ nữ và các người ở đô-thị. Họ muốn chấm dứt ngay ném bom Bắc-Việt và rút lui quân đội Mỹ khỏi miền Nam Việt-Nam, công nhận Mặt trận giải phóng miền Nam. Những cuộc biểu tình phản chiến đều do họ tổ chức. Hạng người này không nhiều như năm ngoái. Trong cuộc thăm dò hồi năm ngoái, cũng của báo Newsweek, tỉ số những người này lên tới 17% (chứ không phải 6% như năm nay). Còn tỉ số của nhóm hiếu chiến cực hữu thì lại lên tới 18% (chứ không phải 14% như năm ngoái).

Hạng điều hâu ôn hòa năm nay lên tới 40% (năm ngoái chỉ có 32%), hạng bồ câu ôn hòa cũng ít hơn năm ngoái chút đỉnh (từ 37% xuống 36%). Cả hai phe ôn hòa lên tới 76% đều muốn đưa đối phương đến bàn hội-nghị bằng những phương pháp trái ngược nhau; nghĩa là họ đồng ý về mục-đích mà chỉ khác nhau về phương thế đạt tới mà thôi.

Đi sâu hơn chút nữa, viện Harris hỏi ý-kiến về việc oanh-kích Bắc Việt thì được biết 72% tán thành tiếp tục oanh-kích, 15% chống đối và 15% không có ý kiến.

Hỏi ý-kiến về việc lập một hàng rào phòng-thủ ngăn đôi hai miền Nam Bắc, có 60% tán thành. Có tới 48% tán thành một cuộc đổ bộ lên miền Bắc. Chỉ có một tối thiểu số tán thành việc gài mìn hải-cảng Hải-Phòng hoặc oanh-kích những phi trường và những đường tiếp-tế từ Trung-Hoa sang.

Nói chung thì dư-luận nhân dân Mỹ muốn chấm dứt chiến tranh ở V.N. nhưng chấm dứt bằng cách nào thì họ không nhất trí. Người thì muốn xây hàng rào để ngăn chặn Bắc Việt, kẻ thì muốn ném bom cho đến lúc Bắc-Việt phải sơ sác qui hàng hay từ bỏ ý định giúp đỡ miền Nam. Kẻ thì lại muốn đổ bộ lên Bắc-Việt tái diễn lại cái trò Inchon (Nam Hàn) thuở trước, Bắc-Việt bị đánh sau lưng phải rút quân về, bỏ mặc cho Việt-Cộng bị tiêu diệt ở miền Nam. Nhưng cũng lại có những kẻ thực sự muốn đi tìm một thỏa-hiệp với cộng-sản bằng những sự nhượng bộ lẫn nhau cả về quân-sự lẫn chánh-trị.

Ta hãy thử xem qua cuộc thăm dò sau đây đủ rõ.

Được hỏi về mục đích của Hoa-Kỳ ở Việt-Nam, trước hết có 70% không có ý-kiến, 23% muốn đi đến hoàn-toàn chiến-thắng. Về hòa đàm, có 12% muốn để cho những người chống Cộng kiểm soát ở miền Nam Việt-Nam, 43% muốn có một Chính phủ hoàn toàn tự do chọn lựa và 15% muốn có một nền trung lập bảo-đảm theo kiểu De Gaulle. Chỉ có 9% số người được hỏi là mong muốn có một cuộc chiến tranh với Trung-Cộng vì họ cho rằng nếu phải đánh nhau với Trung-Cộng thì thà chạm trán bây giờ còn dễ hơn 10 năm về sau. Nhưng 82% lại không muốn có chiến tranh với Trung-Cộng vì Hoa-kỳ sẽ phải trả một giá rất đắt để chiếm lấy một nước mà sau này họ sẽ không biết làm gì !

Có phải vì không muốn có chiến tranh với Trung-Cộng mà đa số dư-luận nhân dân Mỹ muốn hạn chế cuộc chiến tranh Việt-Nam và mong tiến tới hòa đàm chăng ? Đó là một điều mà mỗi người dân Mỹ đều có thể trả lời được và câu trả lời đó cũng giải đáp được những thắc mắc như : tại sao Mỹ không đánh ra Bắc, tại sao phi cơ Mỹ vẫn tôn trọng biên-giới Trung-cộng trong khi biết chắc có phi cơ Mig ẩn trú ở bên kia.

Nhưng trong cuộc hòa đàm để tiến tới một thể-chế tương lai ở miền Nam Việt-Nam, dư luận Mỹ cũng lại rất phân vân. Chỉ có 12% được hỏi ý-kiến là mong muốn hòa đàm đưa đến một chính phủ chống Cộng 100% ở miền Nam; 43% mong muốn có một chính phủ tự do chọn lựa nghĩa là để cho nhân dân miền Nam Việt-Nam tự do chọn lấy chính phủ của mình. Sở dĩ có một đa số mong muốn như vậy vì có một cuộc thăm dò cho biết là Việt-Cộng không thể thắng được trong một cuộc tuyên cử tự do. Nhưng họ vẫn cứ lo rằng nếu để cho V.C. tham dự chính phủ, Cộng sản sẽ tìm cách khuynh đảo chánh quyền.

Thái độ của họ đã phân vân và lập trường của họ cũng không dứt khoát. Nếu 72% tán thành ném bom Bắc Việt và tiếp tục chiến tranh cho đến khi nào địch phải xin hòa thì 62% lại cho rằng giết thường dân vô tội là sai, nhưng 41% lại cho rằng mọi cuộc chiến tranh, đứng trên phương diện luân lý, đều sai và 34% tin rằng can thiệp vào một cuộc nội chiến cũng là sai.

Để hiểu rõ tinh thần dân chủ của nhân dân Mỹ, ta thấy mặc dầu 63% dư luận nhân dân Mỹ cho rằng đằng sau những cuộc biểu tình chống chiến tranh có bàn tay của cộng sản, mặc dầu vậy, 61% dư luận cho rằng những cuộc biểu tình đó là hợp pháp và chính phủ không có quyền đàn áp.

Trước câu hỏi : « Dân chúng có quyền biểu tình đòi hòa-bình không », dư luận phân chia như sau :

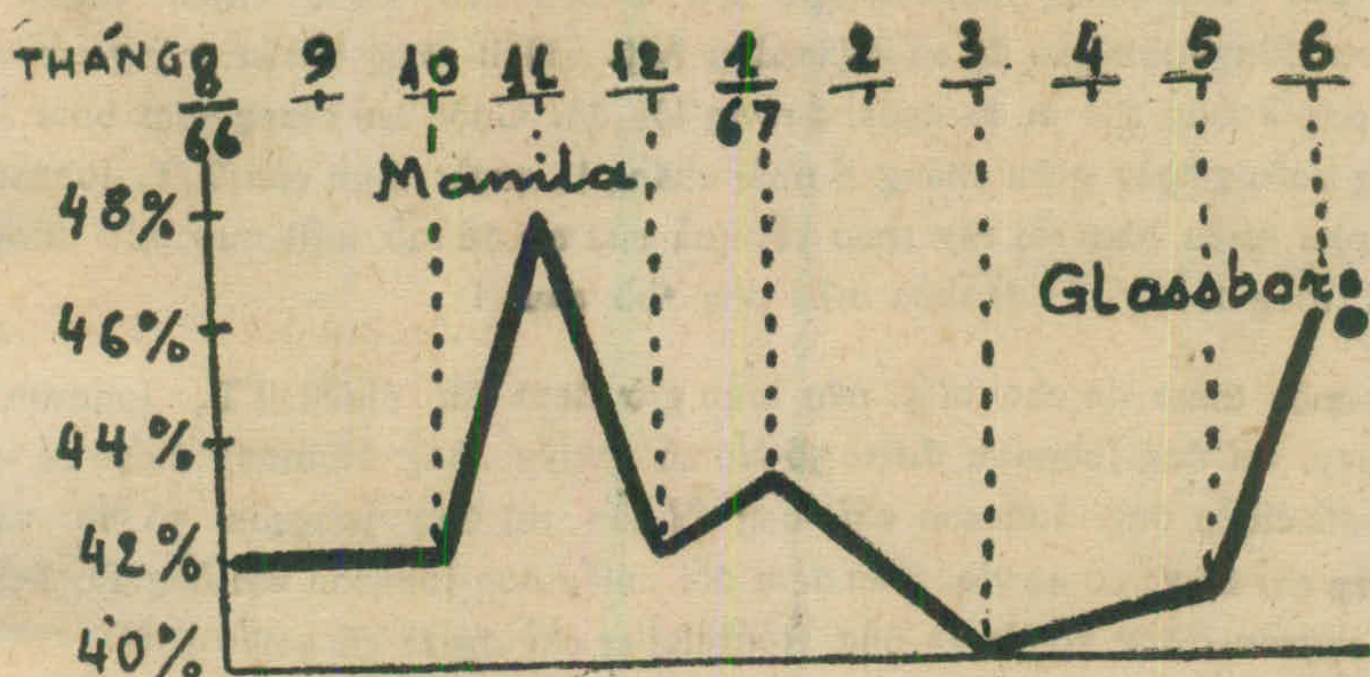
	có	không	không có ý kiến
— Đông Hoa Kỳ	68%	25%	7%
— Trung-Tây Hoa Kỳ	66%	28%	6%
— Nam Hoa Kỳ	43%	38%	19%
— Tây Hoa Kỳ	67%	27%	6%
● Toàn quốc	61%	30%	9%

Ta nhận thấy, miền Nam bao giờ cũng bảo thủ và nhiều ý-kiến khuynh hữu nhất vì miền Nam sống về nông nghiệp.

46% số người được hỏi cho rằng cuộc chiến tranh V.N. làm giảm uy-tín của Hoa-Kỳ trên thế-giới. Nhưng trong 3 người Mỹ, thì 2 người cho rằng đó là cái giá mà Hoa-Kỳ phải trả để bảo-vệ an-ninh của mình.

Sở dĩ đa số nhân dân Mỹ ủng hộ những nỗ lực quân sự của chính-phủ Johnson là vì họ được theo dõi trên đài vô tuyến truyền-hình, thấy những gian lao cực khổ, chết chóc của con em họ ở V.N. Những thiệt hại về nhân mạng mà Hoa-Kỳ phải gánh chịu, nhất là trong những tháng gần đây ở quanh vùng hỏa-tuyến, đã làm cho thái-độ của người dân thường Mỹ thêm cứng rắn trở lại. Đa số ngày nay đã tán thành chính sách dùng sức mạnh hơn là đàm ngoại. Hình như là tự ái dân tộc của họ có đôi chút bị tổn thương khi một nước lớn mạnh như Hoa-Kỳ mà mãi không làm gì nổi ở một nước nhỏ yếu như Việt-Nam. Nhưng một mặt khác bị dư-luận thế-giới chê cười và lên án, họ thấy thắng cũng không vinh-dự gì, mà bại thì lại mất cả thể-diện với năm châu. Vì thế cho nên họ cho cuộc chiến-tranh này là một cuộc chiến tranh bản thủ và muốn chấm dứt càng sớm càng hay. Nhưng chiến cuộc cứ tiếp tục leo thang và mỗi ngày một ác liệt. Vào tháng 10-65 54% dư luận cho rằng cuộc chiến tranh này sẽ kéo dài và gian khổ. Sang năm 1966, tỉ số đó lên tới 72%. Đến ngày nay đã tới tỷ số kỷ lục 83%. Dư luận Mỹ đã tỏ ra phân vân không biết nên hòa hay nên chiến và hòa chiến như thế nào. Nhưng đừng vội tưởng nhân dân Mỹ đã bị quan quá vậy đâu. Chỉ một vài sự

việc xảy ra cũng đủ làm cho dư luận đó thay đổi. Sở dĩ dư luận bi quan là vì cuộc chiến mỗi ngày mỗi gay go, mỗi ngày mỗi tổn kém cho Hoa-Kỳ mà chưa thấy một chân trời nào rạng rỡ. Ta chỉ cần nhìn vào sự tín nhiệm của nhân dân Mỹ đối với T.T. Johnson cũng đủ biết là dư luận đó thay đổi rất nhanh tùy theo sự biến chuyển của thời cuộc.



Nó lên cao nhất với 48 0/0 khi hội nghị thượng đỉnh Manila họp vào tháng 11/1966 để tăng cường nỗ lực chiến tranh và tìm một giải pháp cho hòa-bình, nó xuống thấp nhất vào các tháng 3, 4, 5 là những tháng mà Hoa-kỳ thiệt hại nặng nề nhất ở Việt-Nam (40-41 0/0) và mọi giải pháp hòa bình đều thất bại. Nó lại vọt trở lên (46 0/0) khi có hội nghị Glassboro để tìm một sự thỏa thuận giữa Nga và Mỹ ngõ hầu tiến tới hòa bình ở Việt-Nam. Rồi nó lại xuống dưới 38 0/0 khi Tổng-thống Johnson quyết định tăng thuế lợi tức 10 0/0.

Khi cuộc khủng hoảng Trung-Đông trở nên trầm trọng, một câu hỏi được đặt ra: «Mỹ có nên can thiệp vào cuộc tranh chấp Do-thái Á-rập không?». Cuộc thăm dò cho biết đa số những người được hỏi cho biết: «Hoa-kỳ không nên can thiệp ở đâu hết, khi cuộc chiến tranh Việt-Nam chưa chấm dứt». Một người thợ máy được hỏi còn nói trắng ra rằng: «Hoa-kỳ không phải là cảnh sát của thế-giới. Hòa-bình đắt quá».

Nói chung, dư luận nhân dân Mỹ rất nóng ruột vì cuộc chiến tranh VN. 58 0/0 muốn có hòa bình. Họ không lấy gì làm vinh dự trong một cuộc chiến thắng hoàn toàn. Họ chỉ muốn tìm lấy một lối thoát trong vinh dự. Họ muốn đánh mạnh cũng chỉ là để tiến tới thương lượng hòa-bình với đối-phương. Họ không muốn bắt đối phương phải quỳ gối, mà chỉ muốn đối-phương ngồi vào bàn hội-nghị.

Chính - phủ của Tổng - thống Johnson, vì muốn đặc cử trong năm tới đã khôn khéo không đi ra ngoài đường lối đó, nghĩa là một mặt thì leo thang hạn-chế, không muốn tuyên chiến với Bắc Việt theo như ý kiến của cựu Tổng - thống Eisenhower, và cũng không muốn đụng chạm tới, Trung - cộng, một mặt khác lại không bỏ lỡ cơ hội nào để vận

động hòa bình; sở dĩ hòa bình chưa đạt được là vì những điều kiện tối thiểu để bảo-vệ nền an ninh của họ chưa được thỏa mãn. Nền hòa bình mà họ muốn đạt được còn khác xa nền hòa-bình mà cộng sản đòi hỏi. Vì thế cho nên chính phủ Johnson đã bao lần thất bại trong việc tìm kiếm hòa bình và để đạt tới nền hòa bình theo ý muốn của họ, chính phủ này đã phải cố gắng leo thang chiến tranh để làm nhụt ý-chí của đối phương và cũng để tránh búa rìu của dư-luận. Mục đích của Tổng-thống Johnson ngày nay là tiến hành cuộc chiến tranh Việt-Nam với sự đồng-tình của đa số nhân dân Mỹ. Nếu ông muốn trúng cử trong năm tới, ông không thể đi ra ngoài đường lối đó. Cuộc leo thang ném bom Bắc-Việt trong những ngày giữa tháng 8 phải chăng là quyết định của T.T. Johnson để thỏa mãn phe «điều hậu» rồi tùy theo kết quả của nó để mở một cuộc tấn công hòa bình mới trong tháng tới để thỏa mãn phe «bồ câu»!

Một cuộc thăm dò cho biết, nếu hiện giờ đem đối chiếu TT. Johnson với ông Romney, thì ông Johnson được 56 0/0 số phiếu, ông Romney được có 44 0/0. Nếu đem đối chiếu ông Johnson với ông Nixon thì ông Johnson 56 0/0 và ông Nixon cũng chỉ được có 44 0/0. Nếu đem đối chiếu ông Johnson với ông Rockefeller thì ông Johnson được 59 0/0 và ông Rockefeller chỉ được có 4 0/0 thôi.

Cuộc thăm dò đó cho biết là T.T. Johnson có nhiều hy vọng đắc cử Tổng-thống năm 1968 nếu ông cứ giữ vững đường lối hiện tại, hoặc nếu có thể, thực hiện được hòa-bình ở V.N. với chút nhượng bộ trong danh dự. Với thành tích đó ném vào cuộc chạy đua đến Tòa Nhà Trắng, chắc chắn là ông Johnson sẽ thu lợi được thắng lợi khả quan.

Tương lai từ nay đến ngày bầu cử Tổng Thống Mỹ cũng không còn xa lắm. Tổng Thống Johnson chắc chắn đang sửa soạn để làm quà cho nhân dân Mỹ một thứ gì mà họ đang khao khát mong muốn: « Một nền hòa bình trong danh dự ». Món quà đó phải tặng trước ngày tuyên cử, chứ không phải chỉ là một thứ hứa hẹn để đắc cử, vì nhân dân Mỹ đã biết rõ giá trị những lời hứa hẹn trong kỳ tuyên cử Tổng Thống vừa qua.

Đứng trước tình trạng đó, nhân dân VN, trong vùng kiểm soát của chính quyền quốc gia, tất nhiên phải chuẩn bị sẵn sàng để bước sang một giai đoạn đấu tranh mới có phần cam go hơn nhiều mà chỉ những lực lượng có tổ chức mới có chỗ đứng trên đấu trường chính trị.

Chúng ta sắp tới một khúc quanh của lịch sử vô cùng quan trọng mà mỗi người Việt Nam đều phải ý-thức được rõ ràng để tìm lấy một con đường sống cho bản thân mình và cho toàn thể quốc gia dân-tộc. Trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Thượng-ngị-viện vừa qua cũng nhân dân miền Nam V.N đã bày tỏ được phần nào ý nguyện của mình chưa?

CÁT LẠNH

Nguyên yêu dấu,

1 | Bấy giờ thì người đàn ông đeo kính cận thị, đầu sói mặc áo đen đang tiến đến gần anh. Tên ông ta anh đã nghe mấy lần nhưng cũng chẳng nhớ. Ông ta đã tự giới thiệu là vị luật sư được chỉ định để biện hộ cho anh. Nãy giờ ông ta làm công việc đó một cách sốt sắng lắm; ông ta hoa chân múa tay, chỉ mặt anh, gọi tên cả chục lần. Và ông ta cũng gọi tên em nữa. Nhưng ông ta không biết em là ai, cũng không biết anh là ai nốt. Làm sao ông ta hiểu được chuyện xảy ra, làm sao ông ta hiểu được mối dây liên lạc giữa anh và em phải không Nguyên? Tất cả anh đều giấu kín, mặc dù họ đe dọa, họ bắt anh thề thốt, họ khuyên nhủ anh nên nói thật. Chồng em đứng kia — thôi thì anh tạm nhận hắn là chồng em — đứng cạnh một vị luật sư khác thấp hơn hẳn cả cái đầu. Hình như hắn đã hẳn học buộc tội anh, hắn vu cáo cho chúng mình đủ chuyện. Kệ hắn — như vậy càng hay. Anh chẳng đại gì cái chính đề người ta rõ hết về anh và em. Anh muốn họ chỉ coi anh như một tên say rượu bết nhè điên cuồng vì ghen tuông. Thế thôi, họ chỉ có quyền nghĩ đến đó. Họ — bọn người ngồi trên, ngồi dưới đang bàn tán xôn xao, trong đó có gã quản lý khách sạn, trong đó có vị chỉ-huy-trưởng của anh, trong đó có cả ông luật sư tử tế này nữa.

— Mình còn nhiều hy vọng lắm ông Thạch ạ. Ông thấy tôi đánh đồ được nhân chứng kia không?

Anh gục gặc đầu. Ông ta còn nói nhiều thứ nữa nhưng anh không nghe rõ, anh đang nhìn khâu súng đề trên bàn chánh án. Chính nó đấy Nguyên ơi.

Suốt những ngày nằm trong nhà giam, dựa lưng vào tường đá châm thuốc hút anh đã nghĩ về em. Anh chưa thể ra đi ngay vì anh còn phải chờ người ta xét xử anh. Anh muốn em biết người ta xử anh thế nào, bởi vì đúng lý ra không ai có thể hiểu. Trừ em ra. Đôi mắt của em lúc đó mở lớn nhìn anh trừng trừng anh còn nhớ chị có mình em hiểu tại sao anh làm vậy. Và cũng chỉ có mình em có quyền nhìn anh hối lỗi. Ở đây khi họ hỏi anh có hối lỗi không, anh đã lắc đầu. Quả thật thế. Anh có nói người ta chẳng thể hiểu được sự hối hận của anh, vì anh đâu có hối hận vì viên đạn bắn ra phải không Nguyên? Đó, họ đang đi ra, họ sắp tuyên án. Em nghe thử coi họ nói gì: Còn anh anh không nghe gì cả. Anh đang

nhớ đây, nhớ hôm anh Thạch của Nguyễn khoác áo trên vai bước ra khỏi buồng, đặt chân lên kè đá.

* * *

2 | Thạch muốn tìm một tiệm ăn để giải quyết cho xong cơn đói cồn cào ruột gan, nhưng khắp bãi cát chỉ toàn thấy những bar và những xe nước nhỏ. Chàng tìm đường rẽ ra chợ. Buổi sáng khá đông người tắm, một vài cô gái mặc bikini nằm trong ghế bố có che dù làm chàng cảm thấy thoáng gọn một ý thêm muốn xác thịt, nhưng đồng thời cũng khiến chàng thấy mệt mỏi hơn sau chuyến đi vừa qua, sau gần hai mươi ngày lênh đênh trên sóng. Thạch sờ lên cảm lờm chờm những sợi râu chưa cạo và bất giác nhớ đến số tuổi của mình. Tuổi trẻ sắp hết hay đã hết từ lâu? Hăm mấy năm sống cô đơn với biển cả, những chuyến đi vô tận hình như có làm quên đi niềm cô quạnh đó. Nhưng mỗi lần trở về đất liền... Thạch nhìn theo một cô gái vừa qua mặt chàng và tủm tỉm cười. Nụ cười cô ta thật xinh. Bao nhiêu nụ cười xinh đã qua đi trong đời rồi, có những người đã quên tên, có những người còn nhớ, còn gặp lại, nhưng chàng không yêu ai, dường như thế. Có một lý do thầm kín lắm, Thạch nhìn xuống chân, cát dính trên đôi giày, cát như vừa là đời sống đang trôi, vừa là dĩ vãng xa vắng, vừa là tuổi vàng đã tan rã một lần.

Thạch gọi cà phê đen và thuốc lá. Chàng lục túi tìm chiếc bật lửa, đụng tay vào báng khẩu súng nhỏ. Chàng vẫn có thói quen mang khẩu súng thân thuộc này trong người, ngay cả những lúc không cần đến. Hình dáng dễ thương của khẩu Browning như đã gắn liền vào kiếp sống hồ hải mà Thạch say mê. Có những đêm buồn một mình chàng đã thủ thỉ nói chuyện với nó. Bây giờ thì chàng để nó yên đó và ăn nốt tô phở, châm điếu thuốc thứ hai. Buổi sáng lặng lẽ qua, Thạch lại băng ngang lối chợ ồn ào ra đón chiếc xe song mã. Ngồi dựa lưng trên xe bên người xà ích nghe tiếng vỗ ngựa khua lóc cóc vẫn là cái thú lớn nhất của chàng trong những ngày về nghỉ tại thành phố này. Chiếc xe lêu lêu chạy dọc qua bãi biển. Chủ nhật, người ta ra đây chơi khá đông, xe hơi và xe gắn máy Nhật đậu san sát nhau. Thạch nhìn xuống những đầu người lô nhô trên mặt biển, nhớ lại màu nước biển xanh trong ngoài xa khơi kia, ở đó ban đêm có lũ sứa đại bình bồng ẩn hiện dưới ánh trăng. Ánh trăng và loài sứa đại khua vỡ tan màu vàng long lanh mặt nước là cả một đời sống riêng tư đầy bí mật, đời sống mà Thạch đã mơ ước từ năm còn bé ở vùng biển cũ. Rồi chàng lớn lên và ra đi, bỏ lại bao nhiêu thứ, bao nhiêu ràng buộc, bao nhiêu kỷ niệm. Những đêm một mình trên boong tàu hát nho nhỏ một điệu tình khúc cũ, nghe tiếng hát mình như trôi trên sóng, cũng như những buổi chiều ngồi một mình trong một quán nhỏ ở bến nào đó uống la-de và soi mặt vào ly rượu, Thạch có nhớ về vùng tuổi thơ rất nhiều, nhớ về như nhớ một tòa lâu đài xây bằng cát đã bị thủy triều xóa mất. Và cũng nhớ về như nhớ đôi mắt ướt của một người con gái. Nhớ để sau đó hỏi thăm không hiểu rồi đời mình sẽ trôi tới đâu.

Thạch tới một khách sạn nhỏ quen biết thuê phòng. Vẫn chiếc chìa khóa ấy — những chiếc chìa khóa phẳng phất giống nhau như những căn phòng tồi tệ —

chàng khóa cửa, quăng túi quần áo xuống giường và nằm lăn xuống theo, đá mỗi chiếc giày bay vào một góc tường rồi vươn vai ngáp thật dài.

— Phải làm một giấc bù lại đêm hôm qua.

Giấc ngủ bù của Thạch kéo thẳng đến hai giờ chiều. Chàng tỉnh giấc vì có tiếng động mạnh ở cửa như chân giày đá vào, rồi tiếng nói chuyện sì sào phía ngoài hành lang. Chàng hiểu ngay lý do những tiếng động đó. Chắc chắn đang có một hay hai đôi mắt cố nhìn qua lỗ khóa xem chàng làm gì. Họ muốn biết ông khách lạ từ xa về lần này vào đây để nghỉ hay để dốc một tube thuốc ngủ vào miệng và nằm luôn. Trong khách sạn vẫn có những sự đề phòng cũng như vẫn có những trường hợp như vừa nói xảy ra. Vì thế Thạch vươn vai ngồi dậy. Tiếng chân ngoài hành lang đồ dờn và chạy xa dần. Chàng vào bồn tắm vắn nước rửa mặt rồi lục túi để tìm bộ dao cạo râu. Vừa cạo chàng vừa nhằm tính toán những việc sẽ làm cho qua ngày hôm nay và ngày mai. Chắc chắn là sẽ đến tìm vợ chồng Hoán để lại kéo nhau ra bờ biển ăn uống rồi về nhà đánh bài. Ngoài ra chàng chẳng còn ai quen biết thành phố này, nếu không kể hai cô chiêu đãi viên lần nghỉ phép trước, có lẽ đã đi nơi khác làm ăn hoặc có còn cũng đã quên tên nhau.

Thạch xuống cầu thang, trao chìa khóa cho gã đàn ông ốm tong teo đeo kính dày cộm đang ngồi đọc báo rồi ra cửa lững thững đi về phía bờ biển. Ngọn hải đăng ở trên núi kia, chàng có thể nhìn thấy, như đã nhìn thấy những đêm vừa qua. Không còn gì làm kẻ xa nhà buồn hơn ánh sáng ngọn hải đăng quét trên vùng trời, trên mặt biển, thứ ánh sáng xa vắng gọi nhớ đến trở về. Nhưng khi trở về thì như ngọn hải đăng đã chết.

Quán ăn ở bãi biển cũng không ít người ngồi. Có lẽ họ thích ngồi đây uống rượu nhìn xuống những mỏn đá sóng đánh mòn và mơ đời sống phiêu lưu. Thạch nhìn thấy những cặp vợ chồng, hay nhân tình gì đó chụm hẳn đầu vào nhau cười khúc khích. Chàng để ý đến một cặp Mỹ-Việt ngồi cách đó hai bàn. Cô gái tóc xõa mặc áo đỏ và quần jeans trông thật dễ thương. Thường thường Thạch vẫn có cảm tưởng rất xấu về những cô gái đi chung với mấy anh chàng cao lớn kệnh càng, cũng như có lần chàng hất cả một ly la de lớn vào bộ mặt kệnh kiêu của một cô bé ôm gã tình nhân Mỹ đi qua đứng phải chướng. Vì thế lần này chàng chỉ ngó thoáng qua rồi quay mặt đi. Đúng lúc đó cô gái xoay nghiêng mặt nhìn thẳng về phía chàng. Đôi mắt như soi mới bắt đầu làm Thạch khó chịu, nhất là khi thoáng nhận thấy gã đàn ông kia cũng ngược nhìn sang dò xét. Chàng với tay lấy gói thuốc lá và chiếc bật lửa. Ngọn lửa vừa bén vào đầu điếu thuốc, Thạch giật nảy mình vì có tiếng gọi thật lớn tên chàng:

— Anh Thạch !

Thạch ngừng đầu lên để vừa kịp thấy cô gái đứng phắt dậy, bỏ bàn đang ngồi xô ghế đi như chạy sang phía chàng. Tiếng gọi làm nhiều người ngồi xung quanh quay lại ngó, nhưng Thạch không quan tâm vì bây giờ chàng mới có dịp ngắm kỹ

gương mặt cô gái, khuôn mặt quen thuộc lắm chàng ngờ ngợ. Nàng đang nắm lấy bàn tay chàng, nắm thật mạnh, cả mắt lẫn miệng tươi cười. Nàng lắc lắc đầu :

— Anh không nhận ra em à anh Thạch. Trời ơi, anh quên em thật rồi đấy à ? Nguyên đây mà.

Trước khi nàng thốt câu cuối cùng một giây, Thạch đã nhớ ra cái tên đó. Và chàng gọi nhỏ :

Nguyên !

Đúng rồi. Không nghi ngờ gì nữa, Nguyên đây rồi. Nhưng tức khắc Thạch lại phân vân với một cảm giác hết sức vô lý. Nguyên đây sao ? Cô bé Nguyên thời đó bây giờ đang đứng trước mặt chàng, đang kéo ghế ngồi xuống bên cạnh chàng và vẫn nắm chặt lấy tay chàng không buông, có phải thật thế không ?

— Trời ơi, mấy năm rồi hèn gì anh không nhận ra Nguyên, lâu quá rồi anh Thạch hỉ, chừ anh ở đâu ? Sao anh lại tới đây ? Anh làm gì ?

Những câu hỏi của Nguyên làm Thạch rối óc. Thật tình chàng cũng không chú ý nghe đề hiểu, chàng đang lắng tai nghe giọng nói của Nguyên, giọng nói "lai Huế" dễ thương của bốn năm năm về trước không hề thay đổi, cũng như chàng đang chăm chú ngắm khuôn mặt Nguyên, khuôn mặt bầu bĩnh đã thay đổi khá nhiều, có thể nói quá nhiều. Nguyên chỉ còn giữ được hai thứ của ngày xa cũ : giọng nói và đôi mắt. Nhưng hai thứ chưa đủ, Thạch còn đang muốn tìm thêm những hình ảnh khác, những hình ảnh đã vụn vỡ trong ký ức chàng, của cô bé Nguyên vẫn tíu tít hỏi :

— Kia anh Thạch. Răng không trả lời em ? Chừ anh làm chi anh Thạch ?

Thạch chưa kịp trả lời thì chàng thấy bàn bên kia nơi hồi nãy Nguyên ngồi, gã đàn ông người Mỹ cao lớn đĩnh lừng khùng đứng dậy tiến gần chàng, về mặt nữa ngờ ngác nữa giận dữ. Gã dựng tay vào người Nguyên làm nàng quay lại. Một lần nữa nàng mỉm cười thật tươi, nói với Thạch :

Đây là Bob chồng em đó anh Thạch.

Nàng nói với gã đàn ông tên Bob đó một câu rất dài và gã chia tay ra đồng thời ngồi xuống. Ý nghĩ thoáng qua trong óc Thạch lúc đó là muốn hất bàn tay ketch sù lông lá đi để tiếp tục ngắm Nguyên. Nhưng chàng vẫn đưa tay ra bắt. Nguyên vừa giới thiệu với chồng nàng rằng Thạch là anh họ của nàng.

— Anh đi lính rồi hả anh Thạch ?

— Anh đi lính. Nguyên lấy chồng được bao lâu rồi ?

— Mới có một năm nay thôi anh. Chừ anh ở đâu anh Thạch ?

— Anh ở biển.

— Ở biển ?

Nguyên phá lên cười làm Thạch phải cười theo và gã tên Bob không hiểu gì cũng ngờ ngác cười nhìn nàng. Tiếng cười của Nguyên thật ròn, thật trong sáng, thật dễ thương. Phải rồi, Nguyên còn giữ được nụ cười như thuở đó, nụ cười chưa mất làm Thạch thấy lòng xao xuyến.

— Nguyên lớn quá rồi anh nhận không ra.

Vừa dứt lời Thạch cảm thấy ngay vẻ bùi ngùi thoáng qua trong câu rói của mình, và Nguyên nhìn chàng chăm chăm. Hồi xưa khi còn bé Nguyên vẫn tự cho là có tài đoán được ý của anh Thạch dù anh Thạch có nói xa xôi cách mấy đi nữa, những lúc đó Nguyên thường nhìn anh với đôi mắt buồn lạ lùng. Thạch đã nói chính đôi mắt đó làm Nguyên đẹp nhưng cũng làm Nguyên khổ. Đôi mắt đó đang chiếu thẳng vào mắt Thạch bây giờ, chàng nghe Nguyên nói rất nhỏ :

— Năm nay Nguyên hai mươi tuổi, còn anh hăm lăm phải không ?

— Phải rồi. Ngót năm năm trời rồi đấy Nguyên nhỉ.

Thạch nghe thấy tiếng nói của gã đàn ông tên Bob :

— Ông ở trong hải quân ?

— Vâng.

— Ông được nghỉ phép ?

— Vâng, hai ngày.

Những câu trao đổi rời rạc không làm Thạch cắt rời được ý nghĩ. Gần năm năm đã trôi đi, từ ngày Thạch còn ở chung với gia đình Nguyên nơi vùng biển miền Trung. Ngày mẹ Nguyên còn sống và mới tục huyền. (Mẹ Nguyên là em họ xa của mẹ Thạch, và bà cũng chỉ còn mình mẹ Thạch là người độc nhất trong thân thuộc). Thời đó Thạch nghỉ học về ở Trung suốt một năm ròng. Rồi Thạch bỏ đi, lều cao nguyên sống với bạn bè, rồi nhập ngũ. Qua thật rồi năm sống đó, qua thật xa, những ngày tháng lữ lượt theo nhau đi, Thạch chỉ nhận được tin mẹ Nguyên mất nhưng chàng không về được. Rồi những chuyến ra đi liên tiếp làm chàng mất hẳn liên lạc với Nguyên. Bây giờ đúng lúc không ngờ nhất, chàng lại gặp cô em họ ngày cũ, Nguyên đã lớn, đã trưởng thành và đã lấy chồng. Lấy chồng Mỹ. Thạch có cảm tưởng như mình là chàng lãng tử Từ Thức lạc vào động tiên và khi trở về quê hương cũ tất cả những chuyện bất ngờ nhất đã xảy ra làm chàng đau đớn không nói được lời nào. Thạch ngồi gẩn như chết lặng ở đó cho đến khi Nguyên đứng dậy từ giã. Nguyên hỏi địa chỉ chàng và cho chàng địa chỉ nhưng chàng không nghe rõ. Chàng chỉ biết nàng và chồng nàng cũng ở khách sạn. Lúc từ biệt, Thạch bắt tay gã đàn ông và nhìn sang Nguyên, thấy đôi mắt nàng ngó chàng đăm đăm buồn bã. Thạch ngồi lại một mình tiếp tục uống rượu đến lúc ngà ngà say và buổi chiều nhẹ nhàng rơi xuống mặt biển nhấp nhô đá. Chàng leo xuống bãi đứng nhìn thủy triều dâng lên. Những coa tàu đậu mãi ngoài xa. Thạch như sống lại một ngày quá va xôi, đứng trên bãi cát nhìn biển khơi, nhìn mặt trời rơi và tan trên sóng vô tận, nghe gió vi vút thổi qua hàng thùy dương đằng kia, và khi gần tối mịt lạnh căm căm mới dặt tay Nguyên tho thản trở về căn nhà cuối bãi le lói ánh đèn. Năm đó Nguyên vẫn hay vòi vĩnh bắt chàng dẫn ra bờ cát đêm để bắt tôm và nhặt vỏ sò. Nguyên mười sáu tuổi mà còn hay khóc nhè mỗi khi bị Thạch mắng hay mẹ đánh đòn. Nhưng Nguyên rất ngoan và rất chiều anh, Nguyên thường dấu những tôm và ngao bắt được để đem

khuya đợi mẹ ngủ mới rón rén dậy xuống bếp nấu cháo và gọi anh dậy cùng ăn.

Thạch đã sống hơn mười tháng trời như vậy. Rồi chàng bỏ đi và x₂ Nguyễn. Suốt từ ngày ra đi, chỉ có mỗi một lần chàng trở về vùng biển cũ nhìn bãi cát dài đã đầy rác bần, nhìn những căn nhà đã bị phá nát, cũng như hàng thùy dương đã bị đốn bỏ hết. Chàng cũng đã đi thăm mộ mẹ Nguyễn. Còn Nguyễn ngay từ ngày mẹ chết đã cùng ông bố dượng và lũ em lên Saigon không biết ở đâu. Hồi nãy cơn xúc động đã làm Thạch quên mất không hỏi những duyên cớ nào đã đưa Nguyễn trôi dạt đến đây.

Thạch đứng nhìn mãi mặt biển đen mờ dần, và trở về khi ngọn hải đăng bắt đầu quét ánh sáng lên bầu trời lác đác những vì sao sáng.

* * *

Mưa đổ xuống bất ngờ khi Thạch xuống đến bậc thang cuối. Chàng đứng tần ngần nhìn mấy người khách bộ hành chạy vội vã vào những hàng hiên trú mưa. Rồi chàng quay lại. Hoán đang từ trên lầu xuống. Hai người gặp nhau ở một bậc thang.

— Lên đánh nữa. Đợi hết mưa rồi về. Mày có về ngay bây giờ cũng chẳng làm gì.

Thạch lắc đầu :

— Cho tao mượn cái áo mưa.

Hoán định nói gì nữa nhưng lại thôi. Thạch theo bạn lên phòng. Loan vừa vợ tiền vừa ngoái nhìn ra, cười thành tiếng :

— Biết ngay mà, ông tướng. Thôi ngồi nữa đi chút nữa ăn cơm luôn. Ông về làm con bé này mất hồn nó thua hoài.

Thu với tay đấm Loan thật mạnh. Nàng vừa bĩu môi vừa liếc Thạch. Hoán đến bên tủ :

— Nó mượn áo mưa, Thăng này quái gỡ lắm. Chắc có con nào nằm ở phòng đợi mày chứ gì.

Gã đàn ông đeo kính mà ban nãy Hoán có giới thiệu nhưng Thạch quên mất tên cũng góp vào :

— Chắc một trăm phần trăm rồi. Thôi để anh ấy về.

Thạch mặc áo mưa. Loan hỏi :

— Về thật đấy à ?

— Về thật. Mai đến sớm.

Thạch ra ngoài, khép cửa phòng lại. Tiếng Loan hỏi chồng bên trong :

— Sao hôm nay hần khùng vậy anh ?

Tiếng Hoán trả lời nghe không rõ. Thạch đã xuống đến đường, bước vào trong mưa. Những hạt nước thi nhau tạt tới tấp vào mặt chàng. Thạch lăm lũi đi. Thật tình chàng cũng không biết về nhà giờ này để làm gì, nhưng cũng không

thề tiếp tục ngồi ở đó. Mưa rơi ngoài biển kia vắng ngắt. Nhưng giọt mưa vô hình trên mặt nước gợi nhớ một chuyện gì đã cũ lắm. Thạch cố nhớ lại. Đầu óc chàng quay cuồng nhưag tận trong đáy tâm hồn la cả một mặt phẳng mông mênh. Thật kỳ lạ. Dường như mưa rào rạ trên mặt là màng nước ngăn đôi thề xác và linh hồn Thạch lúc này, thề xác là của thứ hiện tại lạc lõng một kẻ đáp tàu về sân ga cũ bỏ hoang, cỏ lùng mọc kín ; còn linh hồn là của quá vãng, của thời thơ ấu vỡ tan từng mảnh vụn.

* * *

Thạch ấn sâu hai tay vào túi áo mưa, cúi mặt ngó đôi giầy ướt sũng rồi nhìn ra biển. Mưa vẫn tầm tã ngoài đó — phía xa thăm chân trời kia như che phủ bởi một màng sương trắng huyền ảo, đẹp và buồn như những hình ảnh nào trong quá vãng. Như vậy mà đã năm năm trời — Thạch nghĩ thầm — Nó đã lấy chồng. Tại sao nó lại lấy thằng đó ? Mình phải hỏi nó mới được. Nhưng làm thế nào... Cái địa chỉ hôm qua chỉ còn vương lại trong trí nhớ Thạch như một chút bọt nơi đáy ly — tên khách sạn là... Những người Mỹ thường ở...

Thạch dừng bước, rẽ vào con đường nhỏ. Cho đến lúc vào đến quầy khách sạn chàng vẫn không sao nhớ ra.

Chìa khóa phòng ông có người lấy rồi.

Thạch nhíu mày ngạc nhiên. Nhưng chàng không muốn hỏi. Lão già này sẽ vin vào đó kéo dài câu chuyện hàng giờ. Chàng lên cầu thang còn nghe tiếng lão sau lưng.

— Ông thạch ngon lắm nghe không. Lát đi nhậu chớ ?

Thạch tảng lờ lên phòng. Trước khi vặn quả nắm cửa, chàng nghĩ một giây. Rồi chàng quả quyết mở cửa thật mạnh, bước vào.

Nguyên đang ngồi ở giường lục lọi va ly của chàng. Nghe động, nàng quay ra ; nói như reo :

— Anh Thạch. Anh đi mô rứa ?

Thạch đứng sững ở đó với cảm giác y như lúc gặp Nguyên hôm qua nơi quán ăn. Nhưng lần này sự có mặt của Nguyên còn như một câu trả lời đầy đủ nhất cho hàng chục thắc mắc bản khoăn từ nãy. Thốt nhiên Thạch nghĩ : Mình trở về từ nhà Hoán là để gặp Nguyên. Và chàng muốn khẳng khẳng chấp nhận ý nghĩ đó như lý do duy nhất, mặc dù trong thâm tâm vẫn biết chắc là không phải.

Thạch nghe giọng mình ầm vang khắp gian phòng nhỏ :

— Còn em đến đây tự bao giờ ?

— Lâu lắm. Từ trước khi mưa lặn,

Nguyên đã đứng dậy và Thạch yên lặng ngắm nàng. Quả thật Nguyên đã lớn, đã thay đổi nhiều lắm. Nguyên cũng nhìn Thạch một lúc rồi mới nói :

— Anh tẻ lắm. Chẳng viết cho em cái thư nào hết.

Thạch tiến tới gần Nguyên. Chàng nhận thấy nàng cho đến ngang mắt mình. Mái tóc uốn dần đi, úp vào hai má. Thạch muốn bảo Nguyên đưa ngón tay út lên miệng cắn để xem có khác hình ảnh ngày xưa bao nhiêu không — nhưng một sức mạnh vô hình giữ câu nói của chàng lại. Thạch cởi áo mưa vắt lên thành giường rồi lục túi tìm gói thuốc. Nguyên nói :

— Tóc anh ướt mềm. Anh có khăn đó không ?

— Không.

Nàng tiến đến giường, bỏ một vài thứ trong chiếc va ly con ra ngoài rồi lăm bằm.

— Em mới thấy cái khăn. Đây rồi. Anh lau mặt đi cả để ướt đầu bị cạo.

Thạch buồn cười vì sự lo lắng hơi vô ích đó nhưng đồng thời cũng thấy xúc động. Nguyên chăm chú nhìn chàng, nàng mỉm cười :

— Anh nhớ hồi xưa không ? Bữa hai anh em mình tắm biển bị mưa, khi về anh đau luôn cả tuần làm mẹ mắng em quá chừng quá đỗi.

Thạch thấy Nguyên cúi đầu xuống. Một lúc sau, nàng hỏi, giọng ướt nước mắt :

— Anh Thạch, khi hồi mẹ em mất anh ở nơi mô ?

— Anh đóng ở gần Nha-Trang. Anh có về thăm mộ mẹ một lần,, thì em đã lên Saigòn.

Thạch ngừng một phút rồi nói tiếp :

— Em ngồi xuống kể anh nghe những chuyện sau đó.

Nguyên ngừng lên. Khuôn mặt nàng đầm đìa nước mắt nàng mấp máy môi như muốn nói điều gì mà không thốt ra được. Rồi đột nhiên, Nguyên bỏ nhào đến giữa hai cánh tay Thạch, dụi đầu vào ngực chàng, bật khóc nức nở.

Thạch bỏ rơi chiếc thuốc ra phía sau lưng và vỗ nhẹ nhẹ lên vai Nguyên. Chàng không nói gì cho đến khi nàng khóc nhỏ dần rồi nín hẳn. Mái tóc mùi nước hoa thơm ngan ngát trước mũi chàng rung rung một lúc lâu nữa, rồi Nguyên ngẩng lên ngược mặt, nhìn thẳng vào mắt Thạch :

— Anh Thạch biết không, em khổ lắm.

Thạch nói tay, dịu dàng diu Nguyên đến bên giường, ấn tay vào vai bắt nàng ngồi xuống. Một thoáng rất nhanh, chàng nghĩ phải tìm một câu nói quen thuộc cũ để gọi lại tuổi mười sáu của Nguyên, gọi nhớ lại bầu không khí thân yêu của hai anh em thuở đó.

Thạch hất chiếc va ly sang một bên :

— Bé Nguyên ngồi đây với anh. Rồi, kể cho anh nghe nào. Ai làm Nguyên buồn ? Kể cho anh nghe đi.

* * *

Bóng tối đã tràn ngập căn phòng từ lúc nào. Chút ánh sáng sót lại từ cửa sổ đưa vào khuôn mặt hai người một màu nhò nhò trắng rất mỏng như không có.

Thạch yên lặng nhìn Nguyên một lúc với cảm tưởng vừa đầy tấm lăng kính nặng nề nhiều cạnh nhiều màu ngăn cách chàng và Nguyên sang một bên, để thấy lại đầy đủ hình ảnh đứa em dễ thương ngoan ngoãn gần năm năm trước. Những năm tháng biến mất, rồi lại hiện ra, biến hiện, biến hiện chập chờn. Thạch ngậm ngùi nhớ lại giọng nói của Nguyên ngày đó mỗi khi bị mẹ mắng rầy chàng ra bãi biển ngồi than thở. Thạch thường ngồi yên lặng rất lâu nghe tiếng Nguyên kể lể lẫn trong tiếng sóng biển đều đặn và tiếng gió vi vút qua những lá cây êm đềm. Nguyên vòng tay ôm lấy đầu gối nhìn hai bàn chân nhỏ nhắn vùi sâu trong cát. Một lần Nguyên rút chân lên, vun cát thành chiếc gò cao, vỗ nhẹ nhẹ tay chung quanh cho phẳng rồi nói với Thạch : « Em muốn mai một em chết đi người ta chôn em trên bãi cát như thế này ». Thạch gạt tay đồ đồng cát nhìn thẳng vào mắt Nguyên : « Sao tự nhiên em lại nói như vậy? » Nguyên đáp ngay: Em ưa nghe tiếng sóng đánh vô bờ, buồn chi lạ. Khi hồi anh chưa ra đây, mẹ chẳng chịu cho em ra bãi chơi mà lâu lâu em cũng lên đi ; anh Thạch biết không, giữa khuya đứng đây nghe sóng đánh rồi về đó mà ngủ được. » Giọng Nguyên thủ thỉ như lời ru ngủ, và ngay từ buổi hoàng hôn đó Thạch đã nghĩ đến một chuyến đi xa, đi rất xa bỏ lại tất cả, đi vào vùng biển kia, đi cùng tiếng sóng kia cho đến hết cuộc đời.

Giọng Nguyên bây giờ vẫn thế, vẫn thủ thỉ như ru ngủ, nhưng có lẽ đã được thêm chút ít ngậm ngùi. Nguyên vừa kể cho Thạch nghe tất cả những biến cố dồn dập suốt mấy năm qua. Thạch bỏ đi được chừng hai năm thì mẹ Nguyên mất Nguyên lên Saigon, ở với gã đàn ông mà nàng mới bắt đầu gọi là dượng từ sáu tháng. Rồi chính gã đàn ông đó đã phá hại đời Nguyên, sau đó gã bắt Nguyên đi làm đề chính thức nuôi gã. Và ở gian hàng, Nguyên gặp anh chàng lính trẻ tuổi người Mỹ đó. Hấn ngỏ lời, Nguyên nhận ngay không cần suy nghĩ, đề thoát khỏi Saigon ra ở Vũng tàu. Một năm trôi qua, bây giờ Nguyên đã gặp Thạch.

Hình như một giấc mơ vừa tan thì phải. Một giấc mơ rất đẹp như thế giới chàng phiêu lãng Từ-Thức đời xưa lạc trong động tiên rồi ngày trở về nhìn quê hương xa lạ không còn chút gì là của mình, có muốn quay lại tìm người tiên cũng chẳng bao giờ. Thạch nghe tiếng Nguyên nói như lẫn vào tiếng sóng biển rất xa xôi, rất âm thầm :

— Nếu hồi nó anh về với em thì đâu có chuyện gì. Anh biết không, khi mẹ đau mẹ viết thư cho anh biểu em gửi. Thư đó người ta trả lại, em còn giữ tới giờ.

Nguyên nhoài người với tay lấy chiếc ví, lục lọi lấy ra một lá thư không phong bì. Thạch đứng dậy bật đèn. Ánh sáng đục lờ soi tờ giấy nhàu nát, nét chữ nguệch ngoạc. Thạch đọc một mạch đến giòng cuối rồi bàng hoàng đọc lại lần nữa, một đoạn dài nhất có nhiều chữ nhòe nhoẹt Mẹ Nguyên viết :

« Dì mong con sẽ nghe lời Dì. Dì chết rồi em Nguyên chỉ còn có con, cũng như Dì cũng chỉ có mình nó. Dì muốn con đừng bực cho nó, Dì muốn con

cưới nó làm vợ. Về liên lạc họ hàng giữa mẹ con và Di thật ra không có chi đáng kể, di đã nói với mẹ con từ hồi trước. Di muốn con hứa với Di sẽ làm theo ý Di. Khi con về ..»

Nguyên đã ngồi sát lại bên Thạch ghé đọc chuag lá thư mà có lẽ nàng đã đọc hàng chục, hàng trăm lần. Rồi nàng lại úp đầu vào vai Thạch, bật khóc. Thạch muốn vòng tay ôm lấy thân hình nhỏ nhắn đó lại ngăn ngại. Chàng nghe giọng mình bùi ngùi :

— Nguyên đừng khóc nữa. Có nhiều chuyện người ta không thể tính trước được. Hơn nữa bây giờ anh tin Nguyên đã có hạnh phúc.

Nguyên vùng mạnh bất ngờ làm Thạch hoảng hốt. Nàng ngồi thẳng, hai tay bấu chặt lấy bờ vai chàng, nói như nức nở :

— Anh nói vậy được sao ? Anh Thạch... Anh không biết là em phải nhắm mắt sống với thằng đó chừng ấy ngày là để đợi anh sao, em biết... em biết thế nào em cũng gặp lại anh... em biết thế nào anh cũng trở về mà...Anh Thạch... đem em đi, anh Thạch .. đem em đi...

Thạch hơi ngã người ra phía sau. Phút giây đó lần đầu tiên chàng hiểu thật thấm thía tình yêu của Nguyên, tình yêu có lẽ đã có từ năm năm trước từ năm Nguyên chưa đầy mười bảy tuổi. Thạch chua xót hỏi lại lòng mình và muốn ứa nước mắt. Chàng biết nếu khóc được lúc đó, tất cả sẽ thay đổi, như thể giọt nước mắt rơi xuống làm tan chiếc chén ngọc và làm nở ra tình yêu, xóa nhòa những đau thương. Nhưng chàng chỉ nắm tay Nguyên rất chặt và nghe giọng mình khô, lạnh :

— Vô ích Nguyên ạ. Tất cả... anh muốn nói cả hai anh em mình đều muộn màng. Anh không sao đùm bọc nổi em, có điều...

Thạch muốn nói hết về nỗi mong manh của cuộc đời chàng, về hoàn cảnh phản bội của kiếp sống lúc này, về tất cả những điều phi lý chưa bao giờ nói ra, nhưng Nguyên đã quay mặt đi, về phía căn phòng chìm trong bóng tối ; Thạch nghe nàng khóc, không lớn lắm. Rồi bất chợt nàng quay phắt lại, mắt mở lớn dữ dội và giọng đôi hẳn :

— Anh khinh em lắm phải không anh Thạch ? Em biết anh khinh em lắm mà, em biết là em chẳng còn gì ... em biết ...

— Nguyên, đừng nói bậy, Em không hiểu ý anh.

Thạch muốn nói với Nguyên rằng chàng chỉ muốn coi nàng như một đứa em nhỏ như ngày cũ. Nhưng chàng ngăn ngại. Có chắc chàng chỉ đối với Nguyên như vậy không, có chắc chàng vẫn chỉ nhớ đến Nguyên như người anh trai nhớ cô em bé dại ? Hay biết đâu câu nói đó chỉ là cái võ che đậy một trong ngàn sự thật thối tha của đời sống ?

Đột nhiên nguyên ôm chầm lấy Thạch làm chàng muốn nghẹt thở. Nguyên nói hờn hển, hơi thở nóng tỏa ấm khuôn mặt chàng :

— Anh Thạch. Nói yêu em đi, anh Thạch. Nói đi anh. Một câu thôi rồi anh bảo chi em cũng nghe.

Đôi môi người con gái đỏ mọng trong ánh sáng đục, rung rung thật nhẹ. Thạch nhìn màu đen lầy của hai mắt mở lớn long lanh, và chàng biết chỉ cần câu nói đó thốt ra, không còn gì ngăn cách chàng và Nguyên nữa, không còn gì, cả những tháng ngày xa cách, cả dĩ vãng tủi nhục, cả cái chết...

Nhưng đúng lúc đó cánh cửa phòng bật mở mạnh làm Nguyên hoảng hốt quay lại. Ngoài hành lang tối đen, một bóng người cao lớn đứng sững, mờ nhạt vì ánh sáng phản chiếu, nhưng hẳn rõ như một nhát roi quất mạnh trên lưng đau nhói, một hình bóng như lời phản bội tàn khốc nhất làm sụp đổ tất cả.

Gã đàn ông người Mỹ.

Trong giây phút thật mong manh mà vĩnh cửu vì cả cuộc đời không bao giờ chàng quên nổi, Thạch không kịp hiểu hẳn tới đây bằng cách nào và tại sao hẳn tới được đây. Thạch không kịp suy nghĩ khi thấy hẳn nhảy một bước đến túm lấy Nguyên, dăng mạnh nàng ra và tát nàng thật mạnh. Nguyên ngã chúi xuống đất nhưng lại ngồi dậy ngay. Thạch cũng không nhớ đã nghe tiếng thét thảng thốt của Nguyên hay không. Con giận bùng lên dữ dội cùng một lúc với nỗi kinh hoàng. Và cử chỉ độc nhất của chàng đúng giây phút gã đàn ông cao lớn dềnh dàng đó nhào tới, là rút khẩu súng trong túi ra.

Mũi súng đen lách cựa đứng gã lại làm gã mất thăng bằng. Thạch nghe tiếng Nguyên gọi tên mình thất thanh lúc ngón tay hạ chốt an toàn xuống. Chàng cũng nghe tiếng cười gằn của mình. Rồi trong một tích tắc ngắn ngủi, cảnh tượng trước mắt chàng mờ đi y như bị một đợt sóng năm xưa ủa đến phủ kín làm nhòe nhoẹt tất cả. Hình như cái bóng cao lớn lại nhào tới, cùng một lúc với cái bóng nhỏ nhắn nào. Tiếng súng nổ không lớn lắm.

Rồi Thạch nghe gã đàn ông kêu lên một tiếng kỳ cục không thể hiểu nổi. Gã đứng sững một phút rồi quay ngoắt mình chạy ra cửa, xô mạnh vào cánh cửa phòng, tiếng chân dồn dập nối nhau nơi hành lang, tiếng la hét xa xa. Trong căn phòng im lặng hoàn toàn, im lặng mông mênh, khẩu súng từ tay Thạch rơi xuống đất vang lên một âm thanh khô, như hai đầu gối chàng khụy xuống bên Nguyên.

Bàn tay Nguyên đưa lên đã cứng, cả người Thạch nổi gai khi những ngón tay ve vuốt nhẹ nhàng sống mũi, hai má chàng. Đợt sóng nào lại ủa đến làm nhòe nhoẹt tất cả. Đôi mắt to đen lầy lầy của những năm tháng xa xôi đang nhìn Thạch trừng trừng qua màn lưới biển phải không, và đôi môi nũng nịu đang phác một nụ cười rất nhẹ. Thạch đáp lại nụ cười đó và thấy môi mình mẫn chất, không phải vì nước biển, làm gì có biển ở đây, biển ở xa lắm, ở mãi sâu trong quá khứ chúng ta, ở đằng sau thời tuổi trẻ, anh muốn trở về biển. Đề anh đưa em về biển với anh.

3 | Không bao giờ người ta cho phép chúng mình trở về cả đâu, người ta chặn anh lại ngay khi anh bế em lên tay. Không bao giờ anh còn được nhìn

hình bóng em trên bờ cát cũ, như những hàng thùy dương đã đổ bỏ từ quá lâu, như tuổi thơ đại đã chết cùng loài sứa mùa thu.

Nguyên vẫn nghe anh nói đấy chứ, bây giờ có lẽ cũng bắt đầu chớm thu nơi quê hương chúng ta. Anh và em đang đi trên bãi biển đêm, thỉnh thoảng dựa lưng vào một thân cây dừa nghe sóng đánh ngoài xa, nghe gió làm sào sạt những lá dừa êm đềm. Bãi biển đêm có những con ốc những con ngao đề nghị về nấu cháo, anh và em cùng ăn dưới ánh đèn dầu lạc.

Anh vẫn thấy mình đi trên bãi đêm, đi mãi không trở về con tàu neo bến, trên đầu anh là mặt trăng mờ soi xuống bãi biển dưới chân, và gió đã đùn cát lên phía sau lưng, rất cao, cát trắng tươi âm thầm như một ngôi mộ lạnh.

ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC

Đã phát hành :

- | | |
|-------------------------|-----------|
| — NẸO VỀ CỦA Ỡ | Nhất-Hạnh |
| — HƯƠNG RỪNG CÀ MAU | Sơn-Nam |
| — ĐẤT VÀ NGƯỜI | Minh-Quân |
| — TRƯỜNG CA MẸ VIỆT NAM | Phạm-Duy |

Các nhà sách muốn phát hành xin liên lạc :
Từ - Mẫn 120, Nguyễn-Lâm Chợ-lớn. Hoa hồng nhiều.

Thuốc mới :

Viên thuốc bọc đường **ALGAN**

KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

KỈ - NIỆM 100 NĂM NGÀY PHÁP CHIẾM NAM-KÌ (20-6-1867 — 20-6-1967)



Trình bày xuất bản, biên khảo, 244 trang giá 120 đ.

Tác giả :

Trương-Bá-Cần, Phạm-Cao-Dương, Lê - Văn - Hào,
Nguyễn-Khắc-Ngũ - Trần-Trọng-Phủ - Lý-Chánh-Trung.

Tác phẩm :

Sách mở đầu bằng bài ai điếu của người chứng kiến
miền Lục-tỉnh lọt vào tay Pháp : Nguyễn-Đình-Chiều.

Trong bài điếu sĩ dân Lục-tỉnh Nam-kì có đoạn :

«Khá thương thay ! Dân xa nước lửa bầy chày ; giặc ép mỡ dầu hết sức.

«Đành những kẻ cha thù anh oán, nhảy vào vòng báo ứng đã cam ; Cực cho người vợ yếu con cô, gây đoạn thảm sầu không dứt.»

Rồi đến sáu kẻ «hậu sanh» :

Nguyễn-Khắc-Ngũ : Những lí do khiến Pháp can thiệp vào Việt-Nam. — Lê-Văn-Hào : Mấy nét về hội sống Việt-Nam giữa thế kỉ thứ XIX. Phạm-Cao-Dương : Một vài khía cạnh đáng chú ý trong đường lối cai trị của người Pháp ở Nam-kì từ 1861 đến 1867. — Nguyễn-Khắc-Ngũ : Những cuộc hành quân của Pháp ở Trung và Nam-kì. — Trương-Bá-Cần : Phan-Thanh-Giản với việc mất ba tỉnh miền Tây. Trần-Trọng-Phủ : Nghĩ về một giai đoạn mất nước. — Lý-Chánh-Trung : Suy nghĩ về hai chữ «mất nước».

Những bài biên khảo đều dùng tài liệu «đôi bên», của ta và của Pháp, nên cho chúng ta một cái nhìn chung chính xác, không thiên vị. Người đọc đặc biệt chú ý ba bài cuối.

Ông Trương-Bá-Cần đưa ra mưu lược của người Pháp trong việc chiếm nốt ba tỉnh miền Tây và trường hợp của Phan-Thanh-Giản. Chánh quốc đang gặp bao khó khăn về nội bộ và có thể xô xác với Đức nên ra lệnh cho La Grandière «đừng nghĩ tới chuyện biểu dương lực lượng đối với ba tỉnh» (15-4-1967). Chánh phủ Pháp sợ một cuộc chiến tranh kéo dài. Nhưng La Grandière đã làm trái lại, và khi

Phan-Thanh. Giãn xuống tàu *l'Ondine* của La Grandière, đề thương thuyết, chớ không phải đề đầu hàng, lại mắc mưu của La Grandière: thay vì đề cho phái bộ Việt về thành (Vinh-long), La Grandière lại cùng đi với họ, với quân đội mình. Người giữ thành đành bó tay. Thành Vinh-long mất một cách quá dễ dàng. Và mưu lược chiếm đóng Châu-đốc và Hà-tiên cũng tương tự. La Grandière đòi cho được một văn thư của Phan-Thanh-Giản gả cho các quan tuần vũ Châu-đốc và Hà-tiên, mà không cần biết nội dung bức thư nói gì. Với hai bức thư này, họ gạt các vị giữ thành tới nhận, rồi họ cùng vào thành!

Ông Trần-Trọng-Phủ nhận xét về cái «mặc cảm Tôn-Thọ-Tường», mặc cảm của kẻ cộng tác với Pháp lúc đầu, mà còn hồ thẹn, nhưng sau đó không lâu mặc cảm này biến mất; ông cho hiện tượng này chứng tỏ một giai đoạn mất nước mới: giai đoạn tan rã về tinh thần của một dân tộc.

Suy nghĩ về hai chữ «mất nước», ông Lý-Chánh-Trung cho rằng dầu có mất lãnh thổ, mất chủ quyền, nước chưa mất hẳn nếu còn có hồn. Mà «hồn nước là gì, nếu không phải là cái hồn văn hóa mà mỗi dân tộc đã dày công xây đắp trong lịch sử để có thể sinh sống như một xã hội loài người». Tác giả «Tìm về dân tộc» lên tiếng: «Cho nên cái nguy cơ trầm trọng nhất cho các dân tộc nhược tiểu trong thế giới ngày nay, không phải là mất chủ quyền, mà là mất văn hóa. Và khi một dân tộc đã mất văn hóa, nghĩa là đánh mất linh hồn của mình, thì *thờ nó bị tiêu diệt còn hơn*».

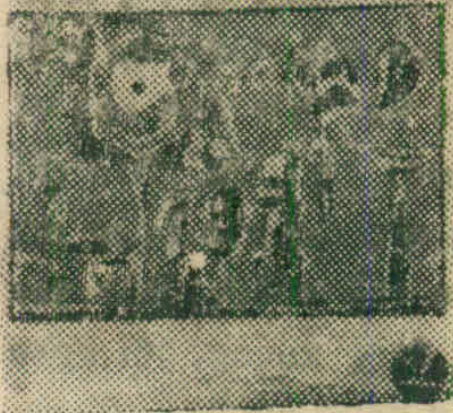
oOo

Giới thiệu quyển sách công phu trong sưu tầm, thiết tha trong cảm nghĩ này, mà chẳng trích một đoạn trong «Lời nói đầu» sau đây, thì hẳn là phụ lòng nhóm «Trình bày», vốn nhiều nhiệt tâm và thiện chí.

«*Kỉ niệm 100 năm ngày Pháp chiếm Nam-kì, không phải là đề kêu gọi lại một vết thương trong lịch sử, cũng không phải là đề đào sâu thêm một mối hận thù đang được bụi thời gian dần dần lấp kín, nhưng chính là đề soi sáng cho chúng ta về một kinh nghiệm mất nước trong lịch sử cận đại của dân tộc. Đồng thời cũng còn là đề chứng tỏ rằng, dầu trong hoàn cảnh nào, dầu đã có một thời-kì mà dân tộc ta đã phải phủ phục dưới gót giày xâm lược, nhưng cái truyền thống hào hùng bất khuất của nhân dân ta vẫn luôn được tiếp nối bằng những trang sử máu, để đem lại vinh quang về cho quê hương.*»

MỘT CHỖ NÀO KHÁC

VIÊN LINH
*một chỗ
 nào khác*



Tập truyện, 180 trang, giá 80đ.

Trình bày xuất bản.

Tác giả :

Viên-Linh tên thật là Nguyễn-Nam, sinh năm 1938 tại Đồng-văn (Hà-nam). Đã cộng tác với các tạp chí và tuần báo : *Sống*, *Sáng tạo*, *Thế kỉ hai mươi*, *Bách khoa*, *Văn-nghệ*... Đã xuất bản : *Hóa thân* (thơ, 1964), *Cảnh tượng đêm nay* (tập truyện, 1966), *Thị trấn miền Đông* (tập truyện, 1966).

Tác phẩm :

Một chỗ nào khác gồm có tám truyện, mà truyện cuối được chọn đặt tên cho toàn tập.

Có những truyện có mở có kết, có những truyện gần như không có chuyện gì cả, tác giả như mượn chúng để ghi vào ám ảnh lạ lùng (*Hình bóng quanh tôi*), những cảm giác khi nằm trên giường, khi đi xe đò, khi đợi một chuyến tàu (*Trên đường*) một cảnh ngộ chưa biết phải giải quyết thế nào (*Kẻ nào đó*).

Nhân vật chánh trong tập truyện mới này của Viên-Linh là những chàng trai khắc khoải hay băn khoăn ray rứt vì tâm tình, vì chí hướng hay vì cảnh huống, mà chưa tìm được lối ra, hay tìm được nhờ tình cờ. Họ chưa đến nỗi chán chường nhưng tin tưởng, thiết tha, thì cũng còn xa.

Xin tóm tắt vài truyện, một ở đầu, một ở giữa và một ở cuối : *Ngọn đồi ở xa* này có tên là «Đồi Cỏ Cháy», một ngọn đồi «đỏ rực cỏ hung», nó cao nhất trong những ngọn đồi, nó hùng vĩ và như «ám ảnh tâm trí» Hiệp. Hiệp đã bỏ thành thị, lên giúp việc cho một xưởng dệt nằm trong ruộng rừng, thuộc buôn Kroa, cách thị trấn mười cây số. Buồn thì ra thị trấn uống rượu cho say, đã hai năm như vậy. Viết thư giục bạn rất thân là Vinh lên chơi, đề cùng tới Đồi Cỏ Cháy có «Cánh rừng lau đỏ rực suốt năm này sang năm khác nằm rạp theo chiều gió, nếu có khi nào gió không thổi nó cũng không thể đứng thẳng được. Kiếp cỏ ở đây cuối đời suốt đời như vậy. Lên đây, Vinh. Cậu chỉ cần nhìn thấy Đồi Cỏ Cháy một lần trong đời thôi.» Vinh lên, và cùng Hiệp xem xi nê, vào phòng trà duy nhất của cái miền núi, nghe nhạc rồi uống rượu. Họ định đến Đồi Cỏ Cháy, đường thì hiểm, mà Hiệp cũng chỉ thấy chó chưa đi đến lần nào. Vinh đòi về, thì Hiệp cầm lại. «Minh phải tới Đồi Cỏ Cháy, Vinh. Tuần sau ta đi.» Nói thế, chưa chắc gì họ đi đến nhưng cả hai đều biết «ngọn đồi ấy cao vô cùng».

Ngôi nhà trong trí tưởng : Kiên là một khách không nhà. Chàng có mẹ già, nhưng lại đi đây đi đó. Sau một chuyến đi lâu, mệt mỏi, chàng về, thì mẹ chàng mở một ngôi hàng rượu (quê chàng là một thị trấn miền biển). Mẹ chàng

tưởng dâu chàng về là vì Liên gọi. Liên là người yêu cũ, mới góa chồng. Trong lúc Kiên mơ một ngôi nhà đầm ấm, thì lại phải sống ở một quán đêm ồn ào. Mẹ chết, chàng đi dạo phố để tìm lại thời niên thiếu của mình. Một hôm tình cờ gặp lại Liên; Liên đề nghị chàng ở lại quê nhà, cùng nàng mở một... ngôi hàng. Chàng từ chối, rồi lẳng lặng ra đi, mang theo mình cái «gia tài» mẹ để lại: một ngôi nhà giản dị, có vườn cây, có bể nước mưa...

Một chỗ nào khác: Một đêm mưa, tôi lên một hiệu ăn có nhạc, có ca, chọn một chỗ ngồi vừa có thể nghe nhạc vừa có thể ngó xuống thành phố. Gặp lại một bạn học cũ mang bình phục. Nhờ ca sĩ hát một bài mà họ hay hát lúc còn đi học chung. Rồi Bản — người bạn — nhắc đến một vài người bạn cũ. Bản chỉ cho tôi mấy vết sẹo ở bụng. Bản từng «ăn» tám phát đạn vào đùi vào bụng mà không chết. Nhưng với Bản, thì «Bất cứ lúc đi nào cũng có thể chết». Bản say rượu, ngủ ngục trên mép bàn. Tôi bỏ ra về. Thang máy đang xuống, tôi nghe tiếng bàn ghế li chai xô đẩy loảng xoảng từ trên sân thượng vọng xuống; rồi lại nghe một tiếng nổ. Trở lên, tôi thấy Bản chết.

Tưởng cũng nên trách nhẹ tác giả một điều. Là thỉnh thoảng dùng tiếng Pháp, không phải trong các đối thoại. Những chữ này không ở giữa ngoặc kép hoặc in xiên, những chữ ngoại quốc mà ta có chữ nghĩa tương đương, hoặc đã được Việt hóa như «thay *drap*», «áo xanh *jade tron*», «*Júrag* dẩy vào *toilette*». Một thói quen, một sơ xuất, hay một sự phụ phàng? (1)

ĐẠO DIỄN [DIỄN VÀ DIỄN VIÊN

Biên-khảo của *Ngọc-Linh* do PHÙ SA xuất bản. 112 trang. Giá 54đ.

Tác giả:

NGỌC-LINH tên là Dương-Đại-Tân, sanh tại làng Tân-duyệt, Cà-mau. Thư kí tòa soạn tuần báo *Nhân-loại* (1957-1958) và cộng tác với nhiều báo hằng ngày từ 1953 trở đi. Cùng Sơn Nam chủ trương nhà xuất bản (1959). Đã xuất bản: *Nguyễn-Trung-Trực*, ảnh hùng dân chài (cùng viết với Sơn-Nam) *Đôi mắt người xưa*, *Buổi chiều lá rụng*, *Nước mắt đàn bà*, *Ngã rẽ tâm*

ình, *Hoa nở về đêm*, *Trời không có nắng*, *Nắng sớm mưa chiều*, *Gạo chợ nước sông*, *Yêu trong hoàng hôn*, *Bây giờ em ở đâu*, *Mái tóc ngày trước*, *Trên sông hoàng hôn*, *Như hạt mưa sa*... Những tác phẩm trên đây, nhiều tiểu thuyết đã được quay thành phim hay trình diễn trên sân khấu hoặc phóng tác thành thoại kịch để trình diễn.

Tác phẩm:

Đạo diễn và diễn viên của *Ngọc-Linh* là một tập sách mỏng bàn về sân khấu, cụ thể ở đây là vấn đề kịch.

(1) Chúng tôi muốn nói: phụ phàng đối với tiếng mẹ. Những chữ Pháp, chúng tôi choin xiên.



Theo tác giả, kịch là một hình thái nghệ thuật như bao hình thái nghệ thuật khác định nghĩa như những hiện tượng xã hội, vừa có thể phản ánh đời sống lại vừa có khả năng góp sức giải quyết được những mâu thuẫn của đời sống bằng cách mở ra những chiều hướng tốt đẹp cho tương lai con người. Nhưng từ cách thế riêng của mình, kịch lại có những thuộc tính và khả năng cảm hóa đặc biệt mà những bộ môn nghệ thuật khác không có được là cái tính chất *tổng hợp và trực tiếp* của nó. Nói tổng hợp là vì kịch đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ của nhiều ngành nghệ thuật khác như kiến trúc, hội họa, âm nhạc, ca vũ, văn chương... thành một toàn thể độc đáo. Nói trực tiếp vì không những kịch trực tiếp bày tỏ với người xem hình tượng cụ thể sống thực, kịch còn phải gắn chặt với những vấn đề trước mắt của thời đại nữa.

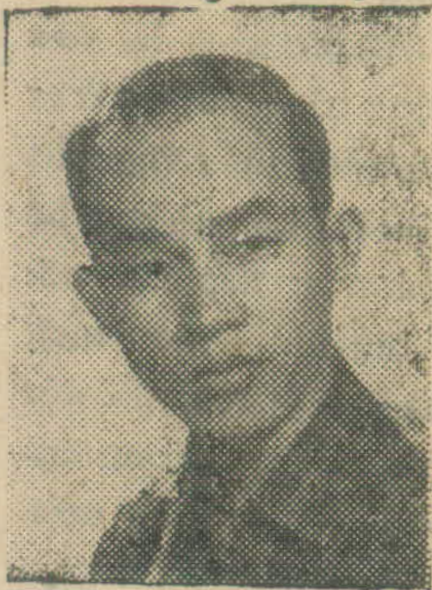
Chính cái tính chất tổng hợp đặc biệt ấy của kịch đã đòi hỏi người đạo diễn cái khả năng «phối hợp» thật lớn. Như người chỉ huy một mặt trận cần nắm vững mọi yếu tố chiến tranh để thắng lợi, nhà đạo diễn không những phải có những kiến thức rộng rãi về nhiều ngành nghệ thuật, mà còn phải có tài chỉ huy và tổ chức nữa. Kinh nghiệm một đời sống dân chủ, tập thể rất cần thiết cho nhà đạo diễn thành công.

Diễn viên là một nhân tố quan trọng vào bậc nhất của kịch. Thời hiện đại, thành kiến xướng ca vô loại đối với người diễn viên đã hóa ra lạc hậu, hẹp hòi. Diễn viên ngày nay là một nghệ sĩ thực thụ, và hơn nữa, là một «nhà giáo», nếu quan niệm như Shakespeare : «kịch là một phương tiện giáo dục». Quan trọng như vậy, song diễn viên vẫn chỉ là một thành phần của toàn thể vở kịch, nên phải tự biết đặt mình vào kỉ luật chung, cụ thể là phải nhận sự hướng dẫn của nhà đạo diễn. Nhưng nói như thế không phải cho diễn viên chỉ là một cái máy thụ động. Muốn rung cảm người xem, cũng như muốn diễn đạt trung thực ý nghĩa vở kịch, diễn viên ngoài việc phải chân thực với mình để lột cho được vai trò mình giữ, lại còn phải không ngừng học hỏi xã hội, nghiên cứu nghệ thuật, bồi dưỡng khả năng để xứng đáng là một nghệ sĩ có tinh thần sáng tạo chủ động. Thái độ tự cao tự đại cũng có hại cho diễn viên như những hành vi vô đạo đức trong đời tư của mình vậy.

Những nét lớn trên trong *Đạo diễn và diễn viên* đã được tác giả trình bày cô đọng sáng sủa theo một quan điểm nghệ thuật thật tiến bộ. Tuy nhiên, theo như lời tác giả, công trình này chỉ là bước đầu cần được tiếp tục. Chúng ta hi vọng trong những tập nghiên cứu kế tiếp, tác giả sẽ đi sâu hơn nữa vào các vấn đề chuyên môn của sân khấu, hoặc những vấn đề đặc biệt của sân khấu Việt-Nam như tuồng chèo, cải lương..., và nhất là gắn chặt với hiện tình cụ thể của sân khấu miền Nam hiện giờ — đặc biệt nhất là thoại kịch — để mở ra cho nó một lối thoát, đưa nó về con đường xây dựng xã hội mà tác giả đã quan niệm một cách xác đáng.

Trong sự trầm trệ chung về văn hóa ở đây — trong đó có sân khấu — việc làm của tác giả cần được ghi nhận như những nỗ lực đáng khuyến khích.

QUÊ HƯƠNG THƠ ẤU



Thơ của Kiên-Giang Hà-Huy-Hà, Phù-sa xuất bản, 64tr. 70đ.

Tác giả :

KIÊN GIANG. Tên thật : Hà-Huy-Hà. Sinh ngày 7-2-1929 tại làng Đông-thái, quận An-biên, tỉnh Rạch-giá (Kiên-giang). Viết báo, soạn tuồng, làm thơ, phụ-trách ban thi văn *Mây Tần*, chuyên giới thiệu thi văn miền Nam và các nhà thơ trẻ bây giờ. Đã xuất bản : *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* (thơ, 1962), *Gánh chiếu*

Tà - niên (kịch thơ, 1963).

Tác phẩm :

Có một nhà thơ lão thành rất bi quan về số phận thi ca đem bán phố phường; người đề nghị : thơ, nên in độ năm trăm quyển, in rô-nê-ô, cho nó cái bìa ti-bô cho có vẻ, rồi đem tặng bạn bè cùng các thư viện ; chớ bán, thì đừng, vì người kinh nghiệm rằng : thơ, cái số nó là cho rất nhiều mà bán chẳng được bao nhiêu.

Lại có một nhà thơ vừa độ ba mươi, cũng xuất thân từ bờ vịnh Xiêm-la như người đàn anh vừa nói, trái lại, in thơ mình — tập thơ đầu — khá nhiều, đến 3.000 quyển, bán hết trong năm, liền tái bản rất nhiều : 5.000 quyển, lại bán hết. Năm năm sau — giữa năm nay — lại in tập thơ thứ nhì đến 5.000 quyển.

Nhà thơ trên gốc Hà-tiên : Đông-Hồ Lâm-Tấn-Phác.

Nhà thơ dưới gốc Rạch-giá : Kiên-Giang Hà-Huy-Hà.

Tập thơ đầu bán hết 8.000 quyển là *Hoa trắng thôi cài trên áo tím*. Tập thơ thứ hai mới phát hành có tên : *Quê hương thơ ấu*

Lời đề nghị của lão thi nhân ở cạnh hồ Đông rất là có lí ; mà thành công của trung thi sĩ ở bến Kiên giang cũng có lí.

Vì tiếng thơ của người nghệ sĩ họ Hà mà tên cũng Hà này nó cũng là tiếng nói chân thành và mộc mạc của người trai đôn hậu miền phù sa còn mãi tiếp bồi. Nghe luôn những điệu nhạc loạn cuồng, những điệu thơ trực trặc, chẳng cần văn, nhạc, người Việt thấy nhớ nhưng những cái gì quá ư quen thuộc : cảnh chốn chôn nhau, tình thời thơ ấu, mà mình như đề lạc mất lúc nào chẳng hay, nay có người nhẹ nhẹ làm sống dậy, êm êm nhắc nhở mình với điệu với lời quen quá đổi quen :

Mẹ bảo : "Hàm râu hôi thuốc điếu",

Cha liền hớt tóc, xức dầu thơm.

Nghe còn đỏ đẽ lời ba má,

Từ đó cha mình thương má hơn

(Thuở lên ba)

Rồi lớn lên đưa bé nhà quê ấy đến trường học chữ, tập đồ, chơi nhà chòi với bạn lúc ra chơi, chơi chim bay cò bay giờ thể dục, rồi tháng giêng thả diều, đề sau này

Lòng nghe sống lại ít nhiều tuổi thơ.

Dây diều là một cung tơ

Cánh diều là một bài thơ nô đùa.

Nhữ kỉ-niệm xưa: đồng xu giấy chặm lặt cô bạn nhỏ ngồi kể, tà áo tím ai với «Suối tóc thề buông như vẫy tay», đề rồi lớn lên, phải đưa chen sống ở «Sài-gòn lấm bụi bay», đề thấy tuổi thơ mình chết như quả bong bóng màu nỏ «trong hơi đại bác»

Nhớ hơi mẹ, năm lần dứt sữa, rồi khi gió bắc hiu hiu, tưởng lại cha thấy mình

Nửa đời sự nghiệp còn tay trắng,

Chưa trả ơn, cha đã chết rồi.

Bóng núi Thái-sơn cao chót vót,

Hồn cha phảng phất tận mây trời.

Nhưng cạnh những tình riêng ấy, còn có nghĩa chung của những học sinh vì Tổ quốc đứng lên chống lại bạo lực, cường quyền, còn có những cảnh náo lòng của những em học sinh mù đánh vần cầm ở đô thành lộng lẫy, của những nhà thơ «ngực lép thân gầy, máu ói ra», của quê hương còn đạn bay lửa cháy.

Lời thơ không trao chuốt, nhưng tác giả — ý tình vừa bình dị vừa thiết tha — làm ta bùi ngùi như người, khi người tự hỏi:

Làm sao nhạt hết bụi đời

Cho hương tuổi ngọc thơm trời ấu thơ.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠ

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin:

anh PHẠM-DUY-ANH và chị ĐINH-THỊ MINH-TOÁN

làm lễ thành-hôn tại Saigon ngày 9-9-1967, chân thành chúc tân lang và tân giai-nhân trăm năm hạnh-phúc.

LÊ - NGỘ - CHÂU

Nhà may

BẮC HẢI

Tốt nghiệp tại Ba-Lê

778 Phan Thanh Giản Saigon

Chuyên may Âu phục

Hợp thời trang — Giá phải chăng

Phát-triển nông-thôn và Giáo - dục nông - nghiệp

Một khía cạnh then chốt của vấn đề thời sự, vấn đề phát triển nông thôn, đã được đem ra mổ xẻ trong khóa hội thảo về « chính sách và đường lối giáo dục, nông nghiệp tại Việt Nam » tổ chức tại Saigon vào cuối tháng 7 vừa qua, dưới sự bảo trợ của hội chuyên viên và kỹ-thuật gia.

Theo các thuyết trình viên trong cuộc hội thảo một lỗi lầm chung của các chương trình phát triển kinh tế là đã quá đặt nặng vấn đề kỹ nghệ hóa và sao lãng vấn đề phát triển nông nghiệp. Kinh nghiệm đã chứng tỏ trở ngại đáng kể trong công cuộc phát triển kinh tế không phải là kỹ nghệ hóa mà là canh tân nông nghiệp.

Muốn canh tân nông nghiệp, người ta thường nghĩ tới các công tác như cơ giới hóa, hóa học hóa, đa canh hóa nông nghiệp để tăng năng suất. Nhưng để thực hiện được các công tác đó, có máy móc dụng cụ tối tân, phân bón rồi rào và hạt giống thật tốt cũng chưa đủ.

Điều quan trọng hơn là phải khuyến khích, giáo dục và hướng dẫn các nông dân — vốn có tinh thần thủ cựu — áp dụng các kỹ thuật canh tác mới. Nhận xét như vậy cho ta thấy tầm quan trọng của các chuyên viên và các cán bộ canh nông trong công cuộc canh tân hóa nông nghiệp. Về phương diện này, cuộc hội thảo cho ta thấy hãy còn nhiều thiếu sót trầm trọng trong công cuộc đào tạo chuyên viên và cán bộ canh nông tại Việt Nam. Những thiếu sót này đã được phân tích

cẩn kẽ trong bài thuyết trình về « Chính sách đào tạo chuyên viên canh nông » của Ông Nguyễn Văn Hào, mà chúng tôi xin tóm lược dưới đây :

oOo

Tình trạng hiện tại

Hiện nay chúng ta có một trường cao đẳng và ba trường trung đẳng canh nông. Số sinh viên được nhận đào tạo hàng năm do bốn trường nổi trên được vào lối 220 người, chia ra 120 kỹ sư và hơn 100 người kiểm sự hoặc huấn sự. So với tổng số sinh viên đại học là 26.000 người, tức là 0,50%, và so với tầm quan trọng của canh nông trong kinh tế nước ta, tỷ số này thực là không đáng kể. Trong khi Việt Nam chỉ có một sinh viên canh nông cho mỗi 200 sinh viên đại học thì phần lớn các nước khác như Thái Lan, Ấn độ, Nhật, Thổ Nhĩ Kỳ có 1 sinh viên canh nông cho từ 14 đến 33 sinh viên đại học. Nói một cách khác, tính theo tỷ số trên, nền giáo dục canh nông của ta thấp hơn Thái Lan 4 lần, Nhật Bản 5 lần và Đài Loan 9 lần.

Nói về cơ sở đào tạo chuyên viên canh nông thì Việt Nam lại còn quá thiếu thốn. Ví dụ đối với Đài Loan một nước nông nghiệp mà diện tích canh tác 4 lần ít hơn ta (8.823 km²/30.820 km²) thì tại xứ này đã có 3 trường Đại học và 20 trường Trung cấp cho Nông Lâm Súc.

Một sự thật chua chát hơn nữa : Việt Nam là một bán đảo và sông ngòi rất

phong phú, và ngành ngư nghiệp phải đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc gia, chúng ta lại không có một cơ sở nào để đào tạo chuyên môn về ngư nghiệp và những người cao cấp nhất của Nha Ngư Nghiệp lại là Bác sĩ Thú Y.

Còn số chuyên viên canh nông sẽ được đào tạo ở ngoại quốc cũng rất ít. Năm 1964-65 là năm sinh viên ồ ạt xuất ngoại du học vì Chính phủ đã dễ dãi trong vấn đề này, đã có tới 811 người xuất ngoại. Trong số này chỉ có 24 người xin đi học về canh nông, tức vào khoảng 3%. Còn về công chức đi tu nghiệp ở ngoại quốc, nếu chỉ nói ở Huê Kỳ, từ 1951 đến 1967, chỉ có 1.708 người, trong đó 146 đi tu nghiệp về canh nông, tức 8%, trong lúc đó tại Phi Luật Tân tỷ lệ này luôn luôn được giữ vào lối 25%, và ít có khi nào bị sút kém.

Cũng như giáo dục, nghiên cứu canh nông đóng một vai trò then chốt trong vấn đề tăng năng suất. Việt Nam cũng như các nước chậm tiến khác, đang lâm vào tình trạng thiếu phương tiện nghiên cứu trong lãnh vực canh nông. Những con số chắc chắn nhất cho ta thấy rằng tại Nha Khảo cứu Canh nông trong số 280 nhân viên chỉ có 90 người là thật sự hoạt động về nghiên cứu. Thêm vào đó có 25 người nghiên cứu tại Hải-Học Viện Nha Trang. Trong khi tại Việt Nam chỉ có 2 người nghiên cứu về canh nông cho mỗi 100.000 nông dân thì tại các nước khác tỷ lệ này là 4,7 cho Thái Lan, 10 cho Mã Lai Á, 60 cho Nhật Bản, 79 cho Đài Loan và 133 cho Hòa Lan.

Công cuộc giáo dục và nghiên cứu canh nông cần phải được bổ túc bằng các hoạt động khuyến nông để phổ biến và giúp cho nông dân các phương tiện áp dụng các kỹ thuật canh tân nông nghiệp.

Chưa có một kỹ thuật nào hoàn hảo để đo lường ảnh hưởng của khuyến nông trong vấn đề phát triển nông nghiệp, cũng như rất khó tập trung những con số cần thiết để có một ý niệm rõ ràng về hoạt động khuyến nông, vì ở tại Việt Nam, cũng như ở nước láng giềng, hoạt động khuyến nông không phải chỉ do một cơ quan trung ương đảm trách. Ngoài cơ quan này, có rất nhiều cơ quan chuyên môn của mỗi ngành, trong khi điều hành chương trình hoạt động đã phải đảm trách luôn hoạt động khuyến nông. Ví dụ Nha Ngư nghiệp hay Mục súc trong khi thi hành chương trình thường xuyên hàng năm của mình cũng còn có làm những công tác khuyến nông của ngành mình. Trên lý thuyết, Nha Hiệp hội Nông dân cũng có trách nhiệm về khuyến nông, nhưng trên thực tế chúng ta thấy ảnh hưởng của Nha này trong địa hạt nói trên rất kém, nếu không nói là hầu như không có.

Về phương diện chuyên viên khuyến nông, chúng ta hãy còn kém xa các nước khác có những điều kiện phát triển kinh tế tương tự. Nếu tại Việt Nam, một chuyên viên khuyến nông (chúng ta chỉ có lối 100 người) phải đảm trách lối 56.000 nông dân, thì ở các nước khác tỷ lệ này đã xuống đến 35.000 cho Thái Lan, 7.000 cho Đại Hàn, 4.000 cho Mã Lai Á, 3.500 cho Phi Luật Tân, 1.700 cho Đài Loan và 1.000 cho Nhật Bản.

Sau khi đã đưa ra những tài liệu chứng tỏ sự thiếu sót trầm trọng trong các lãnh vực giáo dục và nghiên cứu canh nông cũng như khuyến nông, thuyết trình viên đã đề nghị một chính sách đào tạo chuyên viên canh nông phù hợp với chính sách phát triển canh nông.

Phác hội chính-sách đào-tạo chuyên-viên canh nông

Theo thuyết trình viên « Chính sách này phải nhằm đào tạo những chuyên viên đầy số lượng, dồi dào về khả năng, tích cực về tinh thần khả dĩ bắt tay ngay vào thực hành từ khi ra khỏi nhà trường để đáp ứng với nhu cầu rộng lớn của nông nghiệp. » Các đặc điểm của chính sách này như sau :

1) — Một nền giáo dục sơ cấp có tính cách canh nông :

Nói đến chuyên viên canh nông, người ta nghĩ đến các kỹ sư, và nói đến đào tạo chuyên viên, người ta nghĩ ngay đến các trường Đại học và Cao đẳng Canh nông.

Sự thật việc đào tạo chuyên viên canh nông, muốn đạt được kết quả, phải được chuẩn bị ngay từ cấp sơ đẳng của nền giáo dục.

Vì nước ta là một nước nông nghiệp và vì đa số học sinh các trường Tiểu học không có hy vọng tiếp tục học xa cũng như vì nhu cầu sống và thiếu phương tiện tài chánh họ phải rời ghế nhà trường, thì đối với họ việc biết dùng phân bón, biết ngừa dịch heo gà, biết ướp cá khỏi ươn, biết kết đoàn thành Hợp tác xã, để khỏi bị trung gian bóc lột... cũng không kém phần quan trọng hơn giải quyết một bài qui tắc tam xuất hoặc sắp xếp câu văn cho gãy gọn.

Theo các con số thống kê năm 1964-1965 thì so với số học sinh bắt đầu học tiểu học, chỉ có 180/0 là lên trung học còn lại 820/0 phải bỏ học để ra làm việc.

Đối với 1 tỷ lệ bỏ học cao như thế, chúng ta phải có một chương trình giáo dục bậc Tiểu học nặng về canh nông để

giúp các con em này, sau khi rời ghế nhà trường còn có thể giúp ích cho bản thân của họ trong vấn đề sản xuất và với một căn bản tối thiểu sẵn có, nếu họ muốn, có thể hấp thụ những kỹ thuật canh nông tại các trường canh nông sơ đẳng hay trung đẳng, cũng như có thể tiếp nhận ngay được những sự chỉ dẫn của cán bộ khuyến nông.

Trái lại đối với ngành Trung học, chúng ta không nên chuyên môn hóa vì giáo dục Trung học là giáo dục phổ thông, học sinh Trung học phải học những kiến thức phổ thông, và chỉ có thể thêm vào chương trình, nếu cho đó là cần thiết, một vài môn về canh nông có tính cách tổng quát, chứ không thể chuyên môn về canh nông. Do đó không thể đặt ra một bằng « Tú tài Canh nông ». Ngành chuyên môn canh nông Trung cấp phải do Trường Canh nông Trung cấp đảm nhiệm.

2) — Nặng về lượng

Vì nhu cầu cải tiến nông nghiệp rộng lớn và cấp bách, chính sách giáo dục nông nghiệp nên hướng về việc đào tạo rất nhiều các chuyên viên năng lực trung bình hơn là một số rất ít chuyên viên giỏi. Chính sách này nhằm mục đích tránh tệ đoan các « chuyên viên bằng cấp cao » chỉ muốn giữ chức vụ quan trọng tại Trung Ương. Phương pháp sản xuất thật nhiều chuyên viên Nông Lâm Súc sẽ tạo ra tình trạng cạnh tranh thi đua trong ngành này và như thế mới có thể lựa chọn những người điều khiển thật sự mà không hoàn toàn bị bằng cấp chi phối.

Số nhu cầu về Kỹ sư Canh nông tại Việt Nam quá to tát. Nếu phải đưa một con số ước đoán chắc chắn cho toàn

nhu cầu về chuyên viên Canh nông tại Việt Nam cho cả các hoạt động Nông Lâm Súc và Ngư Nghiệp cũng như Khảo cứu và Khuyến nông, thì chúng ta có thể còn rụt rè vì còn thiếu nhiều yếu tố định đoạt, nhưng chúng ta cũng có thể đưa ra một cơ sở so sánh.

Ví dụ như ngành Khuyến nông, tỷ lệ thông thường mà các kinh tế gia ước lượng về nhân số chuyên viên truyền bá của ngành này (bậc Đại học) là một cho 300 nông trại chủ. Nếu chúng ta lấy tỷ lệ này làm căn bản, thì số kỹ sư cần thiết cho ngành khuyến nông tại Việt Nam sẽ là 7.000 người. Hiện tại, nếu cho rằng mỗi năm trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc cho ra được 100 kỹ sư và nếu tất cả số này sẽ được đào tạo cho ngành khuyến nông, thì với nhịp độ này, chúng ta phải chờ 70 năm nữa mới đủ số cần thiết và với điều kiện là từ đây đến năm 2036 không có gì thay đổi cả.

3) — Cải tiến phẩm

Song song với vấn đề tăng lượng cũng còn cần chú ý đến vấn đề tăng phẩm với mục đích nâng cao khả năng chuyên môn và tinh thần phục vụ của các chuyên viên canh nông.

Muốn vậy nên dành cho chuyên viên canh nông một số đặc quyền (như học bổng, điều kiện làm việc tốt, xử dụng họ theo đúng tài năng và công bằng. Đồng thời cũng gia tăng phương tiện giáo huấn và cải tiến kỹ thuật giảng huấn, nặng về thực tập hơn là lý thuyết. Người sinh viên canh nông nên sống chung với nông dân ở các nông trại được nhiều chừng nào hay chừng ấy.

Công tác nghiên cứu canh nông phải được xúc tiến mạnh và phải hướng về thực tế nhằm biến đổi những kết quả

đã tìm thấy ở các nước khác để áp dụng thích hợp với nhu cầu địa phương. Khuyến nông cũng phải được đưa lên hàng đầu vì chính cán bộ khuyến nông là nhịp cầu giữa lý thuyết và thực hành, chính họ là những bộ máy thúc đẩy trực tiếp cho sự phát triển nông nghiệp.

4) — Quân bình số lượng chuyên viên các cấp

Số lượng chuyên viên ở các cấp Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp phải được phân chia sao cho phù hợp với nhau, thành phần này bổ túc cho thành phần kia theo thể kim tự tháp. Hiện nay, mỗi năm ta đào tạo trung bình 120 kỹ sư, 100 kiểm sự và 70 huấn sự. Số chuyên viên trung cấp và sơ cấp do đó quá ít so với số chuyên viên cao đẳng. Vậy cần phải mở rộng các trường trung cấp và sơ cấp để đào tạo thêm chuyên viên ở hai cấp này.

Chuyên viên canh nông (theo nghĩa hẹp) ở bậc Sơ cấp rất cần thiết. Những cán bộ này, sống chung, làm việc chung, với nông dân, phải có tác phong nông dân (ăn mặc, nói năng, cử chỉ...) thì mới được nông dân tin nhiệm. Thực tế, hạng cán bộ này đa nhiệm, vì họ phải giúp nông dân giải quyết hầu hết tất cả các vấn đề ở địa phương.

Nhưng chuyên viên canh nông của Chính phủ dồi dào và tài giỏi đến đâu, mà dân chúng lãnh đạm, thì chính sách đề ra cũng trở thành vô hiệu và bao nhiêu công của bỏ ra để đào tạo chuyên viên cũng chỉ là công dã tràng. Phải làm thế nào để biến nông thôn thành một môi trường có ý chí và khả năng hấp thụ để dang những kỹ thuật và phương pháp phổ biến.

Do đó nên chọn trong số nông dân, những người có thiện chí, có uy tín, hiểu động và huấn luyện họ về chuyên môn. Họ sẽ trở thành những người nông dân nòng cốt, hợp tác với người cán bộ cơ sở trong việc phổ biến kỹ thuật và phương pháp nông thôn. Nhờ tích cực, lại được nông dân trong thôn ấp tín nhiệm, những điều họ nói sẽ được nông dân nghe, những điều họ làm được nông dân bắt chước. Là nhịp cầu thông cảm giữa chuyên viên của chính phủ và nông dân, các phần tử nòng cốt này có thể chọn trong số cán bộ của các tổ chức nông dân (hợp tác xã, hiệp hội nông dân, nghiệp đoàn)... Họ là những hạch tâm từ đó phát xuất và lan tràn mọi phong trào cải tiến nông thôn, vì nhờ họ mà chúng ta có thể thực hiện mọi công cuộc phát triển cộng đồng.

5) — *Tiến tới một Viện Quốc Gia
Nông Nghiệp*

Muốn đi tới đường hướng đào tạo

«Lực-lượng Bảo-vệ Văn-hóa Dân-tộc» đệ-nhất chu-niên ngày thành lập

Buổi tiệc trà kỉ niệm đệ nhất chu niên ngày thành lập Lực Lượng Bảo Vệ Văn Hóa Dân Tộc (7-8-1966), do Lực Lượng phối hợp với Tổng Hội Khổng Học Việt Nam tổ chức tại Khổng Miếu trong Thảo Cầm Viên vào sáng ngày 27-8-1967 đã họp mặt được lối 500 quan khách gồm đủ mọi giới như phụ nữ, quân nhân, lao động, trí thức, sinh viên học sinh, báo-chí trong và ngoài nước. Trong số các đoàn thể tôn giáo, văn hóa, xã hội tham dự, người ta nhận thấy có các vị đại diện của Tòa Tổng Giám Mục Sài-gòn, Hội Bảo Vệ Nhân Phẩm và Quyền Lợi Phụ Nữ, hội Liên Hiệp Giáo Chức Việt

chuyên viên canh nông là những người phục vụ thật sự cho nông thôn, phát triển kinh tế, hướng về khảo cứu, nặng về khuyến nông, thuyết trình viên cho rằng phương thức hay nhất là nên tổ chức Trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc hiện tại thành Viện Quốc Gia Nông Nghiệp, với cơ cấu tự trị và một bản giảng huấn riêng biệt.

Cần nhất là tránh sự trùng dụng có thể phung phí tài nguyên, như trường hợp lập một trường Cao đẳng Nông Lâm Súc nữa tại Cần Thơ. Thuyết trình viên cho rằng nên có một trường duy nhất tại Việt Nam về Đại học Nông Lâm Súc, mở tại Cần Thơ chẳng hạn, để có thể tránh được nhiều khó khăn, một trong các vấn đề đó là trình trạng khan hiếm các giáo sư giỏi để phụ trách việc giảng dạy.

Nam, Hội Bạn Trẻ Việt Nam, Liên Hiệp Các Nghiệp Đoàn Tự-Do, Hội Kỹ Sư và Kỹ Thuật Gia, Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, Hội Phụ Lão Chống Cộng...

Ông Lê Văn Giáp, Chủ tịch L.L.B. V.V.H.D.T, đọc diễn văn khai mạc đã nói sơ lược đến những hoạt động của Lực Lượng trong một năm qua. Theo lời ông, tuy gặp nhiều khó khăn ngoài ý muốn, Lực Lượng cũng đã thu đạt được nhiều thành quả đáng kể trong việc thực thi chủ trương đường lối mà Đại hội Văn Hóa ngày 7-8-66 tại Tòa Đô Chính đã nêu ra. Lực Lượng đã góp

sức với nhiều đoàn thể xã hội, giáo dục đề tổ chức liên tục những cuộc hội thảo và trình diễn văn nghệ nhằm gây ý thức dân tộc sâu rộng trong quần chúng từ đô thị về đến các tỉnh, các quận... Kết quả của những việc làm trên là sự ra đời của nhiều tờ báo lấy tôn chỉ của Lực Lượng trong việc sáng tác, phê bình, nhiều, đoàn thể văn hóa, xã hội gia nhập Lực Lượng như những thành viên, nhiều cuộc trình diễn và sáng tác văn nghệ đã được tổ chức để phát huy tinh thần dân tộc, nhiều nhà văn đã dứt bỏ đường lối đòi truy dân ô... Ngoài ra Lực Lượng còn lưu ý tới các công tác xã hội như tổ chức trình diễn văn nghệ lấy tiền đem tận tay đồng bào miền Tây bị lụt năm ngoái. Những thành quả ấy, tuy chưa được là bao, nhưng vì đáp ứng được nguyện vọng dân tộc, nên chẳng những Lực Lượng được đông đảo trí thức trong nước tán thành, mà còn được dư luận một số nước ngoài như Anh, Mi, Đức... tiếp xúc hoan nghênh nữa.

Bày tỏ ý kiến trong cuộc họp mặt,

ông Nguyễn Văn Tự, quyền hội trưởng Hội Khổng Học Việt Nam cũng đã đề cập sự cần thiết phải chống văn hóa đồi trụy và phát huy văn hóa dân tộc để kêu gọi mọi giới đồng bào tham gia phong-trào cũng như kêu gọi nhà cầm quyền tích cực giúp đỡ phong trào.

Buổi họp mặt văn hóa trên, tuy diễn ra trong bầu không khí cổ kính trang nghiêm nơi miếu Đức Thánh Khổng, nhưng không kém phần thân mật nhờ hương vị đậm đà của những chiếc bánh ngọt do Hội Bảo Vệ Nhan Phẩm và Quyền Lợi Phụ Nữ gửi tặng, quện trong những câu thơ, tiếng hát cổ truyền của dân tộc ba miền do các nghệ sĩ tên tuổi thủ đô trình diễn.

Ngoài số những người được giấy mời chính thức, buổi họp mặt văn hóa kỷ niệm đệ nhất chu niên ngày thành lập L.L.B.V.V.H.D.T. còn thu hút được một số đồng bào, và đặc biệt, một số người ngoại quốc, một số sĩ quan Cộng Hòa du ngoạn trong thảo cầm viên.

HUY-TÙNG

Ngày quốc tế Chống nạn mù chữ ở nước Việt cộng-hòa

Đó là ngày 8 tháng 9 năm nay, ngày khai mạc hội nghị các tổng trưởng Giáo dục thế giới về chống nạn thất học, họp tại thủ đô nước Ba-tư vào năm 1965.

Buổi lễ được tổ chức tại viện Quốc gia Âm nhạc và kịch nghệ, dưới sự chủ tọa của ông phó chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, lúc 9 giờ rưỡi.

Ông giám đốc nha Tiểu học khai mạc với bài thuyết trình nói về chương trình đã và đang thực hiện cùng những thành quả đạt được về lãnh

vực chống nạn mù chữ tại nước Việt cộng hòa.

Nước ta là một nước kém mở mang mà nguyên nhân chính là nạn thất học; phỏng đoán số người mù chữ tại nước ta có toè từ 10 đến 15 0/0 tùy vùng.

Ông nhắc đến những hội Truyền bá Quốc ngữ có từ 1940, và mãi đến 1949, các chánh phủ quốc gia kế tiếp cố gắng giải quyết nạn mù chữ bằng cách: mở những lớp Tiểu học cấp tốc tại những địa điểm không có

trường Tiểu học, mở những lớp chống nạn mù chữ dành cho Tráng niên. Nhưng kết quả thu lượm được chẳng là bao.

Ông đưa ra vài con số: 1954 với 3.106 lớp, 3.949 giảng viên và 127.493 học viên trên tổng số 2.170.416 người mù chữ; 1957 với 17.794 lớp, 27.007 giảng viên, 1.033.751 học viên trong đó có 50% mãn khóa. Rồi từ 1958, vì thời cuộc, số học viên và số lớp giảm sút một cách đáng lo ngại. Đến 1966, chỉ còn 138 lớp với 5000 học viên. Bộ Giáo dục thẳng thắn đã cho «tái phát động chiến dịch mù chữ» vào năm nay.

Ông nhắc đến hội Văn hóa bình dân đã từ 1955 mở được 47 lớp chống nạn thất học với 1.889 học viên. Và tính tới nay hội đã mở được 588 lớp vỡ lòng với 24.909 học viên và 909 lớp bổ túc với 40.794 học viên.

Ông kết luận: «Chúng tôi chân thành xin chính phủ nâng việc chống nạn mù chữ lên hàng quốc sách để trong một thời gian ngắn, nạn mù chữ tại nước Việt cộng hòa sẽ chấm dứt hẳn. Do đó, «dân giàu nước mạnh»...

Tiếp đến ông phó chủ tịch Ủy ban hành pháp trung ương. Ông cho biết hơn 700 triệu — tức 2/5 dân số thế giới — đồng loại của chúng ta trên mặt trái đất này hiện chưa biết đọc, biết viết; rồi ông nói đến «quyền được giáo dục của tất cả mọi người.

Sau đó, quan khách hướng dẫn xem cuộc triển lãm gồm có sách học, sách văn ta và của đồng bào thiếu số, hình ảnh về sinh hoạt thanh toán nạn mù chữ của

bộ Giáo dục và của hội Văn hóa bình dân, cùng những văn kiện liên quan đến công việc chống nạn dốt.

Có điều hơi buồn là ông phó chủ tịch UBHQ T.Đ nói trong bài diễn văn «sự hiên diện đông đảo của quý vị trong ngày quốc tế chống nạn mù chữ năm nay, tổ chức tại nơi đây» nhưng sự thật, ngoài số quan khách ngoại quốc và người của bộ Giáo dục độ dăm chục người, số nhà báo, nhà giáo, nhà văn, sinh viên, học sinh có mặt có thể đếm trên đầu ngón tay. Thật là lơ thơ đến phát nản, trước một buổi lễ... quốc tế có tầm sâu rộng như ngày quốc tế chống nạn mù chữ, lần đầu tổ chức ở nước ta. Và cuộc triển lãm cũng thiếu phần phong phú.

May thay sau đó, ban tổ chức có cho trình diễn nhạc võ Tây-sơn, hâm nóng bầu không khí có phần tẻ lạnh. Nhạc võ Tây sơn là một giàn nhạc dân tộc chuyên trình diễn những nhạc khúc mang tính chất chiến đấu truyền từ thời Tây-sơn cho tới nay. Người trình diễn là ông Nguyễn-Phong, một trong số ít người thấu đáo nghệ thuật gần như thất truyền này. Nhạc khí căn bản của giàn nhạc này là bộ trống gồm 12 chiếc, mỗi chiếc mang một âm thanh riêng biệt mà người biểu diễn đánh bằng dùi bằng mu và lòng bàn tay, bằng cả cùi chỏ, có bốn nhạc công phụ họa bằng đàn cò, bằng kèn, bằng phèn la, bằng mõ. Người ra về lại nhớ cái phần phụ bằng âm thanh này hơn là phần chánh bằng hình ảnh và sách báo!

NGÊ-BÁ-L^I

Đón đọc:

NHÂN CHỨNG

* Tuyển Tập nhận định — giới thiệu sáng tác và chân dung của 40 nhà thơ, nhà văn nổi tiếng hiện đại — do PHỒ-ĐỨC chủ biên — Tập 1 phát hành trong tháng 9-1967.